

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG (Chủ biên)
ĐẶNG THỊ KIM NGÀ - XUÂN THỊ NGUYỆT HÀ - NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
DAY HỌC XÓA MÙ CHỮ
TIẾNG VIỆT
KỲ 3

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

LỜI NÓI ĐẦU

Tài liệu hướng dẫn dạy học xóa mù chữ Tiếng Việt Kỳ 3 được biên soạn nhằm giúp giáo viên, cán bộ quản lý tham gia xóa mù chữ thực hiện tốt Chương trình Xóa mù chữ ban hành kèm theo Thông tư số 33/2021/TT-BGDĐT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nội dung hướng dẫn gồm 2 phần:

Phần 1. Những vấn đề chung;

Phần 2. Hướng dẫn cụ thể.

Các tác giả xin trân trọng cảm ơn Vụ Giáo dục thường xuyên - Bộ Giáo dục và Đào tạo, các chuyên gia, các thành viên góp ý, phản biện, thẩm định đã định hướng, góp ý và tạo điều kiện thuận lợi cho chúng tôi hoàn thành Tài liệu này.

Rất mong các thầy giáo, cô giáo góp ý kiến để tài liệu được chỉnh lý đáp ứng tốt hơn yêu cầu dạy học trong lần xuất bản tiếp theo.

Các tác giả

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU	3
-------------------	---

PHẦN 1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. MỤC TIÊU MÔN TIẾNG VIỆT	7
II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT	8
IV. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC	11
V. CẤU TRÚC TÀI LIỆU XÓA MÙA CHỮ TIẾNG VIỆT KỲ 3	15

PHẦN 2 HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Chủ điểm: CUỘC SỐNG THƯỜNG NGÀY	19
Bài 1. GIEO NGÀY MỚI (5 tiết)	19
Bài 2. NHỮNG NGỌN HẢI ĐĂNG (5 tiết)	24
Bài 3. NGÀY NHƯ THẾ NÀO LÀ ĐẸP? (5 tiết)	28
Chủ điểm: NHỮNG BÀI HỌC TRONG TRANG SÁCH	32
Bài 4. VƯỜN TRONG THƯ VIỆN (5 tiết)	32
Bài 5. THẦY GIÁO CỦA TÔI (5 tiết)	37
Bài 6. NHÀ BÁC HỌC KHÔNG NGỪNG HỌC (5 tiết)	41
Chủ điểm: LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM	44
BÀI 7. NGHỀ DỆT THỎ CẨM Ở XÓM CHIỀNG (5 tiết)	44
BÀI 8. ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ (5 tiết)	48
BÀI 9. VÀO NGHỀ (5 tiết)	53

Chủ điểm: Ý THỨC CÔNG DÂN	57
BÀI 10. TRÁCH NHIỆM CỦA THANH NIÊN ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC VÀ XÃ HỘI (5 tiết)	57
BÀI 11. THƠ TÌNH NGƯỜI LÍNH BIỂN (5 tiết)	61
BÀI 12. NHỮNG BẠC ĐÁ CHẠM MÂY (5 tiết)	65
Chủ điểm: GIA ĐÌNH VÀ DÒNG HỌ	68
Bài 13. ĐẠO LÀM CON (5 tiết)	68
Bài 14. CÂU CHUYỆN CỦA KIẾN ANH (5 tiết)	72
Bài 15. BÀ CHÁU (5 tiết)	75
Chủ điểm: TÌNH LÀNG NGHĨA XÓM	79
Bài 16. TIẾNG RU (5 tiết)	79
Bài 17. NGƯỜI LÀM ĐỒ CHƠI (5 tiết)	83
Bài 18. BA ĐIỀU ƯỚC (5 tiết)	87
Bài 19. ÔN TẬP – TỰ ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ 3 (5 tiết)	90
Chủ điểm: CÁC MÙA TRONG NĂM	91
Bài 20. MÙA HẠ ĐI ĐÂU (5 tiết)	91
Bài 21. GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA (5 tiết)	96
Bài 22. CHUYỆN BỐN MÙA (5 tiết)	99
Chủ điểm: PHONG TỤC, TẬP QUÁN	103
Bài 23. NHÀ RÔNG Ở TÂY NGUYÊN (5 tiết)	103
Bài 24. LỄ HỘI XUỐNG ĐỒNG (5 tiết)	106
BÀI 25. BÁNH CHƯNG, BÁNH GIÀY (5 tiết)	110
Chủ điểm: THẮNG CẢNH ĐẤT NƯỚC	113
BÀI 26. ĐÀ LẠT (5 tiết)	113
BÀI 27. VÀM CỎ ĐỒNG (5 tiết)	117
BÀI 28. SỰ TÍCH HỒ BA BỂ (5 tiết)	121

Chủ điểm: VIỆT NAM – ĐẤT NƯỚC – CON NGƯỜI	125
Bài 29. KHẮP MIỀN ĐẤT NƯỚC (5 tiết).....	125
Bài 30. CÂY VÀ HOA BÊN LĂNG BÁC (5 tiết).....	128
Bài 31. HAI BÀ TRƯNG (5 tiết)	132
Chủ điểm: NGÔI NHÀ CHUNG	136
Bài 32. MỘT MÁI NHÀ CHUNG (5 tiết).....	136
BÀI 33. CHUYỆN QUẢ BẦU (5 tiết).....	140
Bài 34. ÔN TẬP – ĐÁNH GIÁ CUỐI NĂM/ CUỐI KÌ 3 (5 tiết)	144

I. MỤC TIÊU MÔN TIẾNG VIỆT**1. Mục tiêu chung**

1.1. Giúp học viên hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách và phát triển cá tính. Môn Tiếng Việt giúp học viên bước đầu khám phá bản thân và thế giới xung quanh, thấu hiểu con người, có đời sống tâm hồn phong phú, có quan niệm sống và ứng xử nhân văn; có tình yêu đối với tiếng Việt và văn học; có ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc, góp phần gìn giữ và phát triển các giá trị văn hóa Việt Nam; có tinh thần tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và bước đầu có khả năng hội nhập quốc tế.

1.2. Giúp học viên phát triển các năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đặc biệt môn Tiếng Việt giúp học viên phát triển năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe với mức độ căn bản.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giúp học viên hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu với các biểu hiện cụ thể: yêu thiên nhiên, gia đình, quê hương; có tình yêu tiếng Việt và hình thành thói quen giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của tiếng Việt; có ý thức đối với cội nguồn; có hứng thú học tập, có ý thức thực hiện trách nhiệm đối với gia đình, cộng đồng và xã hội; góp phần hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2.2. Giúp học viên bước đầu hình thành các năng lực chung, phát triển năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe với mức độ căn bản: đọc đúng, trôi chảy văn bản; hiểu được nội dung, thông tin chính của văn bản; liên hệ, so sánh ngoài văn bản; viết đúng chính tả, ngữ pháp; viết được một số câu, đoạn, bài văn ngắn (chủ yếu là bài văn kể và tả); phát biểu rõ ràng; nghe hiểu ý kiến người nói.

Bước đầu hình thành và phát triển năng lực văn học với yêu cầu phân biệt được thơ và truyện, biết cách đọc thơ và truyện; hiểu và biết xúc động trước cái đẹp, cái thiện của con người và thế giới xung quanh được thể hiện trong các văn bản văn học.

1.3. Giúp học viên hình thành phương pháp học tập, phương pháp tư duy, cách thức vận dụng các kiến thức, kĩ năng thu nhận được làm cơ sở cho việc học tập suốt đời.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Tiếng Việt góp phần hình thành, phát triển ở học viên những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Phần thứ nhất.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

1.1. Năng lực ngôn ngữ

- Đọc đúng, trôi chảy và diễn cảm văn bản; hiểu được nội dung chính của văn bản, chủ yếu là nội dung tường minh; bước đầu hiểu được nội dung hàm ẩn như chủ đề, bài học rút ra từ văn bản đã đọc.

Yêu cầu đọc gồm về kĩ thuật đọc và kĩ năng đọc hiểu. Đối với kì 1 và kì 2, chú trọng yêu cầu đọc đúng với tốc độ phù hợp và đọc hiểu nội dung đơn giản của văn bản. Đối với kì 3, kì 4 và kì 5, chú trọng nhiều hơn đến yêu cầu đọc hiểu nội dung cụ thể, hiểu chủ đề, hiểu bài học rút ra được từ văn bản.

- Từ kì 1 đến kì 3, viết đúng chính tả, từ vựng, ngữ pháp; viết được một số câu, đoạn văn ngắn; ở kì 4 và kì 5 bước đầu viết được bài văn ngắn hoàn chỉnh, chủ yếu là bài văn kể, tả và bài giới thiệu đơn giản.

Viết được văn bản kể lại những câu chuyện đã đọc, những sự việc đã chứng kiến, tham gia, những câu chuyện do học viên liên tưởng, tưởng tượng; miêu tả những sự vật, hiện tượng quen thuộc; giới thiệu về những sự vật và hoạt động gần gũi với cuộc sống của học viên. Viết đoạn văn nêu những cảm xúc, suy nghĩ của học viên khi đọc một câu chuyện, bài thơ, khi chứng kiến một sự việc gợi cho học viên nhiều cảm xúc; nêu ý kiến về một vấn đề đơn giản trong học tập và đời sống; viết một số kiểu văn bản như: bản tự thuật, tin nhắn, giấy mời, thời gian biểu, đơn từ,...; bước đầu biết viết theo quy trình; bài viết cần có đủ ba phần (mở bài, thân bài, kết bài).

- Trình bày để hiểu các ý tưởng và cảm xúc; bước đầu biết sử dụng cử chỉ, điệu bộ thích hợp khi nói; kể lại được một cách rõ ràng câu chuyện đã đọc, đã nghe; biết chia sẻ, trao đổi những cảm xúc, thái độ, suy nghĩ của mình đối với những vấn đề được nói đến; biết thuyết minh về một đối tượng hay quy trình đơn giản.

- Nghe hiểu với thái độ phù hợp và nắm được nội dung cơ bản; nhận biết được cảm xúc của người nói; biết cách phản hồi những gì đã nghe.

1.2. Năng lực văn học

Phân biệt văn bản truyện và thơ (đoạn, bài văn xuôi và đoạn, bài văn vần); nhận biết được nội dung văn bản và thái độ, tình cảm của người viết; bước đầu hiểu được tác dụng của một số yếu tố hình thức của văn bản văn học (ngôn từ, nhân vật, cốt truyện, vần thơ, so sánh, nhân hoá). Biết liên tưởng, tưởng tượng và diễn đạt có tính văn học trong viết và nói.

Đối với kì 1, kì 2: nhận biết được văn bản nói về ai, về cái gì; nhận biết được nhân vật trong các câu chuyện, vần trong thơ; nhận biết được truyện và thơ.

Đối với kì 3, kì 4 và kì 5: biết cách đọc diễn cảm văn bản văn học; kể lại, tóm tắt được nội dung chính của câu chuyện, bài thơ; nhận xét được các nhân vật, sự việc và thái độ, tình cảm của người viết trong văn bản; nhận biết được thời gian và địa điểm, một số kiểu vần thơ, nhịp thơ, từ ngữ, hình ảnh đẹp, độc đáo và tác dụng của các biện pháp tu từ nhân hoá, so sánh. Hiểu được ý nghĩa hoặc bài học rút ra từ văn bản. Viết được đoạn, bài văn kể chuyện, miêu tả thể hiện cảm xúc và khả năng liên tưởng, tưởng tượng.

III. NỘI DUNG GIÁO DỤC

Kì 3 (170 tiết)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
ĐỌC KĨ THUẬT ĐỌC <ul style="list-style-type: none">- Đọc đúng các đoạn văn miêu tả, câu chuyện, bài thơ. Tốc độ đọc khoảng 60 – 70 tiếng trong 1 phút. Biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu hay chỗ ngắt nhịp thơ.- Đọc theo ngữ điệu phù hợp với vai được phân trong một đoạn đối thoại có hai hoặc ba nhân vật.- Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn kì 2.- Đánh dấu được đoạn sách đang đọc. ĐỌC HIỂU Văn bản văn học <i>Đọc hiểu nội dung</i> <ul style="list-style-type: none">- Nhận biết được chi tiết và nội dung chính.- Tìm được ý chính của từng đoạn văn dựa trên các câu hỏi gợi ý.- Hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản dựa vào gợi ý. <i>Đọc hiểu hình thức</i> <ul style="list-style-type: none">- Nhận biết được điệu bộ, hành động của nhân vật qua một số từ ngữ trong văn bản.- Nhận biết được thời gian, địa điểm và trình tự các sự việc trong câu chuyện.	KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT <ol style="list-style-type: none">1. Cách viết nhan đề văn bản.2. Vốn từ theo chủ điểm: quan hệ gia đình, kinh tế, thu nhập, bảo vệ sức khỏe, giữ gìn môi trường, ý thức công dân,...; Từ có nghĩa giống nhau và từ có nghĩa trái ngược nhau.3. Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất; Sơ giản về câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm: đặc điểm thể hiện qua dấu câu, qua từ đánh dấu kiểu câu và công dụng của từng kiểu câu; Công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật); dấu ngoặc kép (đánh dấu phần trích dẫn trực tiếp hoặc lời đối thoại); dấu hai chấm (báo hiệu phần giải thích, liệt kê).

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<p>- Nhận biết được vần trong thơ. <i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i></p> <p>- Lựa chọn một nhân vật trong tác phẩm đã học hoặc đã đọc, nêu tình cảm và suy nghĩ về nhân vật đó.</p> <p>- Lựa chọn một nhân vật hoặc địa điểm trong tác phẩm đã học hoặc đã đọc, mô tả được nhân vật, địa điểm đó.</p> <p>Văn bản thông tin</p> <p><i>Đọc hiểu nội dung</i></p> <p>- Trả lời được: Văn bản viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý?</p> <p>- Tìm được ý chính của từng đoạn trong văn bản.</p> <p><i>Đọc hiểu hình thức</i></p> <p>- Nhận biết được một số loại văn bản thông tin thông dụng, đơn giản qua đặc điểm của văn bản: văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 - 3 sự việc, văn bản giới thiệu một đồ vật, thông báo ngắn, tờ khai đơn giản.</p> <p>- Nhận biết được cách sắp xếp thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian.</p> <p>- Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản.</p> <p><i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i></p> <p>Nêu được những điều học được từ văn bản.</p>	<p>4. Biện pháp tu từ so sánh: đặc điểm và tác dụng; Sơ giản về đoạn văn và văn bản có nhiều đoạn: dấu hiệu nhận biết; Sơ giản về lượt lời thể hiện qua trao đổi nhóm.</p> <p>5. Kiểu văn bản và thể loại</p> <p>- Đoạn văn kể lại câu chuyện đã đọc hoặc một việc đã làm.</p> <p>- Đoạn văn miêu tả đồ vật.</p> <p>- Đoạn văn chia sẻ cảm xúc, tình cảm.</p> <p>- Đoạn văn nêu lí do vì sao mình thích một nhân vật trong câu chuyện.</p> <p>- Đoạn văn giới thiệu về đồ vật, văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 - 3 sự việc, thông báo hoặc bản tin ngắn, tờ khai in sẵn.</p> <p>6. Thông tin bằng hình ảnh, số liệu (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ).</p>
<p>VIẾT</p> <p>KĨ THUẬT VIẾT</p> <p>- Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa.</p> <p>- Biết viết đúng tên người, tên địa lí Việt Nam.</p> <p>- Viết đúng những từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương.</p> <p>- Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn theo hình thức nghe - viết hoặc nhớ viết một bài có độ dài khoảng 65 - 70 chữ.</p> <p>VIẾT ĐOẠN VĂN, VĂN BẢN</p> <p><i>Quy trình viết</i></p> <p>Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); hình thành một vài ý lớn; viết thành đoạn văn; chỉnh sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, dấu câu, viết hoa) dựa vào gợi ý.</p> <p><i>Thực hành viết</i></p> <p>- Viết được đoạn văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến, tham gia.</p> <p>- Viết được đoạn văn ngắn miêu tả đồ vật.</p>	<p>KIẾN THỨC VĂN HỌC</p> <p>1. Bài học rút ra từ văn bản</p> <p>2. Địa điểm và thời gian</p> <p>3. Suy nghĩ và hành động của nhân vật</p> <p>NGŨ LIỆU</p> <p>1. Văn bản văn học</p> <p>- Truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả.</p> <p>- Bài thơ, đồng dao, ca dao, vè.</p> <p>Độ dài của văn bản: truyện khoảng 200 - 250 chữ, bài miêu tả khoảng 180 - 200 chữ, thơ khoảng 80 - 100 chữ.</p> <p>2. Văn bản thông tin</p> <p>- Văn bản giới thiệu một đồ vật, văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 - 3 sự việc</p>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> - Viết được đoạn văn ngắn nêu tình cảm, cảm xúc về con người, cảnh vật dựa vào gợi ý. - Viết được đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân, nêu được những thông tin quan trọng như: họ và tên, ngày sinh, nơi sinh, sở thích, ước mơ của bản thân. - Viết được thông báo hay bản tin ngắn theo mẫu; điền được thông tin vào một số tờ khai in sẵn; viết được thư cho người thân hay bạn bè. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo ngắn, tờ khai in sẵn. Độ dài của văn bản: khoảng 120 - 150 chữ. 3. Gợi ý chọn văn bản: nội dung về đời sống gia đình, văn hóa xã hội, xây dựng đất nước, bảo vệ tổ quốc,...
<p>NÓI VÀ NGHE</p> <p>Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích nói và đề tài được nói tới; có thái độ tự tin và có thói quen nhìn vào người nghe, biết tránh dùng từ ngữ kém văn hoá. - Biết phát biểu ý kiến trước nhóm, tổ, lớp; giới thiệu các thành viên, các hoạt động của nhóm, tổ, lớp. - Nói được về một con người, đồ vật, vật nuôi dựa vào gợi ý. - Kể được một câu chuyện đơn giản đã đọc, nghe hoặc xem (có sự hỗ trợ, gợi ý); <p>Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chú ý nghe người khác nói. Đặt được những câu hỏi có liên quan để hiểu đúng nội dung đã nghe. - Nói nghe tương tác. 	

IV. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Phương pháp giáo dục

1.1. Định hướng chung

- Chương trình lấy tư tưởng dạy học tập trung vào người học, phát huy tính tích cực, chủ động của học viên trong học tập làm phương châm trong việc thực hiện phương pháp dạy học.

- Đối với người lớn, cần chú trọng việc học qua thực hành, trải nghiệm, rèn luyện theo mẫu và thảo luận. Người lớn đã tiếp nhận tiếng Việt một cách tự nhiên trong môi trường xã hội qua các giai đoạn trưởng thành cho nên dạy học tiếng cho người lớn là cố gắng giúp họ ý thức được cách tổ chức của tiếng nói đó và cách sử dụng nó một cách có ý thức (không chỉ hoàn toàn tự nhiên). Việc này được thực hiện chủ yếu bằng cách phân tích ngữ liệu và đối chiếu những hiện tượng giống nhau (hiện tượng đồng âm, đồng nghĩa), những hiện tượng khác nhau (hiện tượng trái nghĩa, nhiều nghĩa) của bản thân hệ thống tiếng Việt và sử dụng tiếng Việt trong những tình huống khác nhau.

1.2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các năng lực đặc thù

a) Phương pháp dạy đọc

Mục đích chủ yếu của dạy đọc là giúp học viên biết đọc và tự đọc được văn bản; thông qua đó mà bồi dưỡng, giáo dục phẩm chất, nhân cách của học viên. Đối tượng đọc gồm văn bản văn học, văn bản nghị luận và văn bản thông tin. Mỗi kiểu văn bản có những đặc điểm riêng, vì thế cần có cách dạy đọc hiểu văn bản phù hợp.

- Dạy đọc hiểu văn bản nói chung: Yêu cầu học viên đọc trực tiếp toàn bộ văn bản, chú ý quan sát các yếu tố hình thức của văn bản, từ đó có ấn tượng chung và tóm tắt được nội dung chính của văn bản; tổ chức cho học viên tìm kiếm, phát hiện, phân tích, suy luận ý nghĩa các thông tin chính trong văn bản; hướng dẫn học viên liên hệ, so sánh giữa các văn bản, kết nối văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội, kết nối văn bản với trải nghiệm cá nhân học viên,... để hiểu giá trị của văn bản, biết vận dụng, chuyển hoá những giá trị ấy thành niềm tin và hành vi ứng xử của cá nhân trong cuộc sống hằng ngày.

- Dạy đọc hiểu văn bản văn học: Văn bản văn học cũng là một loại văn bản, nên dạy đọc hiểu văn bản văn học cũng cần tuân thủ cách đọc hiểu văn bản nói chung. Tuy nhiên, văn bản văn học có những đặc điểm riêng vì thế giáo viên tổ chức cho học viên tìm hiểu, giải mã văn bản văn học theo một quy trình phù hợp với đặc trưng của văn bản nghệ thuật.

Phương pháp dạy đọc phải tập trung kích hoạt việc đọc tích cực, sáng tạo ở chủ thể đọc. Hướng dẫn và khích lệ học viên chủ động, tự tin trong tiếp nhận tác phẩm; biết so sánh đối chiếu, liên hệ mở rộng, huy động vốn hiểu biết cá nhân, sử dụng trải nghiệm cuộc sống của bản thân để đọc hiểu, trải nghiệm văn học, phát hiện những giá trị đạo đức, văn hoá và triết lí nhân sinh, từ đó biết vận dụng, chuyển hoá thành giá trị sống. Khi dạy học đọc hiểu, giáo viên có những gợi ý, nhưng không lấy việc phân tích, bình giảng của mình thay thế cho những suy nghĩ của học viên; tránh đọc chép và hạn chế ghi nhớ máy móc. Sử dụng đa dạng các loại câu hỏi ở những mức độ khác nhau để thực hiện dạy học phân hóa và hướng dẫn học viên đọc hiểu văn bản, hình thành kĩ năng đọc.

Tuỳ vào đối tượng học viên ở từng giai đoạn và thể loại của văn bản văn học mà vận dụng các phương pháp, kĩ thuật và hình thức dạy học đọc hiểu cho phù hợp như: đọc phân vai, kể chuyện, đóng vai để giải quyết một tình huống, sử dụng câu hỏi, hướng dẫn ghi chép trong tiến trình đọc bằng các phiếu ghi chép, phiếu học tập, nhật kí đọc sách, tổ chức cho học viên thảo luận về văn bản,... Một số phương pháp dạy học khác như đàm thoại, vấn đáp, diễn giảng, nêu vấn đề,... cũng cần được vận dụng một cách phù hợp theo yêu cầu phát triển năng lực cho học viên.

b) Phương pháp dạy viết

Mục đích của dạy viết là rèn luyện tư duy và cách viết, qua đó mà giáo dục phẩm chất và phát triển nhân cách của học viên. Vì thế khi dạy viết, giáo viên chú trọng yêu cầu tạo ra ý tưởng và biết cách trình bày ý tưởng một cách mạch lạc, sáng tạo và có sức thuyết phục.

Giáo viên tập trung vào yêu cầu hướng dẫn học viên các bước tạo lập văn bản, thực hành viết theo các bước và đặc điểm của kiểu văn bản. Thông qua thực hành, giáo viên hướng dẫn học viên phân tích các văn bản ở phần đọc hiểu và văn bản bổ sung để nắm được đặc điểm của các kiểu văn bản, quy trình tạo lập văn bản; sử dụng các câu hỏi giúp học viên xác định được mục đích và nội dung viết; giới thiệu các nguồn tư liệu, hướng dẫn cách tìm ý tưởng và phác thảo dàn ý; hướng dẫn học viên viết văn bản; tự chỉnh sửa và trao đổi dựa trên các tiêu chí đánh giá bài viết.

Nội dung dạy viết có hai yêu cầu: dạy kĩ thuật viết và dạy viết đoạn văn, văn bản. Dạy kĩ thuật viết (tập viết, chính tả) chủ yếu sử dụng phương pháp thực hành theo mẫu. Dạy viết đoạn văn, bài văn một cách linh hoạt, có thể sử dụng các phương pháp như rèn luyện theo mẫu, đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, viết sáng tạo,...

Giáo viên sử dụng những phương pháp như phân tích mẫu, đặt câu hỏi, nêu vấn đề, gợi mở,... để hướng dẫn học viên hình thành dàn ý, lựa chọn cách triển khai, diễn đạt; tổ chức cho học viên thực hành viết văn bản, có thể viết từng phần: mở bài, kết bài, một hoặc một số đoạn trong thân bài.

Tổ chức dạy viết đoạn và bài văn thường gồm các hoạt động chủ yếu như: nêu nhiệm vụ mà học viên cần thực hiện; yêu cầu học viên làm việc cá nhân, cặp đôi hoặc theo nhóm; tổ chức trình bày kết quả làm việc, thảo luận về các nhiệm vụ được giao và tự rút ra nội dung bài học; nhận xét, đánh giá,...; sau khi viết xong, học viên cần có cơ hội nói, trình bày những gì đã viết.

c) Phương pháp dạy nói và nghe

Mục đích của dạy nói và nghe là giúp học viên có khả năng diễn đạt, trình bày bằng ngôn ngữ nói một cách rõ ràng, tự tin; có khả năng hiểu đúng; biết tôn trọng người nói, người nghe; có thái độ phù hợp trong trao đổi, thảo luận. Dạy nói và nghe không chỉ phát triển năng lực giao tiếp mà còn giáo dục phẩm chất và nhân cách học viên.

Trong dạy nói, giáo viên tổ chức cho học viên thực hành; hướng dẫn cách thức, quy trình chuẩn bị một bài thuyết trình và trình bày trước nhóm, tổ, lớp; cách thức và quy trình chuẩn bị một cuộc thảo luận, tranh luận và cách tham gia thảo luận, tranh luận.

Trong dạy nghe, giáo viên hướng dẫn học viên cách nắm bắt được nội dung nghe, cách hiểu và đánh giá quan điểm, ý định của người nói; cách kiểm tra

những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói, tôn trọng những ý kiến khác biệt; cách hợp tác, giải quyết vấn đề với thái độ tích cực.

Đối với kĩ năng nói nghe tương tác, giáo viên hướng dẫn học viên biết lắng nghe và biết đặt câu hỏi để hiểu nội dung nghe, biết nói theo lượt lời trong hội thoại, biết dùng các phương tiện nghe nhìn khác để hỗ trợ cho lời trình bày miệng.

Thực hành nghe nói là hoạt động chính, nhằm rèn kĩ năng nghe nói cho học viên. Để tạo điều kiện cho mọi học viên được thực hành nói, giáo viên linh hoạt trong việc tổ chức các hoạt động học tập như: yêu cầu từng cặp học viên nói cho nhau nghe hoặc học viên trình bày bài nói trước nhóm, lớp; tổ chức cho học viên thảo luận, tranh luận, qua đó hiểu được tính chất tương tác của ngôn ngữ nói và hình thành thái độ tích cực, hợp tác khi trao đổi, thảo luận và có khả năng giải quyết vấn đề qua trao đổi, thảo luận; chia nhóm, lắng nghe nhận xét, rút kinh nghiệm dựa trên những hướng dẫn cụ thể về tiêu chí đánh giá mà giáo viên cung cấp.

2. Đánh giá kết quả giáo dục

2.1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của học viên nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và những tiến bộ của học viên trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng học viên và nâng cao chất lượng giáo dục.

2.2. Yêu cầu đánh giá

Đánh giá học viên thông qua đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về kĩ năng đọc, viết, nói, nghe được quy định trong Chương trình xóa mù chữ môn Tiếng Việt. Việc đánh giá thái độ đối với môn học của học viên được tích hợp vào việc đánh giá 4 kĩ năng: đọc, viết, nói, nghe.

Đánh giá thường xuyên là đánh giá các kĩ năng đọc, viết, nói nghe của học viên; Đánh giá định kì bằng bài kiểm tra viết, tích hợp đọc hiểu những kiến thức cần yếu về Tiếng Việt. Đánh giá viết ở mức độ 1 gồm có 2 phần: viết chính tả và viết đoạn văn 4-5 câu; mức độ 2: viết bài văn ngắn.

Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của học viên; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của học viên; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không so sánh kết quả học tập giữa các học viên, không tạo áp lực cho học viên.

2.3. Cách thức đánh giá

Đánh giá trong môn Tiếng Việt được thực hiện bằng hai cách: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, do giáo viên tổ chức; hình thức đánh giá gồm: giáo viên đánh giá học viên, học viên đánh giá lẫn nhau, học viên tự đánh giá.

Đánh giá định kì được thực hiện ở thời điểm cuối một mức do cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện để phục vụ công tác quản lí hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng giáo dục và phục vụ công tác phát triển chương trình, tài liệu học tập. Đánh giá định kì thường thông qua các đề kiểm tra viết. Đề kiểm tra có thể yêu cầu hình thức viết tự luận (một hoặc nhiều câu).

V. CẤU TRÚC TÀI LIỆU HỌC XÓA MÙ CHỮ TIẾNG VIỆT KỲ 3

1. Phân bố số tiết học:

32 bài học x 5 tiết = 160 tiết

2 bài ôn tập, kiểm tra x 5 tiết = 10 tiết

2. Cấu trúc bài học:

Sách được thiết kế theo 11 chủ điểm: Cuộc sống thường ngày, Những bài học trong trang sách, Lao động và việc làm, Ý thức công dân, Gia đình và dòng họ, Tình làng nghĩa xóm, Các mùa trong năm, Phong tục, tập quán, Thắng cảnh đất nước, Việt Nam – Đất nước – Con người, Ngôi nhà chung.

Mỗi chủ điểm gồm 3 bài học với các hoạt động cụ thể như sau:

Chủ điểm	Bài 1	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc (2 tiết) - Luyện tập về từ và câu (1 tiết) - Viết chính tả (1 tiết) - Luyện viết đoạn văn (1 tiết)
	Bài 2	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc (2 tiết) - Luyện tập về từ và câu (1 tiết) - Viết chữ hoa (1 tiết) - Luyện viết đoạn văn (1 tiết)
	Bài 3	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc (2 tiết) - Nói và nghe (1 tiết) - Viết chính tả (1 tiết) - Luyện đọc và viết (1 tiết)

Mỗi bài học được thực hiện trong 5 tiết bao gồm các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe và luyện tập các kiến thức về từ và câu theo yêu cầu của chương trình kì III.

Ở hoạt động đọc, văn bản được lựa chọn theo chủ đề, gồm có phần Luyện đọc (bao gồm đọc thành tiếng và đọc hiểu) và phần Luyện tập gắn với bài đọc. Ở hoạt động viết, gồm có viết chính tả, viết chữ hoa, viết đoạn văn. Ở hoạt động nói và nghe, gồm có nói theo chủ đề và kể chuyện. Hoạt động Đọc và viết ở cuối mỗi chủ điểm giúp học viên rèn kĩ năng tự học: tự đọc văn bản theo chủ điểm và viết suy nghĩ, cảm xúc hoặc những thông tin thu nhận được từ văn bản đã đọc.

VI. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC

1. Hoạt động đọc

Có thể tổ chức các hoạt động học tập của học viên theo quy trình sau:

a. Ôn bài cũ

Có thể thực hiện theo một trong những cách thức sau đây:

- Học viên đọc từng đoạn hoặc cả bài đọc đã học trước đó và trả lời câu hỏi của GV bài đọc.
- Học viên đọc lại bài đọc theo nhóm và các nhóm tự điều hành việc kiểm tra bài cũ hoặc liên hệ thực tiễn.

b. Học bài mới

- Luyện đọc hành tiếng:

+ Giáo viên hướng dẫn phát âm đúng một số từ khó phát âm trong bài (GV đọc mẫu để HV đọc theo hoặc HV tự đọc và tự góp ý cho nhau).

+ Đọc trơn các từ mới kết hợp với hiểu nghĩa từ mới (hiểu nghĩa bằng đọc lời giải nghĩa trong sách, bằng lời giải nghĩa của HV hoặc lời giải nghĩa của GV).

+ Đọc trơn câu (chủ yếu tập trung đọc các câu dài cần ngắt hơi đúng chỗ, câu đối thoại có giọng đọc phân biệt lời của các nhân vật đối thoại).

+ Đọc trơn đoạn (cá nhân, trong nhóm)

- Luyện đọc hiểu

+ Đọc từng yêu cầu hoặc câu hỏi ở phần Đọc - hiểu.

+ Cá nhân HV suy nghĩ để trả lời hoặc trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm để trả lời câu hỏi (hoặc đáp ứng yêu cầu) nêu trong phần Đọc - hiểu.

c. Luyện tập gắn với văn bản đọc

Học viên làm việc theo nhóm để thực hiện các yêu cầu.

Giáo viên thống nhất đáp án.

d. Củng cố

- Đọc lại toàn bài

- Trả lời câu hỏi về liên hệ nội dung của bài đọc với thực tế để HV biết vận dụng bài học vào thực tế.

2. Hoạt động viết

2.1. Viết chính tả

Bài luyện viết chính tả gồm có 2 yêu cầu: Nghe – viết hoặc nhớ - viết đoạn văn hoặc đoạn thơ ; Làm bài tập chính tả.

Giờ học có thể tiến hành theo quy trình sau:

a) Nghe – viết (hoặc nhớ - viết)

- Đọc hoặc nghe đọc đoạn văn, đoạn thơ cần viết (với bài *Nghe-viết*, HV nghe đọc đoạn văn ; với bài *Nhớ – viết*, HV nhắc lại bài theo yêu cầu).
- Viết ra nháp một số từ dễ mắc lỗi (theo hướng dẫn của GV).
- Viết bài:
 - + Với bài nghe - viết, HV nghe GV đọc từng câu và viết.
 - + Với bài nhớ - viết, HV tự viết lại đoạn/ bài theo trí nhớ.
- Đọc lại bài viết để soát lỗi. (cá nhân, trao đổi với bạn).
- Chữa lỗi trong bài viết (nếu có). GV nhận xét một số bài.

b) Làm bài tập chính tả

- Đọc yêu cầu của bài tập.
- Giáo viên hướng dẫn cách làm (có thể làm mẫu một phần).
- Học viên làm bài tập cá nhân hoặc theo cặp.
- Giáo viên hướng dẫn chữa bài.
- Giáo viên chấm một số bài, nêu nhận xét.

2.2. Viết chữ hoa

- Học viên nhận viết yêu cầu, nhiệm vụ.
- Quan sát mẫu chữ viết hoa và nghe hướng dẫn viết.
- Thực hành viết.
- Chữa lỗi và nghe nhận xét, góp ý.

2.3. Viết đoạn văn

- Học viên đọc yêu cầu của bài tập, nắm được mục đích của bài tập.
- Giáo viên có thể giải thích thêm hoặc gợi ý, hướng dẫn cách làm.
- Học viên thực hiện bài tập: suy nghĩ cá nhân hoặc trao đổi nhóm trước khi viết, viết bài.
- Tham gia chữa bài tập: trình bày bài làm của cá nhân, hoặc góp ý cho bài làm của bạn.

3. Hoạt động nói và nghe

- Học viên đọc yêu cầu (nói theo chủ đề hoặc kể chuyện).
- Giáo viên hướng dẫn cách thức, quy trình thực hiện.
- Học viên chuẩn bị nội dung để kể chuyện hoặc trình bày ý kiến.
- Kể chuyện hoặc trình bày ý kiến trong nhóm hoặc trước lớp.
- Nghe góp ý về nội dung, giọng nói, điệu bộ, cử chỉ khi nói,...

4. Hoạt động luyện tập về từ và câu

- Học viên đọc yêu cầu của bài tập.
- Nghe GV giải thích nhiệm vụ cần làm để thực hiện yêu cầu của bài tập (bài tập này giúp HV nhận biết đặc điểm gì về từ ngữ, ngữ pháp tiếng Việt?,...)
- Thực hiện bài tập (cá nhân hoặc trao đổi trong nhóm).
- Tham gia chữa bài tập: trình bày bài làm của cá nhân hoặc trao đổi về bài làm của bạn.
- Giáo viên chốt lại những kiến thức tiếng Việt cần nhớ.

CHỦ ĐIỂM: CUỘC SỐNG THƯỜNG NGÀY

Bài 1

GIEO NGÀY MỚI (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và rõ ràng bài thơ, biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ. Hiểu ý của các khổ thơ: ngày mới của mỗi người được bắt đầu bằng những việc làm có ý nghĩa, góp phần làm cho cuộc đời thêm tốt đẹp.

2. Luyện tập về từ và câu: Tìm được từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động; đặt được câu giới thiệu, câu nêu hoạt động.

3. Viết

- Viết đúng chính tả đoạn thơ trong bài *Gieo ngày mới* theo hình thức nghe – viết; viết đúng từ ngữ chứa tiếng có vần /n hoặc tiếng có vần ac/ at, ăc/ăt.

- Viết được đoạn văn giới thiệu bản thân.

4. Có ý thức hoàn thành công việc được giao, thể hiện được thái độ yêu lao động, trân trọng công sức của người lao động.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video (sưu tầm) để gợi ý tìm từ chỉ sự vật, hoạt động.

- Phiếu bài tập để tổ chức hoạt động luyện tập gắn với bài đọc, phiếu học tập tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Chia sẻ về công việc trong một ngày của mỗi người.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Học viên nêu nội dung tranh minh họa.
- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài thơ nói về ngày mới tươi đẹp, bình yên, có ích của mỗi người được nhắc đến trong bài thơ.
- Giáo viên đọc toàn bài trước lớp. 2 HV đọc nối tiếp các khổ thơ.
- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp các khổ thơ theo cặp.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 và 2:

(1) Bài thơ nhắc đến những ai? Công việc của mỗi người khi bước vào ngày mới là gì?

(2) Mỗi người mong đợi điều gì từ những việc mình làm?

- Học viên đọc thầm lại bài thơ, chuẩn bị ý kiến trả lời câu hỏi. GV nhắc HV có thể ghi ra vở công việc của từng người được nhắc đến trong bài thơ. VD:

Nhân vật	Công việc trong ngày mới và niềm mong đợi
Cha	sáng sớm đánh trâu ra đồng, mong kịp ngày gieo hạt.
Mẹ	bắc gàu tát bên sông, đợi gặt mùa vàng ươm ắp.
Cô giáo	viết từng nét phấn trên bục giảng, gieo vào tâm hồn trẻ thành bao ước mơ xanh, mong chồi non mỗi ngày vươn lớn, kết hoa trái ngọt lành.
Bà	gom từng giọt nắng hồng trong gió mùa trở lạnh để dệt chiếc khăn thật ấm cho cháu quàng qua những ngày mùa đông.
Em nhỏ	thương bà, thương mẹ, yêu cô giáo, gieo vào ngày mới bằng chuỗi cười giòn tan.

- Giáo viên/HV nêu câu hỏi 3 (Nêu cảm nghĩ của bạn về công việc của mỗi người trong ngày mới?)
 - Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi theo cảm nghĩ của mình.
- Giáo viên/HV nêu câu hỏi 4 (Tác giả muốn nói điều gì qua nhan đề “Gieo ngày mới”?)
 - Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm thống nhất câu trả lời.
- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận các cách giải thích khác nhau, VD: Công việc mỗi người làm trong ngày hôm nay (ngày mới) chính là để cho tương lai tốt đẹp hơn./...

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm từ ngữ thích hợp với mỗi nghề nhóm dưới đây.

+ Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm, ghi từ tìm được vào phiếu (nếu có).

+ Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Nghề nông	Nghề dạy học	Nghề khác
M: gieo hạt, trồng trọt, gặt hái, nhổ mạ, chăn nuôi, tưới cây, nhổ cỏ,...	M: giảng bài, soạn bài, đọc bài, chấm bài, đọc thơ, kể chuyện,...	(HV có thể nêu công việc mình làm).

- Bài tập 2. Đặt 2 – 3 câu nói về công việc mình yêu thích.

+ Học viên làm việc cá nhân: đặt câu theo yêu cầu.

+ Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã đặt, cả nhóm nhận xét, góp ý.

+ Một vài HV đọc câu trước lớp.

TIẾT 3

3. Luyện tập: Từ chỉ sự vật, hoạt động; Câu giới thiệu, câu nêu hoạt động

a) Bài tập 1. Nhìn tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật (chỉ người hoặc vật) và từ ngữ chỉ hoạt động.

- Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Nêu nội dung các tranh, trao đổi để hiểu nghĩa của các từ ngữ đã cho, từ đó chọn từ ngữ theo yêu cầu và phù hợp với nội dung tranh.

- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Tranh 1	Tranh 2	Tranh 3
- nông dân, người làm ruộng, người làm nghề nông, ... - cấy lúa, nhổ mạ, làm cỏ, cày, bừa, gặt lúa, ...	- người lái xe, tài xế, phụ lái, ... - lái xe, chở khách, chở hàng, mua xăng, ...	- thợ xây, thợ nề, người xây nhà, ... - xây nhà, xếp gạch, trộn vữa, ...

Tranh 4	Tranh 5	Tranh
- bò sữa, đàn bò, bò bê, ... - gặm cỏ, ăn cỏ, nhai cỏ, ...	- gà, gà mái, gà mẹ, ... - đẻ trứng, ấp trứng, ...	- ao cá, cá, đàn cá, ... - bơi, quẫy, đớp mồi, ...

Bài tập 2. Dựa vào từ ngữ tìm được ở bài 1, đặt câu giới thiệu, câu nêu hoạt động phù hợp với mỗi tranh.

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 2 và VD:

Tranh 1:

Câu giới thiệu	M: Nông dân là những người làm ra lúa gạo.
Câu nêu hoạt động	M: Các cô bác nông dân đang cấy lúa.

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc cặp): đặt câu theo yêu cầu theo mẫu.
- Học viên làm việc nhóm: từng HV đọc các câu đã đặt, cả nhóm góp ý.
- Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp, GV nhận xét. VD:

Câu giới thiệu	Tranh 2. Lái xe là nghề được nhiều người yêu thích. Tranh 3. Thợ xây là nghề làm đẹp cho quê hương. (...)
Câu nêu hoạt động	Tranh 2. Bác tài xế chở khách đi biển. Tranh 3. Chú thợ xây đang xây nhà cao tầng. (...)

- Giáo viên nhận xét tiết học.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc đoạn thơ *Gieo ngày mới*.
- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày các dòng thơ, khổ thơ.
- Học viên nghe GV đọc từng dòng thơ và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.

b) Làm bài tập

- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập (1 hoặc 2).
- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án:

- Bài tập 1

Lác đác những sườn đồi
Người dọn rẫy tĩa bắp
Mây treo lửng lưng trời
Ong chẳng kịp nghỉ ngơi
Mãi miết say tìm mật
Hương mùa tràn mặt đất
Nụ mầm bùng sinh sôi
Hoa cà phê trắng muốt
Nở bung cả đất trời .
Tháng ba đang vào hội
Cho mẹ đất sinh sôi
Cho buôn làng bận rộn
Gieo vụ mùa tốt tươi.
(Theo Đỗ Toàn Diện)

- Bài tập 2

khác/khát	đổi khác	khát vọng	khác biệt	khát nước
chắc/chất	chất chiu	chắc chắn	chất nước	rắn chắc

TIẾT 5

5. Luyện tập viết đoạn văn giới thiệu bản thân

- Giáo viên nêu yêu cầu của tiết học:

Yêu cầu: Giới thiệu về bản thân theo một trong những tình huống dưới đây.

a) Buổi đầu đến lớp gặp những người bạn mới.

b) Tham gia một cuộc giao lưu giữa các lớp học hoặc các khoá học.

- Học viên làm việc cá nhân viết đoạn văn theo yêu cầu đã chọn.

- Học viên làm việc nhóm, từng thành viên đọc các câu mình đã viết; cả nhóm góp ý. Giáo viên GV mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý (Đoạn văn cần giới thiệu tên, tuổi, công việc/ngành nghề nghiệp, nơi ở, sở thích, mong ước...).

IV. Củng cố, dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 1.

- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà: Viết giới thiệu về một người mà bạn yêu quý.

+ Chuẩn bị Bài 2.

Bài 2

NHỮNG NGỌN HẢI ĐĂNG (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bài *Những ngọn hải đăng*. Cảm nhận được những khó khăn, vất vả và tinh thần lao động quên mình của những người canh giữ hải đăng; nhận biết được những thông tin đáng chú ý trong bài đọc. Tìm được ý chính của từng đoạn trong bài, nhận biết cách sắp xếp thông tin trong văn bản.

2. Luyện tập về từ và câu: Tìm được từ ngữ chỉ đặc điểm (về màu sắc, âm thanh, hương vị,...); đặt được câu nêu đặc điểm.

3. Viết

- Viết đúng chữ hoa A, Ă, Æ và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Viết được đoạn văn giới thiệu bản thân.

4. Biết bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc trước những người lao động thầm lặng, vì lợi ích chung của cộng đồng, đất nước.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video (sưu tầm) để gợi ý tìm từ chỉ đặc điểm.
- Phiếu bài tập để tổ chức hoạt động luyện tập gắn với bài đọc, phiếu học tập tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 - 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: trao đổi về những khó khăn, vất vả khi sống ở đảo xa.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Học viên nêu nội dung tranh minh họa.
- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài đọc nói về vai trò của những ngọn hải đăng và những gian nan của người làm nhiệm vụ canh giữ hải đăng.
 - Giáo viên đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ cung cấp thông tin quan trọng của văn bản: tầm quan trọng của ngọn hải đăng, về khó khăn, nguy hiểm, vất vả,... của những người canh giữ hải đăng).
 - Giáo viên hướng dẫn đọc:
 - + Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *lạc đường, năng lượng, mưa nắng, biển lặng,...*).
 - + Nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu: dấu chấm, dấu phẩy.

+ Đọc các câu dài:

Hải đăng,/hay đèn biển,/là ngọn tháp được thiết kế/để chiếu sáng bằng hệ thống đèn, /giúp tàu thuyền định hướng đi lại giữa đại dương.

Với lòng yêu nghề,/yêu biển đảo quê hương,/họ đã vượt qua bao khó khăn,/gian khổ nơi biển khơi xa vắng,/góp sức mình bảo vệ vùng biển,/vùng trời của Tổ quốc.

- 3 HV đọc nối tiếp 3 đoạn (bài đã thể hiện rõ 3 đoạn) trước lớp.
- Học viên làm việc theo cặp hoặc nhóm: đọc nối tiếp các đoạn hết bài 1 – 2 lượt.
- Học viên làm việc cá nhân: đọc thầm toàn bài một lượt.
- Giáo viên nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

b) Đọc hiểu

– Giáo viên có thể nhắc lại để HV nhớ: Hải đăng là đèn biển, là ngọn tháp được thiết kế để chiếu sáng bằng hệ thống đèn.

– Giáo viên/HV đọc câu hỏi 1: Những ngọn hải đăng trên biển có ý nghĩa gì đối với người đi biển?

– Học viên phát biểu ý kiến, VD: Hải đăng phát sáng trong đêm giúp tàu thuyền định hướng đi lại giữa đại dương. Chỉ cần nhìn thấy ánh sáng hải đăng, người đi biển sẽ cảm Giáo viên GV nêu câu hỏi 2. Những ngọn hải đăng được thắp sáng bằng gì? Khi nào phải dùng máy phát điện để thắp sáng hải đăng?

– 2 – 3 HV trả lời (VD: Những ngọn hải đăng được thắp sáng bằng điện năng lượng mặt trời. Đó là nguồn điện được tạo ra từ việc chuyển đổi ánh sáng mặt trời thành điện. Vào những ngày mưa bão dài ngày, năng lượng yếu thì phải lập tức thay thế bằng máy phát điện.

– Giáo viên/HV đọc câu hỏi 3: Nhiệm vụ của những người canh giữ hải đăng là gì? Công việc đó vất vả, nguy hiểm thế nào?

– Học viên trao đổi nhóm, từng HV nêu ý kiến, cả nhóm thống nhất câu trả lời. (VD: những người canh giữ hải đăng phải thay phiên nhau kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên để ngọn hải đăng không bao giờ tắt trong đêm. Có những đêm mưa gió, họ phải buộc dây bảo hiểm quanh người, trèo lên đỉnh cột đèn xem xét. Bất kể ngày đêm, mưa nắng, trời yên biển lặng hay giông tố bão bùng, họ luôn sẵn sàng khắc phục mọi sự cố).

– Giáo viên nêu câu hỏi 4: Bạn có suy nghĩ gì về những người làm nhiệm vụ canh giữ hải đăng?

– Giáo viên dành thời gian cho HV suy nghĩ trước khi trả lời.

– Giáo viên yêu cầu mỗi HV trả lời câu hỏi bằng 1 – 2 câu. Mời nhiều em phát biểu.

Giáo viên khích lệ, khen ngợi các ý kiến thể hiện suy nghĩ chân thực của các em. HV có thể phát biểu các ý kiến khác nhau. VD: Công việc của những người canh giữ hải đăng vô cùng vất vả, hiểm nguy. Làm tốt công việc đó, những người canh giữ hải đăng đã chứng tỏ tình yêu với biển đảo, với đất nước.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Xếp các từ ngữ vào thành 2 nhóm: Từ ngữ chỉ sự vật, từ ngữ chỉ hoạt động

+ Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm, xếp từ vào nhóm thích hợp (làm vào vở hoặc vào phiếu học tập, nếu có).

+ 1 – 2 HV chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Từ ngữ chỉ sự vật	- hải đăng, ngọn, tàu thuyền - người canh giữ hải đăng, người đi biển
Từ ngữ chỉ hoạt động	Canh giữ, kiểm tra, khắc phục, bảo dưỡng, góp sức

- Bài tập 2. Sử dụng từ ngữ ở bài 1 để đặt câu giới thiệu, câu nêu đặc điểm.

+ Học viên làm việc cá nhân: viết 2 câu theo yêu cầu vào vở.

+ Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã viết, cả nhóm nhận xét, góp ý.

+ Một vài HV đọc từ ngữ trước lớp.

Ví dụ: - Những người canh giữ hải đăng là những chiến sĩ dũng cảm, không sợ nguy nan.

- Những người canh giữ hải đăng rất dũng cảm.

TIẾT 3

3. Luyện tập: Từ chỉ đặc điểm, câu nêu đặc điểm

a) Bài tập 1: Xếp các từ in đậm trong đoạn văn vào nhóm thích hợp

- Học viên đọc yêu cầu và làm việc cá nhân: xếp các từ ngữ đã cho vào 2 nhóm phù hợp.

- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Từ chỉ hoạt động	bể, uống, nhật, tránh.
Từ chỉ đặc điểm	béo, lặc lè, rét, no.

b) Bài tập 2. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm theo nhóm

- Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: tìm từ ngữ theo 4 nhóm.

- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

VD:

Từ ngữ chỉ màu sắc	Từ ngữ chỉ âm thanh	Từ ngữ chỉ hương vị	Từ ngữ chỉ hình dáng, kích thước
M: xanh, đỏ trắng, vàng, tím, hồng, trắng trắng, tím tím, đen bóng,...	M: róc rách rì rào, lộp độp, tí tách, ầm ầm,...	M: thơm ngát ngan ngát, ngọt ngào, thơm phức, khét lẹt,...	M: to lớn nhỏ bé, rộng lớn, dài ngoằng,...

c) Bài tập 3. Đặt câu với từ ngữ chỉ đặc điểm tìm được ở bài 2

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 3.
- Học viên làm việc cá nhân (hoặc cặp): đặt câu với từ ngữ chỉ đặc điểm đã tìm được. Có thể đặt nhiều câu tùy khả năng.
- Học viên làm việc nhóm: từng HV đọc các câu đã đặt, cả nhóm góp ý.
- Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp, GV nhận xét.

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học:
 - + Viết chữ hoa A, Ă, Â
 - + Viết câu ứng dụng:
Ánh trăng quê
khúc hát đồng dao
cánh diều bay lượn.
- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa A, Ă, Â để viết theo yêu cầu. Nếu HV không nhớ cách viết, GV có thể hướng dẫn cụ thể hơn hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa A, Ă, Â.
- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng.
- Giáo viên nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của HV.

TIẾT 5

5. Luyện tập viết đoạn văn giới thiệu bản thân

- Giáo viên nêu yêu cầu của tiết học:
 - + Nói lời giới thiệu về bản thân trong lần đầu gặp những người hàng xóm tại nơi ở mới.
 - + Viết lời giới thiệu về bản thân trong lần đầu gặp những người hàng xóm tại nơi ở mới.
- Học viên làm việc cá nhân: chuẩn bị nội dung giới thiệu về bản thân trong tình huống gặp những người hàng xóm mới.
- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên nói lời giới thiệu đã chuẩn bị, cả nhóm nhận xét, góp ý.
- Học viên làm việc cá nhân: Viết lại lời giới thiệu về bản thân đã nói.

- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc đoạn văn của mình đã viết; cả nhóm góp ý.
- Giáo viên mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý (Đoạn văn cần giới thiệu tên, tuổi, công việc/ngành nghề nghiệp, nơi ở, sở thích, mong ước,...).

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 2.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà: Viết giới thiệu về một người hàng xóm.
- + Chuẩn bị Bài 3.

Bài 3

NGÀY NHƯ THẾ NÀO LÀ ĐẸP? (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

- 1. Đọc:** Đọc đúng, rõ ràng câu chuyện *Ngày như thế nào là đẹp?* Biết đọc phân biệt lời đối thoại của các nhân vật, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Nhận biết được những suy nghĩ khác nhau của các nhân vật trong câu chuyện. Hiểu được ý nghĩa của câu chuyện: Ngày đẹp là ngày mỗi người làm được nhiều việc có ích.
- 2. Nói và nghe:** Nêu được công việc và những suy nghĩ của mình về một ngày làm việc có ý nghĩa của mình.
- 3. Viết:** Viết đúng chính tả một đoạn trong bài *Những ngọn hải đăng* theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng s/x hoặc tiếng có vần an/ang, ăn/ăng.
- 4. Vận dụng (đọc và viết):** Tự đọc hiểu bài thơ *Ngày hôm qua đâu rồi?*; Viết cảm nghĩ về bài thơ đó.
- 5.** Biết tôn trọng sự khác biệt, biết bày tỏ ý kiến riêng trước các vấn đề của cuộc sống.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Một số truyện ngụ ngôn.
- Thẻ từ để tổ chức hoạt động luyện tập gắn với bài đọc (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: kể về công việc mình làm trong 1 ngày.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Học viên nêu nội dung tranh minh họa.
- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Câu chuyện kể về cuộc trò chuyện của các con vật, qua đó chúng ta thấy được những bài học cuộc sống gửi gắm trong đó.
- Giáo viên/HV đọc toàn bài trước lớp, hướng dẫn HV đọc đúng một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương. VD:
 - + phơi nắng, mặt trời lặn,...
 - + tanh tách, ngẫm nghĩ,...
- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp các khổ thơ theo cặp hoặc theo nhóm.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Châu Chấu và Giun Đất tranh luận với nhau về điều gì?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.
- Học viên làm việc cá nhân: đọc thầm đoạn đầu và tự trả lời cho câu hỏi 1.
- 1 – 2 HV trả lời câu hỏi trước lớp. (VD: Tranh luận với nhau về quan niệm ngày như thế nào là đẹp?)
- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Ý kiến của Châu Chấu và Giun Đất khác nhau thế nào?)
 - Học viên trao đổi nhóm, tìm câu trả lời và thống nhất cách trả lời. (VD: Theo Châu Chấu, ngày đẹp là ngày nắng ráo. Theo Giun Đất, ngày đẹp là ngày có mưa bụi và những vũng nước đục).
- Giáo viên có thể yêu cầu HV giải thích vì sao chúng có ý kiến trái ngược nhau như vậy để HV trả lời.
- Giáo viên nêu câu hỏi 3. (Vì sao Châu Chấu và Giun Đất đi hỏi bác Kiến?)
- Học viên phát biểu ý kiến. VD: Vì Châu Chấu và Giun Đất không đồng ý với ý kiến của nhau.
- Giáo viên nêu câu hỏi 4. (Theo bạn, bác Kiến đã giúp Châu Chấu và Giun Đất hiểu điều gì?)
 - Học viên đọc lại đoạn cuối, suy nghĩ để có câu trả lời. VD: Bác Kiến đã giúp Châu Chấu và Giun Đất hiểu rằng ngày đẹp hay không phụ thuộc vào công việc hôm đó ta làm có hiệu quả cao hay không./...).
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Xếp các từ ngữ đã cho thành 2 nhóm.
- Học viên đọc yêu cầu và làm việc cá nhân: xếp các từ ngữ đã cho vào 2 nhóm phù hợp.

- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Từ chỉ hoạt động	làm việc, dừng lại, giúp, nhảy
Từ chỉ đặc điểm	tuyệt đẹp, xanh, thoải mái, đẹp (chỉ màu sắc)

Bài tập 2. Tìm thêm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm trong bài *Ngày như thế nào là đẹp?*

- Giáo viên nói mỗi nhóm tìm một số từ.
- Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: đọc lại bài *Ngày như thế nào là đẹp?* Tìm từ ngữ theo 3 nhóm.
- + Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Ví dụ:

Từ chỉ sự vật	- Châu Chấu, Giun Đất, Kiến,... - trời, mây, gò đất, mặt trời,...
Từ chỉ hoạt động	chìa lưng, phơi nắng, cãi lại, hỏi, lau,...
Từ chỉ đặc điểm	đẹp, huy hoàng, tanh tách,...

TIẾT 3

3. Nói và nghe: Một ngày của tôi

a) Chuẩn bị ý kiến

- Giáo viên nêu yêu cầu: Hãy kể/giới thiệu về một ngày của mình.
- Học viên làm việc cá nhân: Dựa vào câu hỏi gợi ý, chuẩn bị ý kiến của mình.

- a) Kể về các việc bạn thường làm mỗi ngày.
b) Suy nghĩ, cảm xúc của bạn sau mỗi ngày làm việc.
c) Mong ước của bạn cho ngày làm việc tiếp theo.

b) Chia sẻ về ước mơ của mình

- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên phát biểu ý kiến, các thành viên trong nhóm có thể hỏi lại những điều muốn biết rõ hơn.
- Học viên trình bày ý kiến trước lớp, cả lớp góp ý, nhận xét.
- + Về nội dung công việc/công việc yêu thích/công việc có ích/...
- + Về giọng nói, điệu bộ.
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Viết chính tả.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc đoạn sẽ viết trong bài *Những ngọn hải đăng*.
- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày đoạn văn.

- Học viên nghe GV đọc từng câu và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.
- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc trước lớp đoạn thơ đã nghe - viết.

b) Làm bài tập

- Bài tập 1.
- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập.
- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đối bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

a)

se/xe	xe đạp	se lạnh	se sợi	xe máy
sâu/xâu	xâu kim	sâu bọ	sâu sắc	xâu chuỗi

b)

than/thang	lang thang	cầu thang	than vãn	mỏ than
trăn/trăng	con trăn	trăn trở	ánh trắng	vàng trắng

- Bài tập 2.

a) Từ ngữ chứa tiếng mở đầu bằng s hoặc x.

b) Từ ngữ chứa tiếng có âm cuối n hoặc ng.

+ Học viên trao đổi nhóm, tìm và viết từ ngữ có tiếng mở đầu bằng s hoặc x hoặc tiếng có âm cuối n/ng.

+ Học viên làm bài/chữa bài trên bảng lớp. VD:

a) Từ ngữ chứa tiếng mở đầu bằng s hoặc x: sen, súng, sâm, sấu, sứa,...; xoài, xoan, xôi,...

b) Từ ngữ chứa tiếng có âm cuối n hoặc ng: làn/làng; dán/dáng ; sàn/sàng,...

TIẾT 5

5. Vận dụng (đọc và viết)

a) Đọc

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: tự đọc bài thơ *Mùa Chim* và trả lời câu hỏi.
- Học viên làm việc cá nhân theo yêu cầu.
- + Đọc bài thơ.
- + Trả lời câu hỏi cuối bài đọc.

b) Viết 2 – 3 câu cho biết chúng ta cần làm gì để không phí thời gian

- Học viên làm việc cá nhân: tự viết 2 – 3 câu theo yêu cầu.
- Học viên làm việc theo nhóm: đọc các câu đã viết và nghe góp ý, chỉnh sửa theo góp ý.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 3.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà: Lập kế hoạch những việc mình cần làm được trong tuần, trong tháng hoặc trong năm.
- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 4.

Chủ điểm: NHỮNG BÀI HỌC TRONG TRANG SÁCH

Bài 4

VƯỜN TRONG THƯ VIỆN (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và rõ ràng bài thơ, biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ, hiểu ý của bài thơ. Giá trị của những trang sách và ý nghĩa của việc đọc sách.

2. Luyện tập về từ và câu: Tìm và phân biệt được từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm; đặt được câu nêu hoạt động, câu nêu đặc điểm.

3. Viết

- Viết đúng chữ hoa B, C và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Viết được đoạn văn giới thiệu mong ước của bản thân.
- 4. Biết tỏ thái độ yêu quý sách, trân trọng kho tàng tri thức của dân tộc và nhân loại.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video (sưu tầm) về thư viện, phòng đọc sách,...
- Phiếu bài tập để tổ chức hoạt động luyện tập gắn với bài đọc, phiếu học tập tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 - 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Chia sẻ về những cuốn sách mình có.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Học viên nêu nội dung tranh minh họa.
- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài thơ nói về cảnh vật, không gian của thư viện, ý nghĩa của việc đọc sách.
- Giáo viên đọc toàn bài trước lớp. 2 – 3 HV đọc nối tiếp các khổ thơ.
- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp các khổ thơ theo cặp.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1: Cảnh vật của khu vườn trong thư viện được tả như thế nào?

- Học viên đọc thầm khổ thơ đầu của bài thơ, chuẩn bị ý kiến trả lời câu hỏi. VD: Khu vườn trong thư viện được miêu tả vào một buổi trưa hè, có tiếng ve ran, bầu trời quang mây. Người đọc sách dưới vòm cây, phía trước là con đường xa tít tắp...

Khu vườn vàng trong tiếng ve trưa

Trang sách mở dưới vòm cây râm mát

Con đường chạy về xa tít tắp

Bầu trời trong quang mây.

- Giáo viên/HV nêu câu hỏi 2: Người đến thư viện đọc sách cảm nhận được những điều gì từ những trang sách đã đọc (Về những gì đã qua và mai sau)?

- Học viên đọc thầm lại bài thơ, chuẩn bị ý kiến trả lời câu hỏi. GV nhắc HV có thể ghi ra từng ý để trả lời (dựa vào khổ thơ thứ 2 và 3).

- Học viên làm việc theo nhóm, từng em trình bày ý kiến. Cả nhóm thống nhất câu trả lời. VD:

+ Về những gì đã qua:

<i>Trang sách ngợi ca về những bàn tay Những kiến trúc đã hoàn thành, những công trình còn dang dở Mùi vôi vữa say nồng, giọt mồ hôi đã đổ Tiếng hát nào như thoáng đâu đây</i>	Đọc sách, người đọc sẽ hiểu bao điều diễn ra trong quá khứ, sẽ được đọc những lời ca ngợi bàn tay, khối óc của con người khi tạo ra những công trình làm đẹp cho đời.
---	---

+ Về mai sau:

<i>Trang sách nói về những chuyện mai sau Những dự định. Bao điều chưa hiểu hết Phương trời lạ, cát vàng, gió biển Con tàu đi quyết liệt giữa mưa giông</i>	Đọc sách, người đọc sẽ có những hoài bão, khát vọng, mơ ước và sự thôi thúc thực hiện những dự định mà mình ao ước trở thành hiện thực.
---	---

- Giáo viên/HV nêu câu hỏi 3: Theo bạn, nhà thơ muốn nói gì qua hai dòng thơ “Những con đường đang gọi ta kia/Từ trang sách, khu vườn này đã mở...”?

- Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi theo cảm nghĩ của mình.
VD: Sách mở ra trong lòng người đọc những chân trời mới, vẽ ra những con đường rộng vẫy gọi ta đi tới, thúc giục ta nâng bước theo đuổi ước mơ.

- Giáo viên/HV nêu câu hỏi 4 (Nêu suy nghĩ của anh/chị về những những trang sách có ý nghĩa đối với mình).

- Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm thống nhất câu trả lời.

- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận các cách giải thích khác nhau.

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm từ ngữ thích hợp với mỗi nhóm.

+ Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm, ghi từ tìm được vào phiếu (nếu có).

+ Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Từ ngữ chỉ đồ vật trong thư viện	Từ ngữ chỉ hoạt động trong thư viện	Từ ngữ chỉ đặc điểm của đồ vật trong thư viện
M: sách báo, tạp chí, giá sách, thẻ đọc sách,...	M: đọc sách, mượn sách, trả sách, tìm sách, lấy sách, nhận thẻ,...	M: - (sách) hay (sách) mới, cũ, dày, mỏng, đẹp, ...

- Bài tập 2. Đặt 2 – 3 câu với từ ngữ tìm được ở bài tập 1.

+ Học viên làm việc cá nhân: đặt câu theo yêu cầu.

+ Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã đặt, cả nhóm nhận xét, góp ý.

+ Một vài HV đọc câu trước lớp.

TIẾT 3

3. Luyện tập: Từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm; Câu giới thiệu, câu nêu hoạt động, câu nêu đặc điểm

a) Bài tập 1. Xếp các từ ngữ in đậm trong đoạn văn vào 3 nhóm: Từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm

- Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: xếp từ vào nhóm phù hợp.

- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Ví dụ:

Từ chỉ sự vật	thầy hiệu trưởng, kì nghỉ, lớp học, thư viện, quyển sách
Từ chỉ hoạt động	quay trở lại, hò reo, phát hiện, đọc, mượn, trả lại, đến trường, ghé vào
Từ chỉ đặc điểm	tuyệt vời, mới, nhiều, đầy, đủ, thoải mái

b) Bài tập 2. Ghép từ ngữ ở cột A với từ ngữ thích hợp ở cột B.

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc cặp): ghép các từ để tạo thành câu.
- Học viên làm việc nhóm: từng HV đọc các câu đã ghép, cả nhóm góp ý.
- Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp, GV nhận xét. VD:

Thư viện rất rộng./Thư viện sách là nơi có rất nhiều sách báo.
Chúng tôi đến thư viện để đọc sách.
Phòng đọc sách rất rộng./Phòng đọc sách là nơi có rất nhiều sách báo.

c) Bài tập 3. Mỗi câu em ghép được ở bài 2 thuộc kiểu câu nào?

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc cặp). Xếp câu vào kiểu câu thích hợp.
- Học viên làm việc nhóm: từng HV nêu cách phân loại câu của mình.
- Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp, GV nhận xét. VD:

Thư viện rất rộng. → Câu nêu đặc điểm.
Thư viện sách là nơi có rất nhiều sách báo. → Câu giới thiệu.
Chúng tôi đến thư viện để đọc sách. → Câu nêu hoạt động.
Phòng đọc sách rất rộng. → Câu nêu đặc điểm.
Phòng đọc sách là nơi có rất nhiều sách báo. → Câu giới thiệu.

TIẾT 4**4. Viết****a) Viết chữ hoa**

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học:
- + Viết chữ hoa B, C.
- + Viết ứng dụng:

Con cò bay lả bay la
Bay từ cửa phủ bay ra cánh đồng.
Chân trời, thăm lúa menh mông
Cò bay mỗi cánh sao không thấy bờ?
(Ca dao)

- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa B, C để viết theo yêu cầu. Nếu HV không nhớ cách viết, GV có thể hướng dẫn cụ thể hơn hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa B, C.

- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng.

- Giáo viên nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.

- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

- Giáo viên nhận xét chữ viết của HV.

TIẾT 5

5. Luyện tập viết đoạn văn giới thiệu ước mơ

a) Luyện nói

- Giáo viên nêu yêu cầu:

Nói về ước mơ của bản thân

G:

- Bạn có ước mơ gì (về công việc, nghề nghiệp, điều kiện vật chất, đời sống tinh thần,...)?

- Vì sao bạn ước mơ điều đó?

- Bạn nghĩ mình cần làm gì để ước mơ đó có thể trở thành hiện thực?

- Học viên làm việc cá nhân: chuẩn bị nói theo gợi ý.

- Học viên làm việc nhóm: trình bày ước mơ của mình và nghe nhận xét, góp ý.

b) Luyện viết

- Giáo viên nêu yêu cầu: viết lại điều bạn đã nói thành một đoạn văn ngắn.

- Học viên làm việc cá nhân: viết đoạn văn theo yêu cầu.

- Học viên làm việc nhóm, từng thành viên đọc các câu mình đã viết; cả nhóm góp ý.

- Giáo viên mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

IV. Củng cố, dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 4.

- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà: Chia sẻ ước mơ của mình với người thân hoặc lập kế hoạch để có thể biến ước mơ thành hiện thực.

+ Chuẩn bị Bài 5.

Bài 5

THẦY GIÁO CỦA TÔI (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bài *Thầy giáo của tôi*. Tìm được những chi tiết nói về những việc thầy giáo đã làm cho học sinh, cảm nhận được tình yêu, niềm ngưỡng mộ của bạn nhỏ đối với thầy giáo của mình.

2. Luyện tập về từ và câu: Nhận biết câu kể và dấu chấm.

3. Viết:

- Viết đúng chính tả một đoạn trong bài *Thầy giáo của tôi* theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng ch/tr hoặc tiếng có dấu hỏi/dấu ngã.

- Viết được thông báo đơn giản.

4. Biết bày tỏ suy nghĩ, lòng biết ơn đối với những người đã giúp đỡ, dìu dắt mình.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Một số bản thông báo đơn giản, thông dụng (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 - 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: trao đổi về những bài học để lại nhiều ấn tượng cho mình.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Học viên nêu nội dung tranh minh họa.

- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài đọc kể về một người thầy được học trò yêu quý. Thầy đã khơi dậy những ước mơ đẹp đẽ trong tâm hồn học trò.

- Giáo viên đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện cảm xúc, niềm ngưỡng mộ thầy của người học trò).

- Giáo viên hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: thuộc lâu lâu, nàng tiên cá,...).

+ Nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu: dấu chấm, dấu phẩy.

+ Đọc các câu dài:

“Tuổi ấu thơ,/ai mà chẳng được ông bà,/bố mẹ/hay người thân/kể cho nghe những câu chuyện cổ tích ngày xưa ngày xưa.”

“Tấm Cám và Sọ Dừa”,/“Sự tích trầu cau”,/“Bánh chưng, bánh giầy”,/“Sơn Tinh, Thủy Tinh”,.../được nghe nhiều lần/khiến chúng tôi thuộc lòng.

– Học viên làm việc cá nhân: đọc bài 1- 2 lượt.

– 1 – 2 HV đọc trước lớp, GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

b) Đọc hiểu

– Giáo viên/HV đọc câu hỏi 1: Được học thầy, bạn nhỏ ấn tượng nhất điều gì?

– Học viên phát biểu ý kiến, VD: Bạn nhỏ ấn tượng nhất về thầy là những câu chuyện thầy kể.

– Giáo viên nêu câu hỏi 2: Những câu chuyện thầy kể có gì khác so với những câu chuyện bạn nhỏ đã được nghe?

– 2 – 3 HV trả lời (VD: Những câu chuyện của thầy hoàn toàn khác với những câu chuyện các bạn nhỏ được người thân đã kể cho nghe./Thầy kể những câu chuyện của nước ngoài - đó là cuộc phiêu lưu của chú lính chì và mối tình của chú với cô vũ nữ ba-lê xinh đẹp, chuyện tình yêu cao thượng của nàng tiên cá với chàng hoàng tử điển trai, chuyện cô bé bán diêm đáng thương trong đêm Noel giá rét... của nhà văn An-đéc-xen, “Cánh buồm đỏ thắm” của nhà văn A-lếch-xan Grin/...

– Giáo viên/HV đọc câu hỏi 3: Những chi tiết nào trong bài cho thấy bạn nhỏ biết ơn thầy giáo của mình?

– Học viên trao đổi nhóm, từng HV nêu ý kiến, cả nhóm thống nhất câu trả lời. VD:

+ “Thầy như viên thuyền trưởng lái con tàu lênh đênh trên sóng nước, chở chúng tôi tới những miền đất hoàn toàn xa lạ...”

+ “Lời thầy kể thắm vào tâm hồn chúng tôi mỗi ngày, thấp lên trong chúng tôi khát khao khám phá những chân trời mới xa xôi”.

– Giáo viên nêu câu hỏi 4: Theo bạn, những câu chuyện được đọc, được nghe có ý nghĩa như thế nào đối với chúng ta?

– Giáo viên dành thời gian cho HV suy nghĩ trước khi trả lời.

– Giáo viên yêu cầu mỗi HV trả lời câu hỏi bằng 1 – 2 câu. Mời nhiều em phát biểu. GV khích lệ, khen ngợi các ý kiến thể hiện suy nghĩ chân thực của các em. HV có thể phát biểu các ý kiến khác nhau.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm từ chỉ đặc điểm trong mỗi câu.

+ Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm, gạch dưới từ chỉ đặc điểm trong mỗi câu.

+ 1 – 2 HV chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

a) Thầy giáo của chúng tôi rất **trẻ**.

b) Những câu chuyện của thầy hoàn toàn **khác**.

c) Lời thầy kể thắm vào tâm hồn chúng tôi mỗi ngày, thấp lên trong chúng tôi khát khao khám phá những chân trời **mới xa xôi**.

- Bài tập 2. Trong 3 câu ở bài tập 1, những câu nào là câu nêu đặc điểm.

(Đáp án: Câu a và câu b)

TIẾT 3

3. Luyện tập: Câu kể; Dấu chấm

a) Bài tập 1: Xếp các câu kể vào nhóm thích hợp.

- Học viên đọc yêu cầu và làm việc cá nhân: xếp các câu kể đã cho vào nhóm phù hợp.
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Câu giới thiệu	Câu nêu hoạt động	Câu nêu đặc điểm
(6) Truyện cổ tích là vương quốc của lòng nhân ái.	(1) Tôi mua cuốn “Truyện cổ tích Việt Nam” từ hồi còn nhỏ. (4) Tôi đã đọc đi đọc lại mà không thấy chán. (5) Những ông bụt, bà tiên trong các câu chuyện luôn phù hộ độ trì cho người có hoàn cảnh đáng thương.	(2) Cuốn truyện khá dày. (3) Câu chuyện nào trong đó cũng hay.

b) Bài tập 2. Xác định mục đích của câu kể

- Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: từng thành viên nêu ý kiến, cả nhóm thống nhất phương án lựa chọn.
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

(Đáp án: Dùng để kể, tả, giới thiệu, cuối câu có dấu chấm).

c) Bài tập 3. Đặt 2 – 3 câu kể nói về một cuốn sách bạn đã đọc.

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 3.
- Học viên làm việc cá nhân (hoặc cặp): đặt 2 – 3 câu theo yêu cầu. HV có thể viết nhiều câu hơn tùy khả năng.
- Học viên làm việc nhóm: từng HV đọc các câu đã đặt, cả nhóm góp ý.
- Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp, GV nhận xét.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc đoạn sẽ viết trong bài *Thầy giáo của tôi*.
- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày đoạn văn, các từ ngữ dễ viết sai.
- Học viên nghe GV đọc từng câu và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.

b) Làm bài tập

- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập (1 hoặc 2).
- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án:

- Bài tập 1.

Em nghe thầy đọc bao ngày
Tiếng thơ đổ nắng xanh cây quanh nhà
Mái **chèo** nghiêng mặt sông xa
Êm êm như tiếng của bà năm xưa
Nghe **trắng** thở động tàu dừa
Rì rào nghe **chuyển** cơn mưa giữa **trời**.

- Bài tập 2.

Vào **những** ngày mùa đông mưa phùn gió bắc, với tôi không gì thú hơn là nằm cuộn tròn trong chăn đọc truyện... Một lần, tôi vớ được một tập truyện đọc không dứt ra được. Có **những** truyện khiến tôi thương **cảm chảy** nước mắt. Lại có **cả những** truyện vừa đọc vừa rúc rích cười một mình.

(Theo Trần Đức Tiến)

TIẾT 5

5. Luyện tập viết thông báo

a) Yêu cầu 1

- Giáo viên nêu yêu cầu của tiết học (đọc 1 thông báo và tìm hiểu cách viết thông báo):

Yêu cầu: Đọc thông báo và trả lời các câu hỏi

- a) Thư viện Trung tâm Thành phố thông báo điều gì?
- b) Những đối tượng nào được thư viện tặng thẻ đọc sách?
- c) Thời gian, địa điểm nhận thẻ được thông báo thế nào?

- Học viên làm việc cá nhân: đọc bản thông báo và trả lời các câu hỏi.
- Học viên làm việc nhóm, từng thành viên trả lời câu hỏi. Cả nhóm thống nhất ý kiến.
- Giáo viên nêu câu hỏi, mời một số HV trả lời trước lớp.
- Giáo viên nhắc HV nhớ cách viết nội dung các phần của bản thông báo.

b) Yêu cầu 2

- Học viên làm việc cá nhân: đọc yêu cầu và viết.

Viết thông báo theo một trong các nội dung sau:

- Thông báo về việc thành lập một câu lạc bộ.
- Thông báo mời đăng kí tham gia một chuyến dã ngoại.
- Thông báo đăng kí tham gia hoạt động thiện nguyện.

- Học viên làm việc theo nhóm. Trao đổi báo cáo đã viết và góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét kết quả làm bài của HV.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 5.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà: Tìm đọc một số bản thông báo trên mạng in – tờ – nét.
- + Chuẩn bị Bài 6.

Bài 6

NHÀ BÁC HỌC KHÔNG NGỪNG HỌC (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bài *Nhà bác học không ngừng học*. Biết đọc phân biệt lời đối thoại của các nhân vật, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Nhận biết được những chi tiết thể hiện tinh thần say mê công việc, quan điểm sống của nhà bác học Đác-uyn. Hiểu được ý nghĩa của câu chuyện: tri thức là vô tận, mỗi người có ý thức trau dồi, mở mang hiểu biết bằng con đường tự học.

2. Nói và nghe: Kể lại được câu chuyện *Nhà bác học không ngừng học*.

3. Viết: Viết đúng chữ hoa D, Đ và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.

4. Vận dụng (đọc và viết): Tự đọc hiểu bài thơ *Cô giáo về bản*; viết 2 – 3 câu nêu ý nghĩa của việc học tập.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Mẫu chữ hoa D, Đ.
- Tư liệu về nhà bác học Đác-uyn.

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1 - 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: trao đổi những điều mình biết về đóng góp của các nhà bác học nổi tiếng.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Học viên nêu nội dung tranh minh họa.
- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài đọc nói về tấm gương say mê học tập và nghiên cứu của nhà bác học Đác-uyn.
- Giáo viên đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ nói về lòng say mê học tập, nghiên cứu, cống hiến cho khoa học của Đác-uyn).
- Giáo viên hướng dẫn đọc:
 - + Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: nổi tiếng, thời tiết lạnh giá,...).
 - + Nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu: dấu chấm, dấu phẩy.
 - + Đọc các câu dài:

“Chuyện kể rằng,/vào một đêm mùa đông,/thời tiết lạnh giá,/khi mọi người đã ngủ say,/con của Đác-uyn chợt thức giấc/và thấy phòng cha mình /vẫn sáng đèn.”

“Người con ngạc nhiên/bước lại gần,/thấy cha đang cặm cụi bên tập tài liệu,/ liền hỏi:/”Cha đã là nhà bác học rồi,/còn phải ngày đêm nghiên cứu làm gì/cho mệt?”.

- 3 HV đọc nối tiếp câu chuyện trước lớp.
- Học viên luyện đọc trong nhóm: đọc nối tiếp các đoạn 1 – 2 lượt.
- Học viên làm việc cá nhân: đọc thầm toàn bài một lượt.
- Giáo viên nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên/HV đọc câu hỏi 1: Sác-lơ Đác-uyn là ai?
- Học viên phát biểu ý kiến, VD: Sác-lơ Đác-uyn (1809 – 1882) là nhà sinh học, địa chất học, tự nhiên học nổi tiếng người Anh. Ông là tấm gương sáng về quyết tâm theo đuổi đam mê, nỗ lực vượt qua khó khăn để cống hiến cho khoa học, và đặc biệt là tinh thần không ngừng học, dù đã đứng trên đỉnh cao tri thức và danh vọng.
- Giáo viên nêu câu hỏi 2. Chi tiết nào trong câu chuyện khiến bạn ấn tượng nhất?
- Học viên làm việc nhóm, từng thành viên phát biểu ý kiến. Có thể giải thích vì sao mình có ấn tượng nhất với chi tiết đó.
- Giáo viên/HV đọc câu hỏi 3: Bạn mong muốn học tập nhà bác học Sác-lơ Đác-uyn ở phẩm chất nào?
- Học viên làm việc nhóm, từng thành viên phát biểu ý kiến. Có thể giải thích vì sao mình muốn học tập/muốn có được đức tính/phẩm chất đó.
- Giáo viên/HV đọc câu hỏi 4: Nêu cảm nghĩ của bạn sau khi đọc câu chuyện.
- Giáo viên dành thời gian cho HV suy nghĩ trước khi trả lời.
- Giáo viên yêu cầu mỗi HV trả lời câu hỏi bằng 1 – 2 câu. Mời nhiều em phát biểu.

Giáo viên khích lệ, khen ngợi các ý kiến thể hiện suy nghĩ chân thực của các em. HV có thể phát biểu các ý kiến khác nhau.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Xác định đâu là câu kể trong những câu đã cho.
- + Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm, xác định câu nào là câu kể.
- + 1 – 2 HV chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án: câu a, câu c.

a) Sác-lơ Đác-uyn (1809 – 1882) là nhà sinh học, địa chất học, tự nhiên học nổi tiếng người Anh.

c) Khi tuổi đã cao, sức đã yếu, Đác-uyn vẫn còn học thêm tiếng Đức, một ngôn ngữ tương đối khó.

- Bài tập 2. Đặt 1 – 2 câu kể nói về việc học tập của mình.
- + Học viên làm việc cá nhân: viết 2 câu kể theo yêu cầu vào vở.
- + Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã viết, cả nhóm nhận xét, góp ý.
- + Một vài HV đọc từ ngữ trước lớp.

TIẾT 3

3. Nói và nghe: Kể chuyện Nhà bác học không ngừng học

a) Chuẩn bị

- Giáo viên nêu yêu cầu: Kể lại câu chuyện *Nhà bác học không ngừng học*. GV nhắc HV cần nhớ đầy đủ những lời nói của các nhân vật trong câu chuyện để kể.
- Học viên làm việc cá nhân: Dựa vào câu hỏi gợi ý, tập kể lại câu chuyện.

b) Kể chuyện

- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên kể chuyện, cả nhóm góp ý.
- Học viên kể chuyện trước lớp, cả lớp góp ý, nhận xét:
- + Về nội dung.
- + Về giọng nói, điệu bộ.
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Viết chính tả.

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học:
- + Viết chữ hoa D, Đ
- + Viết ứng dụng:

Hè chuyển vào thu

Đi hui mặt hồ

Đóa sen nở sột.

(Theo Phương Trung)

- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa D, Đ để viết theo yêu cầu. Nếu HV không nhớ cách viết, GV có thể hướng dẫn cụ thể hơn hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa D, Đ.

- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng:

- Giáo viên nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.

- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

- Giáo viên nhận xét chữ viết của HV.

TIẾT 5

5. Vận dụng (đọc và viết)

a) Đọc

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: tự đọc bài thơ *Cô giáo về bản* và trả lời câu hỏi.

- Học viên làm việc cá nhân theo yêu cầu.

+ Đọc bài thơ.

+ Trả lời câu hỏi cuối bài đọc.

b) Viết 2 – 3 câu nói về ý nghĩa của việc học tập

- Học viên làm việc cá nhân: tự viết 2 – 3 câu theo yêu cầu.

- Học viên làm việc theo nhóm: đọc các câu đã viết và nghe góp ý, chỉnh sửa theo góp ý.

IV. Củng cố, dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 6.

- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà: Lập kế hoạch những việc mình cần làm được trong tuần, trong tháng hoặc trong năm.

- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 7.

Chủ điểm: LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

BÀI 7

NGHỀ DỆT THỎ CẨM Ở XÓM CHIỀNG (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Nghề dệt thỏ cẩm ở xóm Chiềng*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nội dung bài đọc: giới thiệu nghề dệt

thổ cẩm ở xóm Chiềng – một nghề truyền thống góp phần giúp người dân địa phương giảm nghèo và lưu giữ giá trị truyền thống của dân tộc.

2. Luyện tập về từ và câu:

- Mở rộng vốn từ về nghề nghiệp, công việc.
- Biết dùng câu hỏi và dấu chấm hỏi.

3. Viết:

- Viết đúng chính tả bài thơ *Trước cổng trời* (trích đoạn) theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng *r/d/gi* hoặc *v/d*.

- Viết được bản tin giới thiệu một sự kiện hoặc một địa phương.

4. Vận dụng: Tìm hiểu và giới thiệu một nghề sản xuất hoặc một sản phẩm kinh doanh ở địa phương.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phiếu học tập viết sẵn nội dung bài tập 1 (Luyện tập gắn với bài đọc).
- Máy tính, máy chiếu để trình chiếu *Thông báo về việc mở lớp dạy nghề ngắn hạn* (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm:

- Kể tên một số nghề truyền thống hoặc một số sản phẩm của nghề truyền thống.
- Nghề truyền thống có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống của người dân?

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu dài, VD:
 - *Hoa văn thổ cẩm của người Mường/không cầu kì nhưng rất tươi sáng,/mang đặc trưng của rừng núi.*
 - *Mặc dù ngày nay có nhiều sản phẩm dệt may công nghiệp mẫu mã bắt mắt/nhưng sản phẩm thổ cẩm làng Chiềng/vẫn được du khách tìm mua/bởi vẻ đẹp độc đáo hiếm có.*

- Có thể nói/thỏ cẩm đã góp phần/giúp người dân nơi đây giảm nghèo/và lưu giữ giá trị truyền thống của dân tộc.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc đoạn, bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
- Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1) Theo bài đọc, cần chuẩn bị những gì để có sợi dệt thổ cẩm? (Cần thu hoạch bông, phơi khô, bỏ hạt và cán bông, ép bông thành con, kéo bông thành sợi. Sợi bông được hồ, phơi khô rồi xe thành ống).

(2) Thổ cẩm của người Mường có gì đặc biệt? (Thổ cẩm của người Mường có màu xanh của cây cỏ, màu đỏ, màu vàng của hoa rừng; hoa văn không cầu kì nhưng rất tươi sáng; chất vải mềm, mịn, nhẹ, rất bền, không phai màu).

(3) Vì sao ngày nay có nhiều loại hàng hóa dệt may công nghiệp nhưng khách du lịch vẫn tìm mua sản phẩm thổ cẩm? (Vì thổ cẩm có vẻ đẹp độc đáo hiếm có.)

(4) Bạn suy nghĩ gì về việc duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống? (HV nói theo suy nghĩ cá nhân, VD: duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống vì việc làm này góp phần giúp người dân giảm nghèo và lưu giữ giá trị truyền thống của dân tộc).

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm từ ngữ thích hợp với mỗi nhóm.
- + Giáo viên nêu yêu cầu: Tìm từ ngữ thích hợp với mỗi nhóm (viết vào phiếu học tập).
- + Học viên thảo luận theo nhóm (hoặc cặp đôi).
- + Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến; GV nhận xét, bổ sung.

Ví dụ:

Nghề nghiệp (công việc)	Hoạt động nghề nghiệp (công việc cần thực hiện)	Phẩm chất của người làm việc
dệt thổ cẩm	thu hoạch bông, phơi bông, ...	cẩn thận, khéo léo, ...
đan mây tre	chuẩn bị mây, tre; chẻ, vót, chuốt sợi (nan),...	chăm chỉ, khéo léo, cẩn thận,...
thêu	chuẩn bị khung thêu, kim chỉ, vẽ mẫu,...	khéo léo, cẩn thận, tỉ mỉ, kiên trì,...

- **Bài tập 2.** Đặt 2 – 3 câu nói về một nghề (hoặc một công việc)
- + Giáo viên nêu yêu cầu.
- + Học viên làm việc cá nhân: viết câu vào vở.
- + Một số HV báo cáo kết quả.
- + Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu (nếu cần).

TIẾT 3

3. Luyện từ và câu: Câu hỏi, dấu chấm hỏi

a) Bài tập 1. Hỏi đáp về nội dung bản thông báo

- Giáo viên nêu yêu cầu: Hỏi đáp về nội dung thông báo (*Thông báo về việc mở lớp dạy nghề ngắn hạn*).

- Học viên dựa vào mẫu, hỏi đáp theo cặp, VD:

+ Thông báo nói về việc gì? – Thông báo nói về việc mở lớp dạy nghề ngắn hạn/lớp dạy kỹ thuật chế biến món ăn.

+ Đơn vị nào tổ chức lớp học? – Trung tâm học tập cộng đồng xã Quảng Phú tổ chức lớp học.

+ ...

- Một số HV hỏi đáp trước lớp (hoặc hỏi đáp theo hình thức phóng viên phỏng vấn); cả lớp góp ý, bổ sung.

- Giáo viên nhận xét.

b) Bài tập 2. Viết lại 1 câu hỏi và 1 câu trả lời theo nội dung hỏi – đáp ở bài tập 1

- Học viên viết lại ít nhất 1 câu hỏi, 1 câu đáp (Chú ý viết hoa chữ cái đầu câu, sử dụng đúng dấu chấm hỏi cuối câu hỏi, dấu chấm cuối câu kể).

- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu (nếu cần).

TIẾT 4

4. Chính tả

a) Nghe – viết

- Giáo viên nêu yêu cầu: nghe – viết đoạn thơ *Trước cổng trời*.

- Giáo viên đọc mẫu đoạn thơ; mời 1 – 2 HV đọc lại đoạn thơ trước lớp.

- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày các dòng thơ, khổ thơ.

- Giáo viên đọc, HV viết vào vở.

- Giáo viên hướng dẫn HV soát lỗi và chữa bài (nếu cần).

b) Làm bài tập

+ Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập (1 hoặc 2).

+ Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.

+ Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.

+ Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án:

- Bài tập 1: *vật dụng, dùng, đi rẫy, đi rừng, ra khỏi nhà, dân bản, nắng gió*

- Bài tập 2: *vừa – dũa; vải – dãi; va – da; vô – dồ, vòng – dòng; vời – dời;...*

TIẾT 5

5. Viết đoạn, bài: Viết bản tin

a) Trao đổi về bản tin

- Học viên đọc yêu cầu của bài tập.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc bản tin *Xã Quảng Phú tổ chức lớp dạy kỹ thuật chế biến món ăn*; trao đổi về nội dung bản tin.
- Học viên nói trong nhóm: trao đổi theo gợi ý.
- Một số HV trình bày trước lớp; GV nhận xét.

b) Viết bản tin ngắn giới thiệu nghề dệt thổ cẩm ở xóm Chiềng

- Giáo viên giao nhiệm vụ.
- Học viên trả lời câu hỏi gợi ý (thực hiện nhanh).
- Học viên dựa vào gợi ý, viết bản tin vào vở.
- Một số HV báo cáo trước lớp.
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).
- Học viên sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.

IV. Củng cố, dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 7.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
 - + Tìm hiểu và giới thiệu một nghề sản xuất hoặc một sản phẩm kinh doanh ở địa phương.
 - + Chuẩn bị Bài 8.

BÀI 8

ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá*, biết ngắt hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ. Hiểu nghĩa của từ ngữ; hiểu nội dung, ý nghĩa của bài thơ: Ca ngợi vẻ đẹp của biển và của những người lao động trên biển.

2. Luyện tập về từ và câu:

Luyện tập về câu kể, câu hỏi: Biết đặt và trả lời câu hỏi.

3. Viết

- Viết đúng chính tả bài thơ *Ngày hôm qua đâu rồi?* (trích đoạn) theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng *ng/ngh*.

- Viết đúng chữ hoa E, Ê và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Điền được thông tin vào tờ khai in sẵn.
- 4. **Biết bày tỏ thái độ yêu quý trân trọng người lao động và sản phẩm lao động.**
- 5. **Vận dụng:** Điền được thông tin phù hợp để hoàn thành bản đăng kí thi đua xây dựng gia đình văn hoá.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa/phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa E, Ê.
- Bảng phụ hoặc thẻ từ ngữ/máy tính, máy chiếu chuẩn bị sẵn nội dung của bài tập 1, 2 (Luyện tập).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Giới thiệu một nghề sản xuất hoặc một sản phẩm kinh doanh ở địa phương mà mình đã tìm hiểu được sau khi học bài 7.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc một số câu thơ. VD:
Sao mờ,/kéo lưới kịp trời sáng //
Ta kéo xoắn tay/chùm cá nặng //
Vẫy bạc đuôi vàng/lóe rạng đông //
Lưới xếp buồm lên//đón nắng hồng.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc bài.

b) Đọc hiểu

GV tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
 - Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
 - Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.
- (1) Đoàn thuyền đánh cá ra khơi vào lúc nào và trở về vào lúc nào? Những câu thơ nào cho ta biết điều đó? (Đoàn thuyền ra khơi lúc hoàng hôn, trở về vào bình minh. Những câu thơ ở khổ thơ đầu và khổ thơ cuối cho ta biết điều đó).
- (2) Tìm những hình ảnh khắc hoạ nên vẻ đẹp huy hoàng, thơ mộng của thiên nhiên (Mặt Trời xuống biển như hòn lửa; sóng đã cài then, đêm sập cửa; nhịp trăng cao; rạng đông, nắng hồng; Mặt trời đội biển nhô màu mới).

(3) Vẻ đẹp tươi vui, khoẻ khoắn của những người đánh cá được thể hiện qua những hình ảnh nào? (Câu hát căng buồm cùng gió khơi; Ta hát bài ca gọi cá vào; Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng - Vẫy bạc đuôi vàng lóe rạng đông - Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng; Câu hát căng buồm với gió khơi - Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời).

(4) Bài thơ cho thấy những người đánh cá có tình cảm như thế nào với công việc của mình? (HV nói theo suy nghĩ cá nhân, VD: tự hào, thoải mái, say sưa,...)

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Xếp các từ ngữ dưới đây thành 2 nhóm

+ Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập: Xếp các từ ngữ dưới đây thành 2 nhóm (từ ngữ chỉ sự vật, từ ngữ chỉ hoạt động); viết từ ngữ vào giấy nháp hoặc làm bài vào phiếu học tập.

+ Học viên làm bài cá nhân hoặc thảo luận theo cặp.

+ Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến; GV nhận xét, chốt đáp án đúng.

Đáp án:

- Từ ngữ chỉ sự vật: *Mặt Trời, biển, sóng, thuyền, cá, buồm, gió, mẹ, ngôi sao, lưới, nắng.*
- Từ ngữ chỉ hoạt động: *cài then, sập cửa, đánh cá, ra khơi, căng buồm, hát, kéo lưới, đón.*

- Bài tập 2. Xếp các từ ngữ chỉ sự vật thành 4 nhóm

+ Giáo viên nêu yêu cầu.

+ Học viên làm bài, thực hiện tương tự như với bài tập 1.

+ Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến; GV nhận xét, chốt đáp án đúng.

Đáp án:

- Từ ngữ chỉ hiện tượng thiên nhiên: *Mặt Trời, biển, sóng, gió, ngôi sao, nắng.*
- Từ ngữ chỉ người: *mẹ.*
- Từ ngữ chỉ con vật: *cá.*
- Từ ngữ chỉ đồ vật: *thuyền, buồm, lưới.*

TIẾT 3

3. Luyện từ và câu: Câu kể, câu hỏi

a) Bài tập 1. Tìm câu kể, câu hỏi trong bài đọc

- Giáo viên nêu nhiệm vụ: Tìm trong bài đọc 1 câu kể, 1 câu hỏi.

- Học viên làm việc cá nhân.

- Học viên trao đổi trong cặp đôi.

- Một số HV nêu kết quả; HV khác nhận xét.

- Giáo viên chốt đáp án đúng.

Đáp án:

- Câu hỏi: *Có ba sào ruộng khoán với hai sào vườn tạp, lấy gì mà nuôi con ăn học đây?*
- Câu kể: là những câu khác trong bài.

b) Bài tập 2. Đặt và trả lời câu hỏi cho bộ phận câu in đậm trong bài đọc

- Giáo viên nêu nhiệm vụ.
- Học viên làm việc theo cặp: 1 người hỏi – 1 người đáp.
- Một số cặp HV báo cáo kết quả trước lớp (có thể hỏi – đáp).
- Giáo viên nhận xét, chốt đáp án đúng:

Đáp án:

• Chị Na rất lo lắng khi cầm giấy báo đồ đạc học cho con.	• Chị Na thế nào?
• Được Chi hội trưởng Phụ nữ gợi ý, chị Na viết đơn vay vốn để làm VAC.	• Được Chi hội trưởng Phụ nữ gợi ý, chị Na vay vốn để làm gì?
• Vợ chồng chị bàn nhau bố trí vườn, ao chuồng cho thật hợp lí.	• Vợ chồng chị Na làm gì?
• Tôi chỉ biết bỏ sức ra làm, còn vợ tôi tính toán cả đấy!	• Ai bỏ sức ra làm? Ai tính toán?

c) Bài tập 3. Viết lại một câu hỏi, một câu đáp (câu kể) trong bài tập 2

- Giáo viên giao nhiệm vụ.
- Học viên làm việc cá nhân: Viết các câu vào vở.
- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác nêu ý kiến.
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV chữa bài (nếu cần).

TIẾT 4**4. Tập viết****a) Viết chữ hoa**

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa E, Ê và câu ứng dụng (*Ước gì em hoá thành mây/Em che cho mẹ suốt ngày bóng râm*).
- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa E, Ê; hướng dẫn cách viết.
- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa E, Ê. Chú ý điểm giống nhau, khác nhau giữa E và Ê.
- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết chữ hoa E, Ê theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng (*Ước gì em hoá thành mây/Em che cho mẹ suốt ngày bóng râm*), nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.

- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Viết đoạn, bài: Điền thông tin vào tờ khai in sẵn

a) Chọn thông tin phù hợp (cho sẵn) thay vào chỗ trống trong mẫu đơn đăng kí học nghề

- Học viên đọc đề bài (đọc cả mẫu và các thông tin cho sẵn).
- Giáo viên nêu yêu cầu: Đọc mẫu đơn; chọn thông tin cho sẵn điền vào vị trí phù hợp để hoàn chỉnh đơn.
- Học viên làm bài trên phiếu học tập.
- Học viên đổi bài cho nhau để góp ý.
- Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến.
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Phú, ngày 10 tháng 4 năm 2019

ĐƠN ĐĂNG KÍ HỌC NGHỀ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã Quảng Phú

Tôi tên là: Nguyễn Văn Minh Nam (nữ): Nam

Sinh ngày 25 tháng 3 năm 2000.

Nơi đăng kí hộ khẩu thường trú: Xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nơi ở hiện nay: Xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế

Tôi làm đơn này đăng kí tham gia khóa học kĩ thuật chế biến món ăn do Trung tâm học tập cộng đồng xã Quảng Phú tổ chức.

Tôi xin hứa sẽ tuân thủ nghiêm túc các quy định của lớp học.

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

Người làm đơn
Nguyễn Văn Minh

b) Viết đơn xin xác nhận tạm trú theo mẫu

- Học viên viết đơn xin xác nhận tạm trú theo mẫu (cách thực hiện tương tự như trên).
- Giáo viên có thể góp ý cho một số bài (nếu có thời gian).

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 8.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
 - + Viết *Bản đăng kí tham gia thi đua xây dựng danh hiệu gia đình văn hoá*.
 - + Chuẩn bị Bài 9.

Bài 9
VÀO NGHỀ (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng, rõ ràng các tiếng, từ, câu trong câu chuyện *Vào nghề*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nội dung và ý nghĩa câu chuyện: Tất cả những điều lớn lao đều bắt đầu từ những việc rất bình thường.

2. Nói và nghe: Kể được câu chuyện *Vào nghề*.

3. Viết:

- Viết đúng chính tả bài *Đoàn thuyền đánh cá* (hai khổ thơ cuối) theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng có bắt đầu bằng s/x hoặc có *dấu hỏi/dấu ngã*.

- Viết được 2 - 3 câu nêu ý kiến của bản thân về câu chuyện đã đọc.

4. Biết bày tỏ thái độ tích cực trong công việc, biết hướng tới mục tiêu tốt đẹp của cuộc sống.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ viết sẵn các câu hỏi gợi ý cho hoạt động luyện nói và nghe.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm:

- Bạn đang làm nghề gì (hoặc thích nghề gì)?
- Nghề đó có gì thú vị, có ích lợi như thế nào?
- Cần chuẩn bị những gì để có thể làm tốt nghề đó?

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc lời nhân vật.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
 - Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
 - Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.
- (1) Vì sao Va-li-a mơ ước trở thành diễn viên biểu diễn tiết mục “Cô gái phi ngựa, đánh đàn”? (Vì cô bé thấy diễn viên xiếc biểu diễn tiết mục đó vừa xinh đẹp, vừa dũng cảm).
- (2) Trước khi trở thành diễn viên, Va-li-a đã làm những công việc gì ở rạp xiếc? (Cô bé quét sân và rác bẩn trên sàn chuồng ngựa).
- (3) Theo bạn, nhờ đâu mà Va-li-a trở thành một diễn viên như em hằng mong ước? (HV nói theo suy nghĩ cá nhân, VD: Vì cô bé chăm chỉ, chấp nhận khó khăn, không nề hà những công việc vất vả,...)
- (4) Bạn hiểu như thế nào về ý nghĩa của câu nói “Cái tháp cao nào cũng phải bắt đầu xây từ mặt đất lên.”? (HV nói theo suy nghĩ cá nhân, VD: Mọi việc dù lớn lao bao nhiêu cũng bắt đầu từ những điều nhỏ bé/bình thường./...)

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Câu chuyện trên cho thấy Va-li-a là cô bé như thế nào? Tìm 5 từ ngữ phù hợp.
 - + Giáo viên nêu yêu cầu.
 - + Học viên thảo luận theo cặp; tìm các từ ngữ.
 - + Một số HV nêu ý kiến; HV khác bổ sung; GV nhận xét.Ví dụ: *nỗ lực, chăm chỉ, quyết tâm, cần cù, nghiêm túc, giàu ý chí, giàu nghị lực,...*
- Bài tập 2. Đặt 1 – 2 câu nêu nhận xét về những nỗ lực và thành công của Va-li-a.
 - + Giáo viên nêu yêu cầu.
 - + Học viên làm việc cá nhân: viết câu vào vở.

- + Một số HV báo cáo kết quả.
- + Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu (nếu cần).

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Kể chuyện

- Giáo viên nêu yêu cầu: Kể lại câu chuyện *Vào nghề*.
- Học viên làm việc nhóm: dựa vào gợi ý, từng thành viên kể chuyện.
- Một số HV kể chuyện trước lớp; cả lớp góp ý, bổ sung.
- Giáo viên nhận xét.

b) Trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện

- Giáo viên giao nhiệm vụ.
- Học viên dựa vào gợi ý, nói suy nghĩ của mình (nói trong cặp/nhóm và nói trước lớp):
- Giáo viên nhận xét, bổ sung thông tin; nhận xét tiết học.

TIẾT 4

4. Chính tả

a) Nghe – viết

- Giáo viên nêu yêu cầu: nghe – viết *Đoàn thuyền đánh cá* (2 khổ thơ cuối).
- Giáo viên đọc mẫu đoạn thơ; mời 1 – 2 HV đọc lại đoạn thơ trước lớp.
- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày các dòng thơ, khổ thơ.
- Giáo viên đọc, HV viết vào vở.
- Giáo viên hướng dẫn HV soát lỗi và chữa bài (nếu cần).

b) Làm bài tập

- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập (1 hoặc 2).
- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án:

- Bài tập 1, VD: *chim sẻ - xẻ gỗ; sa xuống - xa nhà; nước sôi - đồ xôi; dao sắc - cái xắc;...*
- Bài tập 2, VD: *ngã ba đường - ba ngã đường; chìm nổi - nổi niềm; chim sẻ - sẻ đến; nhấc bóng - bỗng nhiên;...*

TIẾT 5

5. Đọc và viết

a) *Đọc truyện và trả lời câu hỏi*

- Học viên đọc yêu cầu của bài tập và các câu tục ngữ.
- Học viên đọc thầm truyện *Thưa chuyện với mẹ* và các câu hỏi.
- Học viên trao đổi theo cặp.
- Một số HV trình bày trước lớp; HV khác bổ sung.
- Giáo viên nhận xét, chốt đáp án đúng:

- Cương xin mẹ điều gì? Vì sao mẹ chưa đồng ý với đề nghị của Cương? (Cương xin mẹ cho đi học nghề rèn. Mẹ không đồng ý vì sợ Cương không chịu được vất vả; vì cho rằng nghề rèn không xứng với gia thế quan sang của gia đình).
- Cương đã thuyết phục mẹ như thế nào? (Cương thuyết phục mẹ: Ai cũng phải có một nghề; nghề nào cũng đáng trọng như nhau. Chỉ những ai trộm cắp hay ăn bám mới đáng bị coi thường).
- Bạn có tán thành với ý kiến của Cương không? Vì sao? (HV nói theo suy nghĩ cá nhân).

b) *Viết 2 – 3 câu nêu ý kiến về việc chọn nghề (việc làm)*

- Giáo viên giao nhiệm vụ.
- Học viên viết các câu vào vở.
- Một số HV báo cáo trước lớp
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).
- Học viên sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 9.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
 - + Liệt kê những việc bản thân cần thực hiện để làm tốt công việc của mình.
 - + Chuẩn bị Bài 10.

Chủ điểm: Ý THỨC CÔNG DÂN

Bài 10

TRÁCH NHIỆM CỦA THANH NIÊN ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC VÀ XÃ HỘI (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Trách nhiệm của thanh niên đối với nhà nước và xã hội*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu các quy định về trách nhiệm của thanh niên đối với nhà nước và xã hội.

2. Luyện tập về từ và câu:

- Mở rộng vốn từ về nghề nghiệp, công việc.
- Biết dùng câu khiến.

3. Viết:

- Viết được chữ hoa G, H và câu ứng dụng có chữ hoa.
- Viết được đoạn văn thuật lại việc đã chứng kiến hoặc tham gia.

4. Vận dụng: Tích cực tham gia hoạt động vì cộng đồng; ghi chép lại được những sự việc chính trong một hoạt động đã tham gia.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa/phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa G, H.
- Phiếu học tập viết sẵn nội dung bài tập 1 (Luyện tập gắn với bài đọc) và bài *Đừng huỷ hoại môi trường xanh*.
- Máy tính, máy chiếu để trình chiếu *Đừng huỷ hoại môi trường xanh* (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

- Học viên nói tên và có thể hát (hoặc nghe) một bài hát về trách nhiệm của công dân. VD, bài hát *Khát vọng tuổi trẻ* (Nhạc và lời: Vũ Hoàng).
- Giáo viên giới thiệu bài mới.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.

- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ khó.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu dài (VD:
 - *Thanh niên có trách nhiệm/đối với Tổ quốc,/Nhà nước và xã hội,/đối với gia đình và bản thân.*
 - *Tại điều 13,/chương II,/Luật Thanh niên quy định/trách nhiệm của thanh niên/đối với Nhà nước và xã hội như sau://*
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc đoạn, bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
 - Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
 - Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.
- (1) Luật Thanh niên quy định thanh niên có trách nhiệm đối với những đối tượng nào? (Luật quy định thanh niên có trách nhiệm đối với Tổ quốc, Nhà nước và xã hội, đối với gia đình và bản thân).
- (2) Hãy nêu trách nhiệm của thanh niên liên quan tới lao động, việc làm, môi trường và các hoạt động vì lợi ích của cộng đồng, xã hội. (HV dựa vào ý 5 để trả lời).
- (3) Thanh niên có trách nhiệm như thế nào đối với trẻ em? (HV dựa vào ý 6 để trả lời).
- (4) Nêu một số hoạt động của thanh niên ở địa phương bạn và chỉ ra những hoạt động đó thể hiện trách nhiệm của thanh niên đối với Nhà nước và xã hội như thế nào (HV nói theo thực tế địa phương).

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Nêu một số việc thanh niên cần làm
- + Giáo viên nêu yêu cầu.
- + Học viên thảo luận theo nhóm (hoặc cặp đôi).
- + Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến; GV nhận xét, bổ sung.

Ví dụ:

- Việc cần làm để tham gia giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia: tuân thủ quy định chung; tham gia lực lượng dân quân, dân phòng; nhập ngũ và tham gia huấn luyện sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc; tuyên truyền, động viên người thân cùng tham gia.
- Việc cần làm để tham gia bảo vệ môi trường: Giữ vệ sinh chung; tham gia dọn vệ sinh nơi ở; tích cực trồng rừng; tiết kiệm nước sạch; động viên mọi người cùng tham gia,...

- Bài tập 2. Đặt 2 – 3 câu nói về những việc mà người trẻ tuổi cần làm để hoàn thành trách nhiệm của thanh niên.
- + Giáo viên nêu yêu cầu.

- + Học viên làm việc cá nhân: viết câu vào vở.
- + Một số HV báo cáo kết quả.
- + Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu (nếu cần).

TIẾT 3

3. Luyện từ và câu: Câu khiến

a) Bài tập 1. Đọc bài *Đừng huỷ hoại môi trường xanh* rồi trả lời câu hỏi

- Giáo viên nêu yêu cầu.
- Học viên làm việc cá nhân (trên phiếu học tập).
- Một số HV nêu ý kiến trước lớp; cả lớp góp ý, bổ sung.
- Giáo viên nhận xét; chốt đáp án đúng.

Đáp án:

- Các câu khiến:
 - Hãy đeo khẩu trang khi rời nhà.
 - Hãy xử lí rác thải đúng cách.
 - Không vứt rác bừa bãi.
 - Hãy tích cực trồng cây gây rừng, không chặt phá cây.
 - Hãy chung tay vì môi trường xanh, sạch, đẹp!
- Khi viết, cuối câu khiến có dấu chấm hoặc dấu chấm than.

b) Bài tập 2. Dựa vào nội dung câu kể dưới đây để viết câu khiến

- Giáo viên nêu yêu cầu: Dựa vào nội dung mỗi câu kể dưới đây để viết một câu khiến.
- Học viên dựa vào mẫu, đặt câu khiến theo yêu cầu.
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu (nếu cần).

Đáp án:

- Chúng ta hãy “nói không” với bao bì bằng nhựa để bảo vệ môi trường!
- Mọi người đừng/hãy đừng đào hố chôn rác, đốt rác hoặc thải rác ra sông, hồ để hạn chế ô nhiễm môi trường.

TIẾT 4

4. Tập viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa G, H và câu ứng dụng (*Kìa Hà Giang đó sương giăng trắng/Hoa gạo bùng lên, sông hiện ra.*)

- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa G, H; hướng dẫn cách viết.
- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa G, H. Chú ý chiều cao của chữ hoa G.
- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết chữ hoa G, H theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng (*Kìa Hà Giang đó sương giăng trắng/Hoa gạo bùng lên, sông hiện ra*), nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Viết đoạn, bài: Viết đoạn văn thuật lại sự việc

a) Đọc mẫu truyện *Lời hứa và trả lời câu hỏi*

- Giáo viên nêu yêu cầu.
- Học viên đọc thầm truyện, hỏi đáp theo cặp.
- Một số HV trình bày trước lớp; GV nhận xét; bổ sung.

Câu chuyện xảy ra ở đâu, khi nào? (Câu chuyện xảy ra ở công viên vào lúc phố đã lên đèn.

Nhân vật “tôi” đã chứng kiến hay tham gia câu chuyện đó? (“Tôi” là người tham gia cuộc trò chuyện với cậu bé).

Câu chuyện diễn ra như thế nào? (HV kể lại chi tiết chính của câu chuyện).

b) Kể về một lần tham gia hoặc chứng kiến một hoạt động vì cộng đồng

- Giáo viên giao nhiệm vụ.
- Học viên đọc gợi ý, viết một số ý chính vào vở nháp.
- Học viên trao đổi theo cặp (theo gợi ý).
- Một số HV báo cáo trước lớp.
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).
- Học viên sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.

IV. Củng cố, dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 10.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà: Tham gia một hoạt động vì cộng đồng, ghi chép lại những sự việc chính để chuẩn bị cho bài viết “thuật việc đã chứng kiến hoặc tham gia”.
- + Chuẩn bị Bài 11.

BÀI 11

THƠ TÌNH NGƯỜI LÍNH BIỂN (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài thơ *Thơ tình người lính biển* (trích đoạn), biết ngắt hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ. Hiểu nội dung bài thơ: nói về cảm xúc của người lính biển - tình yêu đất nước hoà quyện với tình yêu đôi lứa.

2. Luyện tập về từ và câu:

Luyện tập về câu kể, câu hỏi: Biết đặt và trả lời câu hỏi.

3. Viết

- Viết đúng chính tả 2 khổ đầu của bài thơ *Thơ tình người lính biển* theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng có vần *ay/ây* hoặc *iêu/ươu*.

- Viết được đoạn văn thuật việc đã chứng kiến hoặc tham gia.

4. Vận dụng: Tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng; viết được bản tin giới thiệu về một hoạt động vì cộng đồng.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ hoặc thẻ từ ngữ/máy tính, máy chiếu chuẩn bị sẵn đoạn văn trong bài tập 1 (Luyện tập).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên thảo luận theo cặp hoặc theo nhóm: Thanh niên cần làm gì để góp phần bảo vệ Tổ quốc?

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.

- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.

- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.

- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc một số câu thơ. VD:

*Ngày mai,/ngày mai khi thành phố lên đèn /
Tàu anh buông neo/dưới chùm sao xa lắc /
Thăm thẳm nước trời,/nhưng anh không cô độc /
Biển một bên/và em một bên.*

- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
- Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1) Bài thơ là tâm tình của ai? (Bài thơ là tâm tình của người lính biển làm nhiệm vụ bảo vệ biển, đảo của Tổ quốc).

(2) Những hình ảnh nào cho thấy nỗi gian nan vất vả của người lính biển? (Thăm thẳm nước trời; đất nước chưa bao giờ bình yên; bão thổi; trời khuya, đảo vắng).

(3) Hình ảnh nào thể hiện sự hòa quyện giữa tình yêu quê hương, đất nước và tình yêu đôi lứa trong tâm tình của người lính biển? (HV nêu những hình ảnh thơ phù hợp ở 4 khổ thơ; chú ý hình ảnh *Biển một bên và em một bên*).

(4) Theo bạn, vì sao mặc dù phải làm nhiệm vụ “giữa thăm thẳm nước trời” nhưng người lính biển vẫn không cảm thấy cô độc? (HV nói theo suy nghĩ cá nhân, VD: Vì người lính luôn nghĩ về gia đình, về người thân, về đồng bào của mình).

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm thêm từ ngữ có nghĩa giống từ ngữ trong bài
- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập: Tìm thêm từ ngữ có nghĩa giống từ ngữ trong bài; viết từ ngữ vào giấy nháp hoặc làm bài vào phiếu học tập.
- + Học viên làm bài cá nhân hoặc thảo luận theo cặp.
- + Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến; GV nhận xét, chốt đáp án đúng.

Đáp án, VD:

- Từ có nghĩa giống *đất nước*: *tổ quốc, nước nhà, giang sơn,...*
- Từ có nghĩa giống *xa lắc*: *xa xôi, xa tít,...*
- Từ có nghĩa giống (*đúng*) *gác*: *canh gác, bảo vệ, canh chừng,...*
- Từ có nghĩa giống *bình yên*: *thanh bình, hoà bình,...*

- Bài tập 2: Đặt 2 câu với từ ngữ ở bài tập 1
- + Giáo viên nêu yêu cầu.
- + Học viên làm việc cá nhân: viết câu vào vở.

+ Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến; GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa lỗi (nếu cần).

TIẾT 3

3. Luyện từ và câu: Câu cảm, dấu chấm than

a) Bài tập 1. Đọc các câu rồi trả lời câu hỏi

- Giáo viên nêu nhiệm vụ.
- Học viên làm việc cặp đôi: Đọc các câu, hỏi - đáp để trả lời câu hỏi.
- Một số HV nêu kết quả; HV khác nhận xét.
- Giáo viên chốt đáp án đúng.

Đáp án:

- Câu hỏi a. Các câu cảm là:
 - *Hôm nay là một ngày tuyệt đẹp!*
 - *Hoa của nó treo lủng lẳng là lủng lẳng từng chùm như chiếc đèn lồng xanh xanh hồng hồng, xinh ơi là xinh!*
- Câu hỏi b. Khi viết, cuối câu cảm có dấu chấm than.

b) Bài tập 2. Dựa vào nội dung 2 câu kể dưới đây để viết 2 câu cảm.

- Giáo viên nêu nhiệm vụ.
- Học viên làm việc cá nhân: viết các câu vào vở.
- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác nhận xét.
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).

Đáp án, VD:

- *Kiến lao động chăm chỉ quá!*
- *Khu vườn nhà bé Liên thật là tuyệt vời!*

c) Bài tập 3. Đặt 2 câu cảm thể hiện cảm xúc của bạn sau khi làm được một việc có ích cho cộng đồng.

(Tổ chức như với bài tập 2).

TIẾT 4

4. Chính tả

a) Nghe – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc 2 khổ đầu của bài thơ *Thơ tình người lính biển*.
- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày các dòng thơ, khổ thơ.
- Học viên nghe GV đọc từng dòng thơ và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.

- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.

b) Làm bài tập

- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập (2 hoặc 3).
- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án:

- Bài tập 2: rau cần tây, bàn tay, bầy cừu, trưng bày, đám mây, may áo, xây tường, máy xay.
- Bài tập 3: con hươu, khiêu vũ, cây liễu, con khướu, cái chiếu, bệnh bướu cổ, li rượu vang, con ốc bươu.

TIẾT 5

5. Viết đoạn, bài: Viết đoạn văn thuật lại sự việc

a) Dựa vào hướng dẫn trong tiết Luyện viết ở bài 10, viết đoạn văn theo yêu cầu

- Học viên đọc đề bài và các gợi ý.
- Giáo viên nêu yêu cầu: dựa vào hướng dẫn trong tiết Luyện viết ở bài 10, viết đoạn văn theo yêu cầu.
- Học viên viết đoạn văn vào vở.
- Học viên đổi bài cho nhau để góp ý.
- Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến.
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).

b) Chỉnh sửa bài viết theo góp ý

- Học viên sửa lại bài (sửa lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp; viết lại cho hay).
- Giáo viên có thể góp ý cho một số bài (nếu có thời gian).

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 11.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
 - + Viết bản tin giới thiệu một hoạt động vì cộng đồng.
 - + Chuẩn bị Bài 12.

Bài 12

NHỮNG BẠC ĐÁ CHẠM MÂY (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng, rõ ràng các tiếng, từ, câu trong câu chuyện *Những bậc đá chạm mây*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nội dung và ý nghĩa câu chuyện: ca ngợi tấm gương vì cộng đồng của cố Đường; giải thích sự ra đời của Trùng Ghép.

2. Nói và nghe: Kể được câu chuyện *Những bậc đá chạm mây*.

3. Viết:

- Viết chữ hoa I, K và câu ứng dụng có chữ hoa.
- Viết được 2 – 3 câu nêu ý kiến về trách nhiệm của mỗi công dân trong việc duy trì an toàn giao thông.

4. Vận dụng: Lập được kế hoạch vận động người dân địa phương tham gia giữ gìn an toàn giao thông; thực hiện kế hoạch đã lập.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa/phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa I, K.
- Bảng phụ viết sẵn các câu hỏi gợi ý cho hoạt động luyện nói và nghe.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên nói về việc đi lại của địa phương:

- Đường đi có gì thuận lợi (hoặc khó khăn)?
- Mọi người chấp hành luật giao thông đường bộ như thế nào?
- Bạn mong muốn đường đi và việc đi lại ở địa phương thay đổi như thế nào?

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu dài. VD: *Thấy lên núi phải đi đường vòng, ông bàn với mọi người/ghép đá thành bậc thang vượt dốc/để có được con đường ngắn như mong muốn.//Ai nấy/đều lác đầu/bảo việc ấy khó lắm,/không làm được.*
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
- Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1) Người dân xóm chài gặp phải những khó khăn gì? (Một trận bão cuốn đi tất cả thuyền bè; dân xóm chài hết đường sinh sống, đành lên núi kiếm củi đem ra chợ bán nhưng sườn núi phía họ ở dựng đứng, bà con phải đi đường vòng rất xa).

(2) Cố Đương đã làm gì để giúp bà con trong xóm? (Ông bàn với mọi người ghép đá thành bậc thang vượt dốc để có được con đường ngắn như mong muốn. Ai nấy đều lắc đầu bảo việc ấy khó lắm, không làm được. Ông liền làm đường một mình.)

(3) Tìm những chi tiết nào nói lên quyết tâm và lòng kiên trì của cố Đương. (Mọi người không hưởng ứng, ông liền làm một mình. Công việc nặng nhọc không khiến ông sờn lòng. Ông và mọi người làm đường suốt 5 năm, cho tới khi con đường hoàn thành, người dân có thể dễ dàng lên xuống núi.)

(4) Theo bạn, chúng ta có thể học được gì từ cố Đương? (HV nói theo suy nghĩ cá nhân, VD: Học ở ông tấm lòng vì cộng đồng, sự kiên trì,...).

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Dựa vào nội dung câu chuyện, nói: 1 câu ca ngợi con đường lên núi của cố Đương; 1 câu bày tỏ sự thán phục cố Đương.

+ Giáo viên nêu yêu cầu.

+ Học viên nói các câu (trao đổi cặp đôi).

- Bài tập 2. Viết lại các câu đã nói ở bài tập 1.

+ Giáo viên nêu yêu cầu.

+ Học viên làm việc cá nhân: viết câu vào vở.

+ Một số HV báo cáo kết quả.

+ Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu (nếu cần).

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Kể chuyện Những bậc đá chạm mây

- Giáo viên nêu yêu cầu: Kể lại câu chuyện *Những bậc đá chạm mây*.

- Học viên làm việc nhóm: dựa vào tranh và gợi ý, từng thành viên kể chuyện.

- Một số HV kể chuyện trước lớp; cả lớp góp ý, bổ sung.

- Giáo viên nhận xét.

b) Trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện

- Giáo viên giao nhiệm vụ.

- Học viên dựa vào gợi ý, nói suy nghĩ của mình (nói trong cặp/nhóm và nói trước lớp).

- Giáo viên nhận xét, bổ sung thông tin; nhận xét tiết học.

TIẾT 4

4. Tập viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa I, K và câu ứng dụng (Khi đối chung một dạ; Khi rét chung một lòng).

- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa I, K; hướng dẫn cách viết.

- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa I, K. Chú ý điểm giống nhau, khác nhau giữa I và K.

- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết chữ hoa I, K theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng (*Khi đối chung một dạ; Khi rét chung một lòng*), nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.

- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Đọc và viết

a) Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

- Học viên đọc yêu cầu của bài tập và các câu tục ngữ.

- Học viên đọc thầm bài *An toàn giao thông là trách nhiệm của mọi người, mọi nhà* và các câu hỏi.

- Học viên trao đổi theo cặp.

- Một số HV trình bày trước lớp; HV khác bổ sung.

- Giáo viên nhận xét, chốt đáp án đúng:

• Vì sao tai nạn giao thông trở thành mối quan tâm, lo lắng của toàn xã hội? (Vì mỗi năm, tai nạn giao thông đã làm nhiều người thiệt mạng hoặc bị thương, gây đau thương, mất mát cho nhiều gia đình, gây thiệt hại to lớn cho xã hội).

• Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến mất an toàn giao thông là gì? Theo bạn, còn có những nguyên nhân nào khác? (Nguyên nhân quan trọng nhất: người tham gia giao thông chưa tự giác chấp hành quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông – HV kể thêm một số nguyên nhân).

• Mỗi công dân cần làm gì để đảm bảo trật tự, an toàn giao thông? (HV dựa theo các ý được liệt kê trong bài để trả lời câu hỏi; cũng có thể kể thêm những việc khác, theo suy nghĩ cá nhân).

b) Viết 2 – 3 câu nêu ý kiến về trách nhiệm của mỗi công dân trong việc duy trì an toàn giao thông

- Giáo viên giao nhiệm vụ.
- Học viên viết các câu vào vở.
- Một số HV báo cáo trước lớp
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).
- Học viên sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 12.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
 - + Lập kế hoạch vận động người dân địa phương tham gia giữ gìn an toàn giao thông.
 - + Chuẩn bị Bài 13.

Chủ điểm: GIA ĐÌNH VÀ DÒNG HỌ

Bài 13

ĐẠO LÀM CON (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và rõ ràng các câu ca dao, ngắt nhịp đúng giữa các dòng thơ lục bát. Hiểu tình cảm của cha mẹ đối với con cái và đạo làm con đối với cha mẹ; có ý thức yêu thương, kính trọng cha mẹ.

2. Luyện tập về từ và câu: Tìm được câu kể, câu hỏi, câu khiến trong đoạn văn; đặt được câu kể (hoặc câu hỏi, câu cảm, câu khiến).

3. Viết

- Viết đúng chính tả 3 câu ca dao đầu bài *Đạo làm con* theo hình thức nghe – viết; viết đúng từ ngữ chứa tiếng có vần *iu/ưu* hoặc tiếng có vần *ong/ông*.

- Viết 2 - 3 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc với người thân theo gợi ý.

4. Vận dụng: Viết được một số câu ca dao về đạo làm con vào sổ tay.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ viết sẵn bài tập chính tả; một số thẻ *iu, ưu* hoặc *ong/ông* để HV gắn vào chỗ trống trong đoạn thơ (nếu có).

- Phiếu bài tập để làm bài tập 2 (Luyện từ và câu) (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Nói về công ơn của cha mẹ đối với con cái.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài đọc nói về công ơn của cha mẹ và đạo làm con đối với cha mẹ.
- Giáo viên đọc toàn bài trước lớp. 2 HV đọc nối tiếp các khổ thơ.
- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp các khổ thơ theo cặp.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
 - Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
 - Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.
- (1). Trong các câu ca dao trên, câu nào nói về công ơn cha mẹ? (Câu 1, 2, 4).
- (2). Tìm hai hình ảnh so sánh trong câu ca dao 1 và cho biết hình ảnh so sánh đó nói lên điều gì? (Hai hình ảnh so sánh trong câu ca dao 1 đó là: công cha - núi Thái Sơn; nghĩa mẹ - nước trong nguồn. Những hình ảnh so sánh đó nói lên công ơn to lớn, cao như núi, vô tận như nước trong nguồn không bao giờ cạn của cha mẹ đối với con cái).

(3). Tác giả muốn nói điều gì qua câu ca dao:

Cá không ăn muối cá ươn

Con cãi cha mẹ trăm đường con hư.

(Con cái phải lễ phép, kính trọng và vâng lời cha mẹ mới trọn đạo làm con).

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc.

- Bài tập 1. Tìm từ ngữ chỉ những người họ hàng trong gia đình.
- + Giáo viên nêu yêu cầu và ví dụ mẫu.
- + Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm, ghi từ tìm được vào vở.
- + Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả (bác, cô, chú, dì, thím, cậu, mợ,...)
- Bài tập 2. Đặt câu giới thiệu một người họ hàng trong gia đình anh/chị.

- + Học viên làm việc cá nhân: đặt câu theo yêu cầu.
- + Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã đặt, cả nhóm nhận xét, góp ý.
- + Một vài HV đọc câu trước lớp.

TIẾT 3

3. Luyện từ và câu: Câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến

a) Bài tập 1. Tìm câu kể, câu hỏi, câu khiến trong đoạn văn.

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập hoặc 1 HV đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.
- Học viên làm việc theo nhóm: Đọc kĩ đoạn văn để tìm câu kể, câu hỏi, câu khiến trong đoạn văn.
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

+ Câu kể: Một bà mẹ có con bị Thần Chết bắt đi./Nhờ Thần Đêm Tối chỉ đường, bà vượt qua bao nhiêu khó khăn, hi sinh cả đôi mắt của mình để giành lại đứa con đã mất./Vì tôi là mẹ.

+ Câu hỏi: Làm sao người có thể tìm đến tận nơi đây?

+ Câu khiến: Hãy trả con cho tôi!

b) Bài tập 2. Nói câu với kiểu câu thích hợp.

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 2.
- Học viên làm việc cá nhân (hoặc cặp) vào phiếu học tập (nếu có.)
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Câu kể - Người mẹ có thể hi sinh tất cả vì con.

Câu hỏi – Người mẹ đã làm những gì để tìm con của mình?

Câu cảm – Tình cảm mẹ con thật cảm động!

Câu khiến - Hãy cho tôi đôi mắt của bà!

c) Bài tập 3. Lựa chọn 1 trong những yêu cầu để đặt câu.

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 3.
- Học viên làm việc cá nhân: đặt câu theo yêu cầu.
- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã đặt, cả nhóm nhận xét, góp ý.
- Một vài HV đọc câu đã đặt trước lớp.
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV chữa bài (nếu cần).
- Giáo viên nhận xét tiết học.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc 3 câu ca dao đầu bài *Đạo làm con*.
- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày các câu ca dao.
- Học viên nghe GV đọc từng dòng thơ và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.

b) Làm bài tập

- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập (2 hoặc 3).
- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đổi chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án:

- Bài tập 2.

mưu trí, khăng khiu, hoa lựu, tít tít.

- Bài tập 3.

Lòng chảo mà chẳng nấu, kho

Lại có đàn bò gặm cỏ ở trong

Chảo gì mà rộng mênh mông

Giữa hai sườn núi, cánh đồng cò bay?

(Giải đố: thung lũng)

TIẾT 5

5. Luyện tập viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một người thân

a) Nói về tình cảm, cảm xúc của anh/chị với một người thân trong gia đình

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập.
- Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: nói về tình cảm, cảm xúc của anh/chị với một người thân trong gia đình dựa vào câu hỏi gợi ý.
- Một vài HV trình bày trước lớp.

b) Viết 2 - 3 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc của anh/chị với người thân

- Học viên làm việc cá nhân: viết 2 - 3 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc của anh/chị với người thân theo gợi ý ở bài tập 1. Viết xong, tự đọc soát và chỉnh sửa.
- Học viên làm việc nhóm, từng thành viên đọc các câu mình đã viết; cả nhóm góp ý.
- Giáo viên mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 13.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà: Viết vào sổ tay một số câu ca dao về đạo làm con mà anh/chị thích.
- + Chuẩn bị Bài 14.

Bài 14

CÂU CHUYỆN CỦA KIẾN ANH (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và rõ ràng bài đọc, ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nội dung bài: Kiến anh gặp chuyện không may mới hiểu ra mọi người trong gia đình luôn yêu thương, lo lắng cho mình; Kiến anh thấy mình cần yêu thương các em và không nên so bì, tị nạnh với các em của mình.

2. Luyện tập về từ và câu: Bước đầu làm quen với biện pháp so sánh (tìm được những sự vật được so sánh với nhau trong các câu thơ, câu văn; ghi lại được các từ so sánh trong các câu thơ, câu văn...).

3. Viết

- Viết đúng chữ hoa L và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc với người thân trong gia đình.

4. Vận dụng: Viết được một vài suy nghĩ về tình cảm gia đình.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa/phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa L.
- Phiếu bài tập để làm bài tập 1 (Luyện từ và câu) (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Chia sẻ về tình cảm của anh (hoặc chị, em) trong gia đình.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài đọc nói về cuộc sống và tình cảm của anh em nhà kiến.
- Giáo viên đọc toàn bài trước lớp. 2 HV đọc nối tiếp bài đọc.

- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp bài đọc theo cặp.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
- Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1). Kiến anh có nhiệm vụ gì? (Kiến anh có nhiệm vụ đi kiếm mồi).

(2). Vì sao Kiến Vồng cho rằng Kiến anh phải được ưu tiên ăn phần nhiều, phần ngon nhất nhà? (Vì Kiến Vồng cho rằng Kiến anh làm việc nhiều nhất nhà)

(3). Sau đó, việc gì đã xảy ra với Kiến anh? (Sau đó, việc xảy ra với Kiến anh là: Một cành cây rơi trúng đầu khiến Kiến anh ngất đi, tỉnh dậy Kiến anh thấy cả gia đình đang lo lắng cho mình).

(4). Cuối cùng, Kiến anh đã hiểu ra điều gì? (Gia đình luôn yêu thương, lo lắng cho Kiến anh, Kiến anh thấy mình cần yêu thương các em, không nên so bì, tị nạnh với các em của mình).

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc.

- Bài tập 1. Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh các câu ca dao, tục ngữ.

- + HV đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: đọc từng câu ca dao, tục ngữ và chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh các câu ca dao, tục ngữ.
- + Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

a) Đi đâu mặc kệ đi đâu
Đến ngày giỗ Tết phải mau mà về.

b) Mong một thì Tết mẹ cha
Mong hai Tết chú, mong ba Tết thầy.

c) Cu kêu ba tiếng cu kêu
Trông mau tới Tết, dựng nêu ăn chè.

Dựng nêu thì dựng đầu hè
Để sân gieo cải, vãi mè mà ăn.

- Bài tập 2. Nêu cách hiểu về một trong các câu ca dao, tục ngữ trên.

- + Giáo viên nêu yêu cầu.
- + Học viên làm việc cá nhân (hoặc cặp): chọn một câu ca dao, tục ngữ và nêu cách hiểu của mình về câu ca dao, tục ngữ đó.
- + Học viên chia sẻ trước lớp. GV và cả lớp nhận xét.

TIẾT 3

3. Luyện tập: Biện pháp so sánh

a) Bài tập 1. Tìm những sự vật được so sánh với nhau trong các câu thơ, câu văn.

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập và ví dụ mẫu.
- Học viên làm việc theo nhóm vào phiếu bài tập (nếu có): Đọc kĩ các câu thơ, câu văn để tìm những sự vật được so sánh với nhau trong các câu thơ, câu văn.
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

- a) Cánh diều được so sánh với dấu “á”
- b) Dấu hỏi được so sánh vành tai nhỏ.
- c) Mặt biển được so sánh tấm thảm khổng lồ bằng ngọc thạch.
- d) Quả sim được so sánh với con trâu mộng tí hon.

b) Bài tập 2. Ghi lại các từ so sánh trong những câu thơ, câu văn ở bài tập 1.

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 2 và ví dụ mẫu.
- Học viên làm việc cá nhân (hoặc cặp).
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

- a) như
- b) như
- c) như
- d) giống hệt

c) Bài tập 3. Chọn một hình ảnh so sánh yêu thích và nêu lí do thích hình ảnh so sánh đó.

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 3.
- Học viên làm việc cá nhân.
- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên nêu hình ảnh so sánh yêu thích và nêu lí do thích hình ảnh so sánh đó.
- Một vài HV phát biểu trước lớp (VD: Em thích hình ảnh “Mặt biển sáng trong như một tấm thảm khổng lồ bằng ngọc thạch.” Vì cảnh biển đẹp và êm như một tấm thảm khổng lồ).
- Giáo viên nhận xét tiết học.

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa L và câu ứng dụng (*Lời nói chẳng mất tiền mua/Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau*).
- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa L và nhắc lại cách viết.
- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa E, Ê.

- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng:
Lời nói chẳng mất tiền mua
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.
- Giáo viên nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Luyện tập viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về con người

- Giáo viên nêu yêu cầu của tiết học:

Yêu cầu: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của anh/chị với một người thân trong gia đình.

- Học viên làm việc cá nhân viết đoạn văn theo yêu cầu đã chọn.
- Học viên làm việc nhóm, từng thành viên đọc các câu mình đã viết; cả nhóm góp ý.
- Giáo viên mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 14.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà: Viết một vài suy nghĩ của anh/chị về tình cảm gia đình.
- + Chuẩn bị Bài 15.

Bài 15 BÀ CHÁU (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

- 1. Đọc:** Đọc đúng và rõ ràng bài đọc, ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nội dung ý nghĩa của câu chuyện: Ca ngợi tình cảm bà cháu quý giá hơn vàng bạc, châu báu.
- 2. Nói và nghe:** Kể lại được câu chuyện *Bà cháu*.
- 3. Viết:** Viết đúng chính tả bài *Cây xoài của ông em* theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng *l/n* hoặc *ac/at*.
- 4. Vận dụng:** Tự đọc hiểu bài thơ *Mẹ vắng nhà ngày bão* và viết được 2 – 3 câu về tình cảm gia đình thể hiện trong bài thơ.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh để hướng dẫn HV kể chuyện (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Quan sát tranh và nói về tình cảm của bà cháu thể hiện trong tranh.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Câu chuyện bà cháu nói về tình yêu bà rất cảm động của hai bạn nhỏ.
- Giáo viên đọc toàn bài trước lớp. 2 HV đọc nối tiếp bài đọc.
- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp bài đọc theo cặp.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
 - Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
 - Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.
- (1). Ba bà cháu có cuộc sống như thế nào trước khi gặp cô tiên? (VD: Trước khi gặp cô tiên, ba bà cháu rau cháo nuôi nhau, nhưng cuộc sống lúc nào cũng ấm áp tình thương./Trước khi gặp cô tiên, ba bà cháu sống nghèo khổ nhưng cảnh nhà lúc nào cũng đầm ấm./...)
- (2). Cô tiên nói gì với hai anh em? (Cô tiên cho hạt đào và nói: Khi bà mất, gieo hạt đào lên mộ bà, hai anh em sẽ được giàu sang, sung sướng)
- (3). Sau khi bà mất, hai anh em sống ra sao? (Hai anh em trở nên giàu có).
- (4). Vì sao hai anh em đã trở nên giàu có mà không cảm thấy vui sướng? (VD; Vì hai anh em thương nhớ bà./Vì vàng bạc châu báu không thay được tình thương ấm áp của bà./...)

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm những từ ngữ chỉ gộp những người trong gia đình.
- + Giáo viên nêu yêu cầu và ví dụ mẫu.
- + Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Tìm những từ ngữ chỉ gộp những người trong gia đình.
- + Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả (ông bà, cô chú, bố mẹ, cha mẹ, chú bác, chú dì, chú cô, cậu mợ, bác cháu...).
- Bài tập 2. Xếp các thành ngữ, tục ngữ sau vào nhóm thích hợp.
- + Giáo viên nêu yêu cầu.
- + Học viên thảo luận theo cặp.

+ Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến bổ sung; GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

Nhóm 1: Con cháu đối với ông bà, cha mẹ

a) Con hiền cháu thảo.

b) Con cái khôn ngoan, vẻ vang cha mẹ.

Nhóm 2: Anh chị em đối với nhau

c) Anh thuận em hòa là nhà có phúc.

d) Cắt dây bầu dây bí, ai cắt dây chị dây em.

e) Chị ngã em nâng.

g) Anh em như thể chân tay

Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Kể chuyện Bà cháu

- Giáo viên nêu yêu cầu: kể lại câu chuyện *Bà cháu*.
- Học viên làm việc cá nhân: dựa vào tranh, tập kể lại câu chuyện.
- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên kể chuyện, cả nhóm góp ý.
- Học viên kể chuyện trước lớp, cả lớp góp ý, nhận xét:
- + Về nội dung.
- + Về cách diễn đạt.
- + Về cử chỉ, điệu bộ...

b) Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện

- Giáo viên nêu yêu cầu.
- Học viên trình bày cách hiểu của mình.
- Giáo viên giảng giải thêm về ý nghĩa câu chuyện.
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Viết chính tả.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc bài *Cây xoài của ông em*.
- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày đoạn văn.
- Học viên nghe GV đọc từng câu và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.

b) Làm bài tập

- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập (2 hoặc 3).
- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án:

- Bài tập 2.

a) liềm

b) lành

c) nổi

- Bài tập 3.

Quen gọi là hạt

Chẳng nở thành cây

Nhà cao nhà đẹp

Dùng tôi để xây.

(Giải đố: cát)

TIẾT 5

5. Đọc và viết

a) Đọc bài thơ và trả lời câu hỏi

- Học viên đọc yêu cầu của bài tập.
- Học viên làm bài cá nhân: Đọc thầm bài thơ *Mẹ vắng nhà ngày bão*; đọc từ ngữ và các câu hỏi.
- Học viên trao đổi theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trình bày trước lớp; HV khác bổ sung.
- Giáo viên nhận xét, chốt đáp án đúng.

a. Ngày bão vắng mẹ, ba bố con vất vả như thế nào? (Ngày bão mẹ vắng nhà, ba bố con đều vất vả. Nhà dột, ba bố con phải nằm chung. Củi mùn để nấu cơm thì bị ướt nên khi đun nấu khói làm mất đồ hoe. Ba bố con phải đảm nhiệm mọi việc: chị hái lá nuôi thỏ, em chăn đàn vịt, bố đi chợ mua cá về nấu canh chua.

b. Tìm những câu thơ cho thấy cả nhà luôn nghĩ đến nhau.

- Ba bố con luôn nghĩ đến mẹ:

Ba bố con nằm chung

Vẫn thấy trống phía trong

Nằm ấm mà thao thức.

Nghĩ giờ này ở quê

Mẹ cũng không ngủ được

- Mẹ thì thương ba bố con phải lo nấu nướng:

Thương bố con vụng về

Củi mùn thì lại ướt.

b) Viết lời yêu thương (hoặc điều anh/chị muốn nói) gửi cho gia đình của mình

- Giáo viên giao nhiệm vụ.
- Học viên viết các câu vào vở hoặc viết vào mảnh giấy nhỏ.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 15.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà: Gửi lời yêu thương (hoặc điều anh/chị muốn nói) cho gia đình của mình.
- Chuẩn bị cho Bài 16.

Chủ điểm: TÌNH LÀNG NGHĨA XÓM

Bài 16

TIẾNG RU (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và rõ ràng các câu ca dao, ngắt nhịp đúng giữa các dòng thơ lục bát. Hiểu điều bài thơ muốn nói: Con người sống giữa cộng đồng phải yêu thương anh em, bạn bè, đồng chí.

2. Luyện tập về từ và câu: Tìm được hình ảnh so sánh trong các câu thơ; viết được câu có hình ảnh so sánh dựa vào tranh vẽ.

3. Viết

- Viết đúng chữ hoa M, N và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc với một người hàng xóm hoặc người bạn.

4. Vận dụng: Viết được một câu tục ngữ về tình làng nghĩa xóm vào sổ tay.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh hỗ trợ bài tập 3 – Luyện từ và câu (nếu có).
- Mẫu chữ viết hoa/phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa M, N.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Chia sẻ về tình cảm giữa những người hàng xóm với nhau.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài đọc nói về mối quan hệ giữa mọi người với nhau trong cộng đồng.

- Giáo viên đọc toàn bài trước lớp. 3 HV đọc nối tiếp các khổ thơ.
- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp các khổ thơ theo cặp.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
 - Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
 - Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.
- (1). Con ong, con cá, con chim yêu những gì? Vì sao?
- Con ong yêu hoa, vì hoa có mật ngọt giúp ong làm mật.
 - Con cá yêu nước vì có nước cá mới bơi lội được, mới sống được. Không có nước cá sẽ chết.
 - Con chim yêu bầu trời vì có bầu trời cao rộng, chim mới thả sức tung cánh hát ca, bay lượn.

(2). Nêu cách hiểu của anh/chị về hai câu thơ:

Một người - đâu phải nhân gian?

Sống chẳng, một đốm lửa tàn mà thôi!

(VD: Một người không phải là cả loài người/Sống một mình cũng như một đốm lửa đang tàn lụi.

Nhiều người mới làm nên nhân loại/Sống cô đơn một mình, con người giống một đốm lửa nhỏ không tỏa sáng, cháy lan ra được, sẽ tàn,...).

(3). Vì sao núi không nên chề đất thấp, biển không nên chề sông nhỏ? (Núi không chề đất thấp vì núi nhờ có đất bồi mà cao. Biển không chề sông nhỏ vì biển nhờ có nước của muôn dòng sông mà đầy).

(4). Câu lục bát nào nói lên ý chính của bài thơ? (Con người muốn sống, con người / Phải yêu đồng chí, yêu người anh em).

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh các câu ca dao, thành ngữ, tục ngữ.

+ Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: đọc từng câu ca dao, thành ngữ, tục ngữ và chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh các câu ca dao, thành ngữ, tục ngữ.

+ Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

- Bán anh em xa mua láng giềng **gần**.
- Cơm ăn không hết thì treo.
- Việc làm chẳng hết thì kêu **láng giềng**.
- Hàng xóm **tối lửa** tắt đèn có nhau.
- Nước **xa** thì không cứu được lửa gần.

- Bài tập 2. Nêu cách hiểu về một trong các câu ca dao, tục ngữ trên.
- + Giáo viên nêu yêu cầu.
- + Học viên làm việc cá nhân (hoặc cặp): chọn một câu ca dao, thành ngữ, tục ngữ và nêu cách hiểu của mình về câu ca dao, thành ngữ, tục ngữ đó.
- + Học viên chia sẻ trước lớp. GV và cả lớp nhận xét.
- + Một vài HV đọc câu trước lớp.

TIẾT 3

3. Luyện tập: Luyện tập về so sánh

a) Bài tập 1. Tìm hình ảnh so sánh trong các khổ thơ.

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập hoặc 1 HV đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.
- Học viên làm việc theo nhóm: Đọc kĩ từng khổ thơ, tìm hình ảnh so sánh trong các khổ thơ.
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

- b) Hoa xao xuyến nở/Như mây từng chùm.
- c) Ông là buổi trời chiều./Cháu là ngày rạng sáng.
- a) Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

b) Bài tập 2. Tìm những từ ngữ thích hợp để hoàn chỉnh câu có hình ảnh so sánh.

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 2.
 - Học viên làm việc cá nhân (hoặc cặp) vào phiếu học tập (nếu có).
 - Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.
- Ví dụ: a) Nhìn từ xa, ánh điện trong thành phố lấp lánh như **sao xa**.

b) Công cha nghĩa mẹ được so sánh như núi Thái Sơn, như nước trong nguồn chảy ra

c) Bài tập 3. Quan sát từng cặp sự vật được vẽ trong tranh rồi viết câu có hình ảnh so sánh.

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 3.
- Học viên làm việc cá nhân: viết câu theo yêu cầu.

- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã đặt, cả nhóm nhận xét, góp ý.

- Một vài HV đọc câu trước lớp.

Ví dụ:

- a) Trăng tròn như quả bóng.

- b) Hai bàn tay em như hoa đầu cành.

- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV chữa bài (nếu cần).

- Giáo viên nhận xét tiết học.

TIẾT 4

4. Viết

a) *Viết chữ hoa*

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa M, N và câu ứng dụng (*Một cây làm chẳng lên non/Ba cây chụm lại nên hòn núi cao*).

- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa M, N; hướng dẫn cách viết.

- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa M, N. Chú ý điểm giống nhau, khác nhau giữa M và N.

- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết chữ hoa M, N theo yêu cầu.

b) *Viết ứng dụng*

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng *Một cây làm chẳng lên non/Ba cây chụm lại nên hòn núi cao*), nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.

- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Luyện tập viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về con người

- Giáo viên nêu yêu cầu của tiết học:

Yêu cầu: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của anh/chị với một người hàng xóm hoặc người bạn mà anh chị quý mến.

- Học viên làm việc cá nhân viết đoạn văn theo yêu cầu đã chọn.

- Học viên làm việc nhóm, từng thành viên đọc các câu mình đã viết; cả nhóm góp ý.

- Giáo viên mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

IV. Củng cố, dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 16

- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà: Viết vào sổ tay một câu tục ngữ về tình làng nghĩa xóm.

- Chuẩn bị Bài 17.

Bài 17

NGƯỜI LÀM ĐỒ CHƠI (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và rõ ràng bài đọc, ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài: Nói về sự thông cảm đáng quý và cách an ủi rất tế nhị của một bạn nhỏ với bác hàng xóm làm nghề nặn đồ chơi vốn rất yêu nghề nghiệp, yêu trẻ nhỏ.

2. Luyện tập về từ và câu: Tìm được những từ có nghĩa trái ngược nhau trong đoạn văn; tìm được từ có nghĩa trái ngược với từ cho sẵn; đặt được câu với một cặp từ trái nghĩa.

3. Viết

- Viết đúng chính tả một đoạn trong bài *Người làm đồ chơi* theo hình thức nghe – viết; viết đúng từ ngữ chứa tiếng có vần s/x hoặc tiếng có vần ươn/ương.

- Viết được một thông báo đơn giản.

4. Vận dụng: Viết được một vài suy nghĩ về việc giữ gìn mối quan hệ giữa những người hàng xóm với nhau.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phiếu học tập cho bài tập 1, 2 – Luyện từ và câu (nếu có).
- Máy tính, máy chiếu để trình chiếu *Về lịch tựu trường năm học 2022 - 2023* (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Chia sẻ về tình cảm của anh (hoặc chị, em) trong gia đình.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài đọc nói về cuộc sống và tình cảm của anh em nhà kiến.

- Giáo viên đọc toàn bài trước lớp. 2 HV đọc nối tiếp bài đọc.

- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp bài đọc theo cặp.

- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
- Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1). Bác Nhân làm nghề gì? (Bác Nhân là người nặn đồ chơi bằng bột màu, bán rong trên các vỉa hè thành phố).

(2). Những chi tiết nào cho thấy các bạn nhỏ rất thích đồ chơi của bác Nhân? (Các bạn xúm đông lại ở những chỗ dựng cái sào nứa cắm đồ chơi của bác. Các bạn tới ngắm đồ chơi, tò mò xem hai bàn tay bác khéo léo tạo nên những con giống rục rờ sắc màu).

(3). Vì sao bác Nhân muốn về quê? (Vì đồ chơi mới bằng nhựa xuất hiện, chẳng mấy ai mua đồ chơi của bác nữa).

(4). Anh/chị có suy nghĩ gì về việc làm của em nhỏ trong truyện? (VD: Bạn nhỏ có tấm lòng nhân hậu./Bạn nhỏ biết quý trọng người lao động./...).

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh các câu ca dao, tục ngữ.

+ Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: đọc từng câu ca dao, tục ngữ và chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh các câu ca dao, tục ngữ.

+ Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

- a) Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ.
b) Thương người như thể thương thân.
c) Nhiễu điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng.
d) Khôn ngoan đối đáp người ngoài
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.

- Bài tập 2. Nêu cách hiểu về nội dung các câu ca dao, tục ngữ ở bài tập 1.

+ Giáo viên nêu yêu cầu.

+ Học viên làm việc cá nhân (hoặc cặp): nêu cách hiểu của mình về các câu ca dao, tục ngữ đó.

+ Học viên chia sẻ trước lớp. GV và cả lớp nhận xét.

TIẾT 3

3. Luyện tập: Từ có nghĩa trái ngược nhau

a) Bài tập 1. Tìm trong đoạn văn những từ có nghĩa trái ngược nhau.

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập.
- Học viên làm việc theo nhóm: Đọc kĩ đoạn văn để tìm trong đoạn văn những từ có nghĩa trái ngược nhau.
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả (buồn – vui; khóc – cười).

b) Bài tập 2. Tìm từ có nghĩa trái ngược với mỗi từ cho sẵn.

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 2.
- Học viên làm việc cá nhân (hoặc cặp) vào phiếu học tập (nếu có).
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

a) cao - thấp

b) nhanh - chậm

c) khỏe - yếu

d) trắng - đen

e) gần - xa

g) tốt – xấu

c) Bài tập 3. Chọn một cặp từ trái nghĩa vừa tìm được ở bài tập 2, đặt câu với mỗi từ trong cặp từ trái nghĩa đó.

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 3.
- Học viên làm việc cá nhân: đặt câu theo yêu cầu.
- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã đặt, cả nhóm nhận xét, góp ý.
- Một vài HV đọc câu trước lớp.
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV chữa bài (nếu cần).
- Giáo viên nhận xét tiết học.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc đoạn văn sẽ viết.
- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày đoạn văn.
- Học viên nghe GV đọc từng câu và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.

b) Làm bài tập

- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 2 (a hoặc b).
- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.

+ Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.

+ Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án:

a) - (Nước chảy) xiết.

- siêng năng

b) - nướng.

- mướn.

TIẾT 5

5. Viết đoạn, bài: Viết thông báo

a) Trao đổi về bản tin

- Học viên đọc yêu cầu của bài tập.

- Giáo viên hướng dẫn HV đọc thông báo; trao đổi về nội dung thông báo.

- Học viên nói trong nhóm: trao đổi theo gợi ý.

a. Thông báo trên của ai viết cho ai? (Nhà trường gửi cho tất cả học sinh trong trường).

b. Người viết muốn thông báo nội dung gì? (Nội dung thông báo: lịch tựu trường năm học 2022 - 2023).

c. Người viết đề nghị điều gì? (Đề nghị học sinh đến trường đầy đủ, đúng giờ)

- Một số HV trình bày trước lớp; GV nhận xét.

b) Viết thông báo cho các bạn học sinh lớp anh/chị về lễ ra mắt của Câu lạc bộ đọc sách

- Giáo viên giao nhiệm vụ.

- Học viên trả lời câu hỏi gợi ý (thực hiện nhanh)

- Học viên dựa vào gợi ý, viết thông báo vào vở.

- Một số HV báo cáo trước lớp

- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).

- Học viên sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 17.

- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà: Viết một vài suy nghĩ của anh/chị về việc giữ gìn mối quan hệ giữa những người hàng xóm với nhau.

+ Chuẩn bị Bài 18.

Bài 18

BA ĐIỀU ƯỚC (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và rõ ràng bài đọc, ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu ý nghĩa của câu chuyện: Con người chỉ thực sự sung sướng khi làm điều có ích, được mọi người quý trọng.

2. Nói và nghe: Kể lại được câu chuyện *Ba điều ước*.

3. Viết: Viết đúng chữ hoa O, Ô, Ơ và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.

4. Vận dụng: Tự đọc hiểu câu chuyện *Lừa và ngựa* và viết được 2 – 3 câu về ý nghĩa câu chuyện.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa/phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa O, Ô, Ơ.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Trả lời câu hỏi “Nếu có 3 điều ước, bạn sẽ ước những gì?”

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Câu chuyện nói về chàng thợ rèn và ba điều ước của chàng thợ rèn.

- Giáo viên đọc toàn bài trước lớp. 2 HV đọc nối tiếp bài đọc.

- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp bài đọc theo cặp.

- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.

- Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.

- Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1). Chàng thợ rèn ước những gì? (Ba điều ước của chàng thợ rèn: ước được làm vua, ước có thật nhiều tiền, ước bay được như mây để đi đây đi đó, ngắm cảnh trên trời dưới biển).

(2). Vì sao ba điều ước không mang lại niềm vui cho chàng thợ rèn? (VD: Rít chán vì làm vua ăn không ngồi rồi./ Rít chán cả tiền vì nhiều tiền của thì luôn bị bọn trộm cướp rình rập và đe dọa./ Rít chán cả thú vui bay lên trời vì ngắm đẹp cảnh mãi cũng hết hứng thú./...).

(3). Cuối cùng, chàng thợ rèn hiểu ra điều gì?

(4). Câu chuyện muốn nói với chúng ta điều gì? (Cuối cùng chàng hiểu làm việc có ích, sống giữa sự quý trọng của dân làng mới là điều đáng mơ ước).

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Nêu ý kiến về thái độ ứng xử trong cộng đồng trong mỗi thành ngữ, tục ngữ.

+ Giáo viên nêu yêu cầu.

+ HV đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Đọc các thành ngữ, tục ngữ. Nêu ý kiến tán thành hoặc không tán thành về thái độ ứng xử trong cộng đồng trong mỗi thành ngữ, tục ngữ và giải thích vì sao lại có quan điểm như vậy.

a. Chung lưng đấu cật (đoàn kết, góp sức cùng nhau làm việc).

b. Cháy nhà hàng xóm bình chân như vại (ích kỷ, thờ ơ, chỉ biết mình, không quan tâm đến người khác).

c. Ăn ở như bát nước đầy (sống có nghĩa có tình, thủy chung trước sau như một, sẵn lòng giúp đỡ mọi người).

+ Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

- Bài tập 2. Tìm thêm thành ngữ, tục ngữ nói về thái độ ứng xử trong cộng đồng.

+ Giáo viên nêu yêu cầu.

+ Học viên thảo luận theo cặp.

+ Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến bổ sung; GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Ví dụ:

- Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.
- Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.
- Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ.
- Đồng cam cộng khổ.

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Kể chuyện Ba điều ước

- Giáo viên nêu yêu cầu: kể lại câu chuyện *Ba điều ước*.
- Học viên làm việc cá nhân: dựa vào gợi ý, tập kể lại câu chuyện.
- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên kể chuyện, cả nhóm góp ý.
- Học viên kể chuyện trước lớp, cả lớp góp ý, nhận xét:
 - + Về nội dung.
 - + Về cách diễn đạt.
 - + Về cử chỉ, điệu bộ...

b) Nói về ba điều ước của bản thân

- Giáo viên nêu yêu cầu.
- Học viên nói về ba điều ước của bản thân.
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Tập viết.

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa O, Ô, Ơ và câu ứng dụng (*Ơn trời mưa nắng phải thì./Nơi thì bừa cày, nơi thì cày sâu*).
- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa O, Ô, Ơ; hướng dẫn cách viết.
- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa O, Ô, Ơ. Chú ý điểm giống nhau, khác nhau giữa O, Ô và Ơ.
- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết chữ hoa O, Ô, Ơ theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng (*Ơn trời mưa nắng phải thì./Nơi thì bừa cày, nơi thì cày sâu*), nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Đọc và viết

a) Đọc bài và trả lời câu hỏi

- Học viên đọc yêu cầu của bài tập.

- Học viên làm bài cá nhân: Đọc thầm bài *Lừa và ngựa*; đọc từ ngữ và các câu hỏi.
- Học viên trao đổi theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trình bày trước lớp; HV khác bổ sung.
- Giáo viên nhận xét, chốt đáp án đúng.

- a. Lừa khấn khoản xin ngựa điều gì? (Lừa khấn khoản xin ngựa chở giúp một ít đồ đạc).
- b. Vì sao ngựa không giúp lừa? (Ngựa không giúp lừa vì ngựa ích kỉ, chỉ nghĩ đến mình, không muốn vất vả chở thêm đồ đạc).

b) Viết 2 – 3 câu về ý nghĩa của câu chuyện

- Giáo viên giao nhiệm vụ.
- Học viên viết các câu vào vở.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 18.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà: Viết vào sổ tay một số câu thành ngữ, tục ngữ về cộng đồng mà anh/chị thích.
- Chuẩn bị cho Bài 19.

Bài 19

ÔN TẬP – TỰ ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ 3 (5 tiết)

1. Đọc

- Đọc đúng các đoạn văn miêu tả, câu chuyện, bài thơ... Biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu hay chỗ ngắt nhịp thơ. Biết đọc theo ngữ điệu phù hợp với vai được phân trong một đoạn đối thoại có hai hoặc ba nhân vật.
- Nhận biết được chi tiết và nội dung chính của văn bản. Tìm được ý chính của từng đoạn văn dựa trên các câu hỏi gợi ý.
- Hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản dựa vào gợi ý. Nhận biết được điệu bộ, hành động của nhân vật qua một số từ ngữ trong văn bản. Nhận biết các chi tiết về thời gian, địa điểm, trình tự các sự việc,... trong văn bản được đọc. Nêu được tình cảm và suy nghĩ về nhân vật, chi tiết, thông tin trong văn bản đã đọc.

2. Nói và nghe:

- Kể lại được câu chuyện đã đọc, đã nghe; biết trình bày, nêu ý kiến nhận xét hoặc trao đổi về một vấn đề phù hợp lứa tuổi.

3. Viết

- Viết đúng chữ thường và chữ hoa; Biết viết đúng tên người, tên địa lí Việt Nam; nghe – viết chính tả một đoạn văn, đoạn thơ khoảng 65 chữ.

- Viết được đoạn văn ngắn thuật lại sự việc chứng kiến hoặc tham gia; đoạn văn ngắn miêu tả đồ vật, đoạn văn ngắn nêu tình cảm, cảm xúc về con người hoặc cảnh vật; đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân, nêu được những thông tin quan trọng như: họ và tên, ngày sinh, nơi sinh, sở thích, ước mơ của bản thân.

4. Kiến thức tiếng Việt:

- Nhận biết được từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm; phân biệt được câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm (qua dấu câu, qua từ đánh dấu kiểu câu và công dụng của từng kiểu câu).

- Nhận biết câu văn, câu thơ sử dụng biện pháp tu từ so sánh, nêu được đặc điểm và tác dụng của biện pháp so sánh.

II. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Giáo viên làm phiếu theo nội dung bài 19 để HV làm.
- Học viên làm bài tập theo phiếu học tập để tự đánh giá kết quả học tập của mình.
- Giáo viên nhận xét, đánh giá bài làm của HV. Chuẩn bị Bài 20.

Chủ điểm: CÁC MÙA TRONG NĂM

Bài 20

MÙA HẠ ĐI ĐÂU (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và rõ ràng bài thơ, biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ. Hiểu ý của bài thơ: *là tình cảm yêu thương chăm chút của bà đối với cháu của mình.*

2. Luyện tập về từ và câu: Tìm được từ ngữ có nghĩa giống nhau.

3. Viết

- Viết đúng chính tả đoạn thơ trong bài *Mùa hạ đi đâu* theo hình thức nghe – viết; viết đúng từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng *ch/tr*, dấu hỏi, dấu ngã.
- Viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về cảnh vật.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video (sưu tầm) để gợi ý tìm từ có nghĩa giống nhau.

- Phiếu bài tập để tổ chức hoạt động luyện tập gắn với bài đọc, phiếu học tập tìm từ ngữ có nghĩa giống nhau (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Quê hương em có những mùa nào? Chia sẻ cảm giác của em về các mùa trong năm.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài thơ nói về *tình cảm của người bà dành cho em bé, người bà hiền dịu sưởi ấm cho em vào ngày đông lạnh giá và dạy em những điều bổ ích.*

- Giáo viên đọc toàn bài trước lớp. 2 HV đọc nối tiếp các khổ thơ.
- Giáo viên hướng dẫn đọc đúng tiếng/từ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của phát âm địa phương; hướng dẫn ngắt câu dài.
- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp các khổ thơ theo cặp.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 và 2:
 - (1). Bài thơ nói về mùa nào trong năm?
 - (2). Tìm những chi tiết, hình ảnh nói về mùa đó?
- Học viên đọc thầm lại bài thơ, chuẩn bị ý kiến trả lời câu hỏi. GV nhắc HV ghi vào vở.

Gợi ý: Bài thơ nói về mùa đông, với những chi tiết, hình ảnh: chùm vải, tiếng sấm trồn biệ, mặt trời đi ngủ sớm, cái rét theo vào nhà, đôi tai buốt,...

- Giáo viên/HV nêu câu hỏi 3 (Qua bài thơ, tác giả thể hiện tình cảm gì?)
- Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm thống nhất câu trả lời.

Gợi ý: Tác giả thể hiện tình cảm yêu thương, trân quý đối với bà của mình.

- Giáo viên/HV nêu câu hỏi 4 (Nêu suy nghĩ của bạn về người cháu trong bài thơ?)
- Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi theo cảm nghĩ của mình.
- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận các cách giải thích khác nhau, VD: Người cháu gần gũi với bà và có tình cảm rất sâu nặng đối với bà của mình.
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm từ ngữ thích hợp với mỗi mùa trong năm dưới đây.
- + Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm, ghi từ tìm được vào phiếu (nếu có).
- + Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

Mùa xuân	Mùa hạ	Mùa thu	Mùa đông
hoa đào, mưa phùn, ..	nắng rất, nóng bức, mưa rào,..	gió heo may, nắng hanh, ...	lạnh, gió mùa đông bắc, ...

- Bài tập 2. Đặt 2 – 3 câu với các từ ở bài 1.
- + Học viên làm việc cá nhân: đặt câu theo yêu cầu.
- + Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã đặt, cả nhóm nhận xét, góp ý.
- + Một vài HV đọc câu trước lớp.

TIẾT 3

3. Luyện từ và câu: Từ có nghĩa giống nhau

a) Bài tập 1. Nhìn tranh, tìm những từ có nghĩa giống với từ đã cho.

- Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Nêu nội dung các tranh, trao đổi để hiểu nghĩa của các từ ngữ đã cho, từ đó chọn từ ngữ theo yêu cầu và phù hợp với nội dung tranh.
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

*Củ lạc – đậu phộng
Mẹ - má
Trẻ em – con nít
Củ sắn – củ mì
Bố - Ba/cha
Cái bát – cái chén.*

b) Bài tập 2. Tìm các cặp từ ngữ có nghĩa giống nhau.

- Giáo viên nêu yêu cầu .
- Học viên làm việc cá nhân (hoặc cặp).
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

*To lớn – khổng lồ
Nhỏ xíu – bé tí
Bao la – mênh mông
Hiền lành – dịu dàng
Chăm chỉ – chịu khó
Yêu mến – yêu quý*

- Giáo viên nhận xét tiết học.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc 2 khổ cuối của bài thơ *Mùa hạ đi đâu*.
- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày các dòng thơ, khổ thơ.
- Học viên nghe GV đọc từng dòng thơ và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.

b) Làm bài tập

- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 2.
- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đối bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án:

Vườn cải

 Gió lên vườn cải tốt tươi
 Lá xanh như mảnh mây trời lao xao
 Em đi múc nước dưới ao
Chiều chiều em tưới, em rào, em **trông**

 Sớm nay bướm đến lượn vòng
 Thì ra cải đã lên ngồng vàng tươi
 Bé Giang **trông** thấy nhoe nười cười
 Nhăn nhăn cái mũi hờ mườì cái răng...

- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 3.
- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

Làng tôi có **lũy** tre xanh
 Có sông Tô Lịch **chảy** quanh xóm làng
 Trên bờ, **vải, nhãn** hai hàng
 Dưới sông cá lội từng đàn tung tăng.
 (Ca dao)

TIẾT 5

5. Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về cảnh vật

Bài tập 1:

- Giáo viên/HV nêu yêu cầu.
- Học viên làm việc nhóm, trả lời câu hỏi trong sách HV:
 - a) Đoạn văn tả rừng phương Nam vào buổi sáng sớm.
 - b) Đoạn văn tả vẻ đẹp của rừng phương nam vào buổi ban mai chi tiết từ ngọn cây, chiếc lá, đến các con vật hoang dã, nắng vàng, gió mát, mùi hương.
 - c) Cảm nghĩ của bạn về cảnh vật được nói đến trong đoạn văn: vẻ đẹp thanh mát, trong lành của rừng; mong muốn được khám phá, tham quan.

Bài tập 2:

- Học viên làm việc cá nhân, viết đoạn văn theo các câu hỏi gợi ý trong sách HV.
- Giáo viên mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý (các ý cần tập trung vào: tên cảnh vật, những đặc điểm nổi bật, cảm xúc/tình cảm của mình đối với cảnh vật được nói tới).

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 20.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
 - + Viết giới thiệu về một người mà bạn yêu quý.
 - + Chuẩn bị Bài 21.

Bài 21

GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và rõ ràng đoạn văn, biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp. Hiểu ý của đoạn văn: *Khung cảnh sinh hoạt ấm áp một sớm mùa đông của gia đình Sơn.*

2. Luyện tập về từ và câu: Tìm được từ ngữ có nghĩa giống nhau và từ có nghĩa trái ngược nhau.

3. Viết

- Viết đúng chữ hoa P, Q và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về cảnh vật.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video (sưu tầm) để gợi ý tìm từ có nghĩa giống nhau, từ có nghĩa trái ngược nhau.
- Mẫu chữ viết hoa/phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa P, Q.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Hãy kể lại khung cảnh gia đình em trong một buổi sáng mùa đông.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: đoạn văn *nói về sự chuyển mùa giữa mùa hạ và mùa đông qua nét bút miêu tả chân thực và tinh tế của ngòi bút Thạch Lam.*

- Giáo viên đọc toàn bài trước lớp. 2 HV đọc nối tiếp.
- Giáo viên hướng dẫn đọc đúng tiếng/từ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của phát âm địa phương; hướng dẫn ngắt câu dài.
- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp theo cặp.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1: Những chi tiết nào cho biết thời tiết thay đổi đột ngột?

- Học viên đọc thầm đoạn văn đầu tiên, chuẩn bị ý kiến trả lời câu hỏi. GV nhắc HV ghi vào vở.

Gợi ý: Hôm qua còn nóng bức, hôm nay đã cảm thấy lạnh,...

- Giáo viên nêu câu hỏi 2, 3:

(2) Cảnh vật mùa đông được miêu tả như thế nào?

(3) Bạn có nhận xét gì về buổi sáng mùa đông ở gia đình Sơn?

- Học viên đọc thầm đoạn văn cuối, chuẩn bị ý kiến trả lời câu hỏi. GV nhắc HV ghi vào vở.

Gợi ý: đất khô trắng, cơn gió vi vu làm bốc lên những màn bụi nhỏ, lá khô lay xạo, cây lan sắt lại vì rét. Mọi người đều cảm nhận được cái lạnh đầu mùa.

- Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi theo cảm nghĩ của mình.

- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận các cách giải thích khác nhau.

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm trong bài đọc từ ngữ nói về thời tiết.

+ HV đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm, ghi từ tìm được vào phiếu (nếu có).

+ Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án: nắng ấm, hanh, nóng bức, lạnh.

- Bài tập 2. Đặt câu nói về thời tiết ở địa phương mình.

+ Học viên làm việc cá nhân: đặt câu theo yêu cầu.

+ Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã đặt, cả nhóm nhận xét, góp ý.

+ Một vài HV đọc câu trước lớp.

TIẾT 3

3. Luyện từ và câu: Từ có nghĩa giống nhau và từ có nghĩa trái ngược nhau

a) Bài tập 1. Tìm từ có nghĩa giống nhau

- HV đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm.

- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Gợi ý:

- Vui vẻ: hạnh phúc, sung sướng, hân hoan,...

- Rộng lớn: mệnh mông, bao la,...

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn, thành thật,...

b) Bài tập 2. Tìm từ có nghĩa trái ngược nhau

- Giáo viên nêu yêu cầu.
- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp).
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Gợi ý:

Mạnh – yếu

Yêu – ghét

To – nhỏ

....

c) Bài tập 3: Tìm các từ có nghĩa trái ngược nhau trong các câu thành ngữ

- Giáo viên nêu yêu cầu.
- Học viên làm việc cá nhân.
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Gợi ý:

Nổi – chìm

Lên – xuống

Xa – gần

- Giáo viên nhận xét tiết học.

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Tô và viết chữ hoa P, Q.
- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa P, Q; phân tích cấu tạo của 2 chữ đó.
- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa P, Q.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.

b) Viết ứng dụng:

- Giáo viên mời HV đọc từ ngữ ứng dụng trong sách HV.
Quê cha đất tổ.
Phong ba bão táp.
- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng, nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Viết đoạn, bài: Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về cảnh vật

a) Bài tập 1

- Giáo viên/HV nêu yêu cầu.
- Học viên làm việc nhóm, trả lời câu hỏi trong sách HV: Thích nhất hình ảnh nào? Tại sao?

- Từng thành viên nói suy nghĩ của mình câu, cả nhóm góp ý.
- Giáo viên mời một số HV nói trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

Gợi ý: phong cảnh được miêu tả như thế nào? Màu sắc? Cảm xúc của mình khi nhìn vào bức tranh đó?,...

b) Bài tập 2

- Học viên làm việc cá nhân, viết đoạn văn theo các câu hỏi gợi ý trong sách HV.
- Giáo viên mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý (các ý cần tập trung vào: tên cảnh vật, những đặc điểm nổi bật, cảm xúc/tình cảm của mình đối với cảnh vật được nói tới).

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 21.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
 - + Viết giới thiệu với những người xung quanh cảnh đẹp quê hương mình.
 - + Chuẩn bị Bài 22.

Bài 22 CHUYỆN BỐN MÙA (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và rõ ràng bài đọc, biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp. Hiểu ý của bài đọc: Bài đọc *nói về cuộc nói chuyện của bốn chị em Xuân, Hạ, Thu, Đông. Mỗi chị em tượng trưng cho một mùa. Mùa nào cũng có vẻ đẹp và ý nghĩa riêng.*

2. Nói và nghe: Kể lại được đặc trưng của bốn mùa trong *Chuyện bốn mùa*.

3. Viết

- Viết đúng chính tả đoạn văn trong bài *Chuyện bốn mùa* theo hình thức nghe – viết; điền đúng từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng *r/d/gi*, *v/d*.
- Viết được 2 – 3 câu về chủ đề thời tiết.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video (sưu tầm) về chủ đề của bài.
- Phiếu bài tập để tổ chức hoạt động luyện tập gắn với bài đọc, phiếu học tập tìm từ ngữ có nghĩa giống nhau (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Hãy nói về thời tiết ngày hôm nay.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài đọc nói về cuộc nói chuyện của bốn chị em Xuân, Hạ, Thu, Đông.
- Giáo viên đọc toàn bài trước lớp. 2 HV đọc nối tiếp các đoạn văn.
- Giáo viên hướng dẫn đọc đúng tiếng/từ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của phát âm địa phương; hướng dẫn ngắt câu dài.
- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp các đoạn văn theo cặp.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1: Bốn nàng công chúa trong truyện tượng trưng cho những mùa nào trong năm?
- Học viên đọc thầm lại văn bản, chuẩn bị ý kiến trả lời câu hỏi. GV nhắc HV ghi vào vở.

Gợi ý: Bốn nàng công chúa tượng trưng cho bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông.

- Giáo viên/HV nêu câu hỏi 2: Vì sao bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông đều được yêu mến?

- Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm thống nhất câu trả lời.

Gợi ý: Mỗi mùa có đặc điểm riêng và đều có ý nghĩa nên được mọi người yêu mến: mùa Xuân: cây cối đâm chồi nảy lộc; mùa Hạ: có nắng về để cây đơm trái ngọt; mùa Thu: bưòi chín vàng, trẻ em vui phá cỗ Trung thu; mùa đông: nhà sàn bập bùng bếp lửa, được ngủ ngon trong chăn ấm.

- Giáo viên/HV nêu câu hỏi 3: Bạn thích nhất mùa nào trong năm? Vì sao?
- Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi theo cảm nghĩ của mình.
- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận các cách giải thích khác nhau.
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Chọn từ ngữ trong ngoặc đơn để nói về thời tiết từng mùa.
- + Giáo viên nêu yêu cầu.
- + HV đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm, ghi từ tìm được vào phiếu (nếu có).
- + Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

- Mùa xuân: mưa phùn gió bắc
- Mùa hạ: nóng bức, oi nồng
- Mùa thu: se se lạnh
- Mùa đông: giá lạnh
- Bài tập 2. Đặt 2 câu với từ ngữ tìm được nói về mùa trong năm.
- + Học viên làm việc cá nhân: đặt câu theo yêu cầu.
- + Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã đặt, cả nhóm nhận xét, góp ý.
- + Một vài HV đọc câu trước lớp.

TIẾT 3

3. Nói và nghe: Mùa trong năm

- Học viên làm việc cá nhân: Dựa vào gợi ý, tập kể lại câu chuyện.
- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên kể chuyện, cả nhóm góp ý.
- Học viên kể chuyện trước lớp, cả lớp góp ý, nhận xét:
- + Về nội dung.
- + Về cách diễn đạt.
- + Về cử chỉ, điệu bộ...
- Giáo viên nhận xét tiết học.

TIẾT 4

4. Chính tả

a) Nghe – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc Chuyện bốn mùa, từ *Bốn nàng tiên mãi trò chuyện* đến hết
- Học viên nghe GV đọc từng dòng và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.

b) Làm bài tập

- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập a.

- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án:

Buổi sáng mùa xuân, cảnh vật như vừa lấy lại sức sống mới. Khí trời se lạnh, gió thổi man mác. Từng đợt **gió** nhẹ thoảng qua, cành lá khẽ lung lay để lộ ra những **giọt** sương long lanh huyền ảo. Mặt trời vừa mới nhô lên tỏa ánh nắng sưởi ấm vạn vật. Chim hót **ríu rít** đón chào ngày mới. Trong vườn, chị Hồng chợt tỉnh giấc rồi hoà vào đám bạn đang đua nhau khoe sắc. Dưới cánh đồng, các bác nông **dân** đang làm việc chăm chỉ.

- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập b.
- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án:

- Cánh đồng lúa chín có màu: vàng.
- Một loại quả có nhiều mắt, khi chín có mùi thơm: dứa.
- Làm được một việc tốt, bạn cảm thấy: vui vẻ.
- Từ trái nghĩa với ngắn: dài.

TIẾT 5

5. Đọc và viết

a) Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

- Học viên đọc yêu cầu của bài tập.
- Học viên làm bài cá nhân: Đọc thầm bài *Mùa xuân đến*; đọc từ ngữ và các câu hỏi.
- Học viên trao đổi theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trình bày trước lớp; HV khác bổ sung.
- Giáo viên nhận xét, chốt đáp án đúng.

- Dấu hiệu đầu tiên báo mùa xuân đến: hoa mận tàn, bầu trời xanh, nắng vàng, cây đâm chồi, nảy lộc.
- Bầu trời và cảnh vật thay đổi như thế nào khi mùa xuân đến: Bầu trời thêm xanh, nắng rực rỡ, cây cối đâm chồi, nảy lộc, hoa bưởi, hoa nhài, hoa cau, các chú chim nhảy nhót,...
- Qua bài văn, tác giả muốn diễn tả những dấu hiệu báo mùa xuân đến được cảm nhận bằng tất cả các giác quan: thị giác, thính giác, khứu giác.

b) Viết 2 – 3 câu về đặc điểm nổi bật nhất của thời tiết ở địa phương bạn đang sống.

- Giáo viên giao nhiệm vụ.
- Học viên viết các câu vào vở.

IV. Củng cố, dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 22.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
 - + Tìm một số câu tục ngữ nói về thời tiết.
 - + Chuẩn bị Bài 23.

Chủ điểm: PHONG TỤC, TẬP QUÁN

Bài 23

NHÀ RÔNG Ở TÂY NGUYÊN (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và rõ ràng bài thơ, biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ. Hiểu ý của văn bản: *thể hiện vẻ đẹp độc đáo và vị trí quan trọng của nhà rông đối với đồng bào các dân tộc Tây Nguyên*.

2. Luyện tập về từ và câu: biết cách sử dụng dấu ngoặc kép.

3. Viết

- Viết đúng chữ hoa R, S và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Viết được đoạn văn thuật lại sự việc được chứng kiến, tham gia.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa/phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa R, S.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Kể về một phong tục ngày tết của quê hương.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: văn bản nói về *những nét đặc trưng của nhà rông ở Tây Nguyên*.

- Giáo viên đọc toàn bài trước lớp. 2 HV đọc nối tiếp các khổ thơ.

- Giáo viên hướng dẫn đọc đúng tiếng/từ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của phát âm địa phương; hướng dẫn ngắt câu dài.

- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp các khổ thơ theo cặp.

- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.

- Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.

- Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1). Nhà rông thường được sử dụng làm nơi tụ họp của buôn làng.

(2). Nhà rông thường được làm cao và chắc để khi đàn voi đi qua không đụng sào và khi múa rông chiêng trên sào, ngọn giáo không vướng mái.

(3). Nhà rông được cấu tạo ba gian. Gian đầu nhà rông là nơi thờ thần làng, gian giữa là nơi các già làng thường họp bàn việc lớn, gian thứ ba là nơi ngủ của thanh niên để bảo vệ buôn làng.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm các câu ca dao, tục ngữ gắn với các phong tục của ông cha ta.

+ HV đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm, ghi từ tìm được vào phiếu (nếu có).

+ Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

- Chúc tết cha, mẹ, thầy/cô giáo: mừng một tết cha, mừng hai tết mẹ, mừng ba tết thầy.

- Thờ cúng tổ tiên: uống nước nhớ nguồn,...

- Tục ăn trâu: miếng trâu là đầu câu chuyện,...

- Bài tập 2. Kể về một phong tục ngày tết của địa phương/dân tộc của bạn.

+ Học viên làm việc nhóm: Trao đổi trong nhóm, lựa chọn một phong tục trong ngày tết của địa phương, dân tộc mình và kể về phong tục đó.

+ Học viên kể trước lớp, cả lớp góp ý, nhận xét.

TIẾT 3

3. Luyện từ và câu: Dấu ngoặc kép

a) Bài tập 1. Đặt dấu ngoặc kép vào những chỗ thích hợp trong đoạn văn sau:

- Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm.
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

Tốt-tô-chan rất yêu quý thầy hiệu trưởng. Em mơ ước lớn lên sẽ trở thành một giáo viên của trường, làm mọi việc giúp đỡ thầy. Em nghĩ: “Phải nói ngay điều này để thầy biết”. Thế là, trưa ấy, sau buổi học, em chờ sẵn thầy trước phòng họp và xin gặp thầy. Thầy hiệu trưởng vui vẻ mời em vào phòng. Ngồi đối diện với thầy và hơi nghiêng đầu mỉm cười, cô bé nói một cách chậm rãi, dịu dàng, ra vẻ người lớn: “Thưa thầy, sau này lớn lên, em muốn làm nghề dạy học. Em sẽ dạy học ở trường này”.

b) Bài tập 2. Viết lại một cuộc đối thoại giữa em với bạn hoặc người thân trong gia đình có sử dụng dấu ngoặc kép

- Giáo viên nêu yêu cầu.
- Học viên làm việc cá nhân (hoặc cặp).
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.
- Giáo viên nhận xét tiết học.

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa R, S.
- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa R, S; hướng dẫn cách viết.
- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa R, S.
- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết chữ hoa R, S theo yêu cầu.

b) Viết câu ứng dụng

- Giáo viên mời HV đọc từ ngữ ứng dụng trong sách HV (Rừng vàng biển bạc./Sóng to gió lớn).
- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng, nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Viết đoạn văn thuật lại sự việc

a) Bài tập 1

- Học viên làm việc nhóm, từng thành viên nói theo tranh; cả nhóm góp ý.
- Giáo viên mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

Gợi ý:

- + Người dân đang tập trung nghe phát động về vệ sinh môi trường.
- + Các chị em phụ nữ đang quét dọn đường phố.
- + Mọi người đang thu gom rác thải ở ven đường đi.
- + Các bạn thanh niên đang dọn rác dưới kênh mương, khơi thông cống rãnh.

b) Bài tập 2

- Học viên làm việc cá nhân, viết đoạn văn theo các câu hỏi gợi ý trong sách HV.
- Giáo viên mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý (các ý cần tập trung vào: sự việc được chứng kiến, tham gia; sự việc đó diễn ra như thế nào, có những ai tham gia, suy nghĩ về sự việc đó).

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 23.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
 - + Kể với người thân về sự việc người tốt, việc tốt bạn tham gia hoặc chứng kiến.
 - + Chuẩn bị Bài 24.

Bài 24 LỄ HỘI XUỐNG ĐỒNG (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và rõ ràng bài văn, biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp. Hiểu ý của bài văn: Lễ hội xuống đồng là phong tục của một số dân tộc miền núi phía Bắc để cầu mong mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu.

2. Luyện tập về từ và câu: Biết cách sử dụng dấu gạch ngang.

3. Viết

- Viết đúng chính tả đoạn văn trong bài *Lễ hội xuống đồng* theo hình thức nghe – viết; điền đúng từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng x/s.
- Điền đúng dấu hỏi, dấu ngã.
- Viết đoạn văn thuật lại sự việc chứng kiến hoặc tham gia.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh để làm bài tập gắn với văn bản đọc.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Hãy kể về một lễ hội của dân tộc em hoặc em biết.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Lễ hội xuống đồng thể hiện ước mong của người dân một năm mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu.
- Giáo viên đọc toàn bài trước lớp. 2 HV đọc nối tiếp.
- Giáo viên hướng dẫn đọc đúng tiếng/từ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của phát âm địa phương; hướng dẫn ngắt câu dài.
- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp theo cặp.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 và 2:
 - (1) Lễ hội xuống đồng là nét đặc trưng của những dân tộc nào?
 - (2) Lễ hội xuống đồng thường được tổ chức vào thời điểm nào trong năm?
- Học viên đọc thầm đoạn văn đầu tiên, chuẩn bị ý kiến trả lời câu hỏi. GV nhắc HV ghi vào vở.

Gợi ý: Lễ hội xuống đồng là nét đặc trưng của các dân tộc: Tày, Nùng, Dao, Sán Chí, thường được tổ chức vào tháng giêng hằng năm.

- Giáo viên nêu câu hỏi 3: Những người đàn ông và phụ nữ thực hiện hành động gì?
- Học viên đọc thầm đoạn văn thứ hai, chuẩn bị ý kiến trả lời câu hỏi. GV nhắc HV ghi vào vở.

Gợi ý: Những người đàn ông sẽ xuống ruộng thực hiện những đường cày đầu tiên trong năm mới, còn phụ nữ thì trở tài thi cấy.

- Giáo viên nêu câu hỏi 4: Ý nghĩa của lễ hội xuống đồng?
- Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi theo cảm nghĩ của mình.
- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận các cách giải thích khác nhau.

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Nói cảm xúc của mình khi tham gia lễ hội của địa phương mình.
- + HV đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm.
- + Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến. GV và cả lớp xác nhận kết quả.
- Bài tập 2. Viết lại các câu đã nói ở bài tập 1.
- + Học viên làm việc cá nhân.
- + Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

TIẾT 3

3. Luyện từ và câu: Dấu gạch ngang

a) Bài tập 1

- Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm.
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

- + Lời nói của các nhân vật trong câu chuyện được đánh dấu bằng dấu gạch ngang.
- + Tác dụng của dấu gạch ngang: dùng để đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật trong đoạn hội thoại; đánh dấu phần chủ thích; đánh dấu các ý trong đoạn liệt kê.

b) Bài tập 2

- Giáo viên nêu yêu cầu.
- Học viên làm việc cá nhân.
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.
- Giáo viên nhận xét tiết học.

TIẾT 4

4. Chính tả

a) Nghe – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc bài *Lễ hội xuống đồng (từ Trên mỗi mâm cỗ đến lợn gà đầy sân)*.
- Học viên nghe GV đọc câu và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.

b) Làm bài tập

- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 2. Nêu nội dung các tranh, trao đổi để hiểu nghĩa của các từ ngữ đã cho, từ đó chọn từ ngữ theo yêu cầu và phù hợp với nội dung tranh.

- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.

+ Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án: *sút bóng, diễn xiếc, xúc đất, soi gương, thổi sáo, ngôi sao, mua sắm, xe máy.*

+ Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 3.

+ Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.

+ Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.

+ Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án:

- Chị **ngã** em nâng.
- Anh em trong nhà đóng **cửa** bảo nhau.
- Đàn ông xây nhà, đàn bà xây **tổ** ấm.
- *Công cha như núi Thái Sơn, Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

TIẾT 5

5. Viết đoạn văn thuật lại sự việc

a) Bài tập 1

- Học viên làm việc nhóm, từng thành viên nói theo tranh; cả nhóm góp ý.
- Giáo viên mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

Gợi ý:

- + Ngày tết đi chợ hoa mua cành đào.
- + Cả nhà quây quần gói bánh chưng.
- + Bà và các bạn nhỏ đang luộc bánh chưng.
- + Ông bà mừng tuổi các cháu.
- + Cọp đồ đang viết chữ.
- + Múa lân trên đường phố.

b) Bài tập 2

- Học viên làm việc cá nhân, viết đoạn văn theo các câu hỏi gợi ý trong sách HV.
- Giáo viên mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý (các ý cần tập trung vào: các hoạt động diễn ra trong lễ hội).

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 24.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:

- + Kể cho người thân về một lễ hội ở địa phương mình.
- + Chuẩn bị Bài 25.

Bài 25

BÁNH CHƯNG, BÁNH GIẦY (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và rõ ràng bài văn, biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp. Hiểu ý của bài văn: câu chuyện giải thích nguồn gốc bánh chưng, bánh giầy, từ đó đề cao lòng hiếu thảo và ý thức tôn kính tổ tiên của người Việt.

2. Nói và nghe: Kể về phong tục ngày tết.

3. Viết

- Viết đúng chữ hoa T, U, Ư và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Viết 2 - 3 câu nêu được cảm nghĩ về phong tục, tập quán.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh để làm bài tập gắn với văn bản đọc.
- Mẫu chữ viết hoa/phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa T, U, Ư.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Hãy kể về phong tục ngày tết của dân tộc em hoặc em biết.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Câu chuyện nói về nguồn gốc của bánh chưng, bánh giầy.
- Giáo viên đọc toàn bài trước lớp. 2 HV đọc nối tiếp.
- Giáo viên hướng dẫn đọc đúng tiếng/từ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của phát âm địa phương; hướng dẫn ngắt câu dài.
- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp theo cặp.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1: Vua cha yêu cầu các hoàng tử làm điều gì?
- Học viên đọc thầm đoạn văn đầu tiên, chuẩn bị ý kiến trả lời câu hỏi. GV nhắc HV ghi vào vở.

Gợi ý: Các hoàng tử phải chọn thức ăn ngon, bày mâm cỗ thì sẽ được truyền ngôi.

- Giáo viên nêu câu hỏi 2: Vì sao Lang Liêu lại được vị thần chỉ bảo?

- Học viên đọc thầm đoạn văn thứ hai, chuẩn bị ý kiến trả lời câu hỏi. GV nhắc HV ghi vào vở.

Gợi ý: tính tình đôn hậu, hiền lành, hiếu thảo lại mất mẹ từ nhỏ nên được một vị thần yêu quý, quan tâm chỉ bảo.

- Giáo viên nêu câu hỏi 3: Vị thần dạy Lang Liêu làm bánh như thế nào?

- Học viên đọc thầm đoạn văn thứ ba, chuẩn bị ý kiến trả lời câu hỏi. GV nhắc HV ghi vào vở.

Gợi ý: lấy gạo nếp làm bánh hình tròn và hình vuông, lấy lá bọc ngoài, đặt nhân trong ruột bánh.

- Giáo viên nêu câu hỏi 4: Hãy nêu suy nghĩ của bạn về ý nghĩa của tục dâng bánh lên tổ tiên của người Việt?

- Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi theo cảm nghĩ của mình.

- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận các cách giải thích khác nhau nhưng vẫn có những ý chung: đây là phong tục độc đáo, thể hiện tinh thần uống nước nhớ nguồn, biết ơn tổ tiên của người Việt.

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Sắp xếp lại thứ tự các tranh để hoàn thành các bước gói bánh chưng.

- + HV đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm.

- + Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án: 1 - 5 - 3 - 4 - 2 - 6

- Bài tập 2. Viết lại các câu đã nói ở bài tập 1.

- + Học viên làm việc cá nhân.

- + Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

TIẾT 3

3. Nói và nghe

- Giáo viên nêu yêu cầu trong sách HV.

- Học viên làm việc cá nhân: Dựa vào câu hỏi gợi ý để nói về phong tục ngày tết của địa phương/dân tộc mình.

- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên kể chuyện, cả nhóm góp ý.

- Học viên kể chuyện trước lớp, cả lớp góp ý, nhận xét:

- + Về nội dung.

- + Về cách diễn đạt.

- + Về cử chỉ, điệu bộ...

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa T, U, Ư.
- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa T, U, Ư; hướng dẫn cách viết.
- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa T, U, Ư. Chú ý điểm giống nhau, khác nhau giữa T, U, Ư.
- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết chữ hoa T, U, Ư theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng (*Ta về ta tắm ao ta. Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn./Ước gì sông rộng bằng gang. Bắc cầu dài yếm cho chàng sang chơi./Uống nước, nhớ nguồn.*), nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Đọc và viết

a) Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

- Học viên đọc yêu cầu của bài tập.
- Học viên làm bài cá nhân: Đọc thầm bài *Lễ cúng ông Công, ông Táo*; đọc từ ngữ và các câu hỏi.
- Học viên trao đổi theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trình bày trước lớp; HV khác bổ sung.
- Giáo viên nhận xét, chốt đáp án đúng.

- a. Ông Công ông Táo là những vị thần cai quản đất đai và việc bếp núc của con người.
 - b. Ông Công ông Táo được ông Trời phái xuống trần gian để theo dõi và ghi chép những việc làm thiện, ác của con người.
 - c. Hằng năm, ông Công ông Táo lên thiên đình báo cáo vào ngày ngày 23 tháng chạp.

b) Viết 2 – 3 câu nêu suy nghĩ về phong tục cúng ông Công ông Táo của người Việt

- Giáo viên giao nhiệm vụ.
- Học viên viết các câu vào vở.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 25.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
 - + Kể về một số phong tục đẹp của các dân tộc trong dịp năm mới mà bạn biết
 - + Chuẩn bị Bài 26.

Chủ điểm: THẮNG CẢNH ĐẤT NƯỚC

Bài 26 ĐÀ LẠT (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Đà Lạt*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Cảm nhận được vẻ đẹp của thành phố Đà Lạt được thể hiện qua bài đọc.

2. Luyện tập về từ và câu: Sử dụng được dấu ngoặc kép (đánh dấu phần trích dẫn trực tiếp hoặc lời đối thoại) và dấu gạch ngang (đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật).

3. Viết:

- Viết đúng chính tả 10 dòng cuối của bài thơ *Những cánh buồm* theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng có vần *ay/ây* hoặc *iêu/ươu*.

- Biết cách viết thư (cho người thân hoặc bạn bè).

4. Vận dụng: Quan tâm đến người khác; biết bày tỏ sự quan tâm bằng lời nói hoặc hành động phù hợp.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phiếu học tập viết sẵn nội dung bài tập 1 (Luyện tập gắn với bài đọc).
- Máy tính, máy chiếu để trình chiếu mẫu thư, mẫu phong bì thư (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

- Học viên giới thiệu một cảnh đẹp đất nước mà mình biết.
- Giáo viên giới thiệu bài mới.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ khó.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu dài (VD: *Đà Lạt/là một trong những nơi nghỉ mát/nổi tiếng vào bậc nhất/ở nước ta.//Đà Lạt/phẳng phát tiết trời của mùa thu/với sắc trời xanh biếc/và không gian khoáng đãng,/mênh mông,/quanh năm không biết đến/mặt trời chói chang mùa hè.*)
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc đoạn, bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
 - Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
 - Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.
- (1) Bầu trời ở Đà Lạt đẹp như thế nào? (Sắc trời xanh biếc và không gian khoáng đãng, mênh mông, quanh năm không biết đến mặt trời chói chang mùa hè).
- (2) Những khu vườn ở Đà Lạt tươi đẹp, đầy sức sống như thế nào? (Những vườn lê, táo... trĩu quả, những vườn su hào, xà lách, cải bắp mơn mớn nối liền với thảm cỏ xanh trải nghiêng dưới chân núi đến những rừng thông hoa lá màu xanh mượt mà bất tận...).
- (3) Tìm những từ ngữ, hình ảnh thể hiện vẻ đẹp của rừng, hồ và thác ở Đà Lạt. (Rừng mát rượi bóng thông, cỏ xanh mềm dưới chân như thảm trải; Hồ Xuân Hương, mặt nước phẳng như gương phản chiếu sắc trời êm dịu. Hồ Than Thở nước trong xanh, êm ả, có hàng thông bao quanh reo nhạc sớm chiều. Suối (thác) Cam Li xối ào ào tung bọt trắng. Bên bờ suối, những thân cây nghiêng mình loà xoà lá biếc soi gương nước).
- (4) Bạn có cảm xúc gì về cảnh đẹp của Đà Lạt? (HV nói theo cảm xúc cá nhân, VD; yêu thích, muốn đến thăm,...).

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm trong bài đọc những từ ngữ chỉ đặc điểm của sự vật
- + Giáo viên nêu yêu cầu.
- + Học viên thảo luận theo nhóm (hoặc cặp đôi), tìm từ ngữ theo yêu cầu.

+ Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến; GV nhận xét, cung cấp đáp án.

Sự vật	Từ ngữ chỉ đặc điểm của sự vật
Bầu trời	(sắc trời) xanh biếc, (mặt trời) chói chang.
Cây, rừng	xanh, trĩu quả, mơn mớn, mượt mà, mát rượi, xanh mềm, loà xoà, biếc.
Hồ, suối, thác	(mặt nước) phẳng như gương, trong xanh, êm ả, (bọt) trắng.

- Bài tập 2. Dựa vào nội dung bài đọc và hình ảnh minh hoạ, đặt 2 – 3 câu nói về cảnh đẹp ở Đà Lạt và cảm xúc của mình trước vẻ đẹp thơ mộng của Đà Lạt.

+ Giáo viên nêu yêu cầu.

+ Học viên làm việc cá nhân: viết các câu vào vở.

+ Một số HV báo cáo kết quả.

+ Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu (nếu cần).

TIẾT 3

3. Luyện từ và câu: Dấu ngoặc kép và dấu gạch ngang

a) Bài tập 1. Đọc bài thơ *Những cánh buồm* (trích đoạn) rồi trả lời câu hỏi.

- Giáo viên nêu yêu cầu.

- Học viên làm việc cá nhân (trên phiếu học tập).

- Một số HV nêu ý kiến trước lớp; cả lớp góp ý, bổ sung.

- Giáo viên nhận xét; chốt đáp án đúng.

Đáp án:

a. Tìm trong bài thơ lời của cha và lời của con:

+ “*Theo cánh buồm đi mãi đến nơi xa*

Sẽ có cây, có cửa, có nhà,

Nhưng nơi đó cha chưa hề đi đến.” (Lời của cha)

+ “*Cha mượn cho con cánh buồm trắng nhé,*

Để con đi...” (Lời của con)

b. Lời của cha và lời của con được đánh dấu bằng dấu câu nào? (Dấu ngoặc kép).

c. Viết lại lời của cha và lời của con, chú ý đánh dấu lời nói bằng dấu gạch ngang.

- *Theo cánh buồm đi mãi đến nơi xa, sẽ có cây, có cửa, có nhà, nhưng nơi đó cha chưa hề đi đến.*

- *Cha mượn cho con cánh buồm trắng nhé, để con đi...*

b) Bài tập 2. Dựa vào hình ảnh minh họa, viết đoạn văn về cuộc trò chuyện giữa Thuý và Thắng, trong đoạn văn có lời nói của nhân vật được đánh dấu bằng dấu gạch ngang hoặc dấu ngoặc kép.

- Giáo viên nêu yêu cầu.
- Học viên dựa vào mẫu, đặt câu khiến theo yêu cầu.
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu (nếu cần).

TIẾT 4

4. Chính tả

a) Nghe – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc 10 dòng cuối của bài thơ *Những cánh buồm*.
- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày các dòng thơ.
- Học viên nghe GV đọc từng dòng thơ và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.

b) Làm bài tập

- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập (2 hoặc 3).
- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án:

- Bài tập 2, VD:
 - + *con hươu, chai rượu, con khướu, cái bưởi, nướu,...*
 - + *cái niêu, hạt điều, khiêu vũ, yếu điệu, nhiều, diễu hành,...*
- Bài tập 3: *dậy, xảy, vậy, mây, cây.*

TIẾT 5

5. Viết đoạn, bài: Hướng dẫn Viết thư cho người thân hoặc bạn bè

a) Đọc thư và trả lời câu hỏi

- Giáo viên nêu yêu cầu.
- Học viên đọc thầm truyện, hỏi đáp theo cặp.
- Một số HV trình bày trước lớp; GV nhận xét; bổ sung.

Đáp án:

- Bức thư trên là của ai viết cho ai? (Thư của một người tên Thanh viết cho bạn của mình – tên là Tùng).
- Mở đầu thư (2 dòng đầu tiên) viết gì? (Viết địa điểm, thời gian viết thư; lời chào người nhận thư).
- Tiếp theo, người viết hỏi những gì và kể (thông báo) những gì? (Hỏi thăm tình hình của bạn và gia đình bạn; kể tình hình của bản thân).
- Cuối thư (3 dòng cuối) viết gì? (Lời hẹn gặp lại, chữ kí, họ và tên người viết thư).

b) Đọc phong bì thư dưới đây và trả lời câu hỏi

(Tổ chức như với bài tập 1)

Đáp án:

- Người nhận thư tên là gì, địa chỉ ở đâu? (Người nhận thư tên là Đỗ Sơn Tùng; địa chỉ: Thôn Khe Hóp, xã Mỹ Vàng - Huyện Văn Yên - Tỉnh Yên Bái.)
- Người gửi thư tên là gì, địa chỉ ở đâu? (Người gửi thư tên là Trần Minh Thanh; địa chỉ: Lớp 70 A Khoa Việt Nam học - Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội.)

IV. Củng cố, Dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 26.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà: Chuẩn bị viết thư cho người thân hoặc bạn bè.
- + Chuẩn bị Bài 27.

Bài 27

VÀM CỎ ĐÔNG (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài thơ *Vàm Cỏ Đông*, biết ngắt hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ. Hiểu nội dung bài thơ: nói về tình yêu và niềm tự hào của tác giả đối với dòng sông quê hương.

2. Luyện tập về từ và câu:

Biết sử dụng dấu hai chấm để báo hiệu phần giải thích, liệt kê.

3. Viết

- Viết được chữ hoa V, X và câu ứng dụng có chữ hoa.
- Viết được thư cho người thân hoặc bạn bè.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa/phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa V, X.
- Hình ảnh (hoặc vật thật): phong bì thư, tem thư.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên thảo luận theo cặp hoặc theo nhóm: Bạn biết con sông nào trên đất nước ta? Con sông đó có gì đẹp hoặc gây chú ý với mọi người?

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc một số câu thơ.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
 - Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
 - Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.
- (1) Tìm trong khổ thơ 1 những câu thơ thể hiện tình yêu thiết tha của tác giả đối với dòng sông quê hương. (*Anh mãi gọi với lòng tha thiết: Vàm Cỏ Đông! Ơi Vàm Cỏ Đông!*).
- (2) Dòng sông Vàm Cỏ Đông có gì đẹp? (*Bốn mùa soi từng mảnh mây trời; Từng ngọn dừa gió đưa phe phẩy; Bóng lồng trên sóng nước chơi vơi.*)
- (3) Tác giả so sánh dòng sông Vàm Cỏ Đông với những gì? (So sánh với dòng sữa mẹ, như tấm lòng người mẹ).
- (4) Những hình ảnh so sánh trong bài thơ nói lên điều gì về sông Vàm Cỏ Đông? (Dòng sông mang đến cho người dân sự ấm no và niềm vui ấm áp).

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Nêu những ích lợi của sông đối với đời sống của con người
- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập.

+ Học viên trao đổi trong nhóm.

+ Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến; GV nhận xét.

Ví dụ: Sông cho tôm cá; cung cấp nước tưới, làm mát không khí; sông là nơi di chuyển của nhiều người;...

- Bài tập 2: Đặt 2 – 3 câu nói về vẻ đẹp của sông hoặc ích lợi của sông đối đời sống con người.

+ Giáo viên nêu yêu cầu.

+ Học viên làm việc cá nhân: viết các câu vào vở.

+ Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến; GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa lỗi (nếu cần).

TIẾT 3

3. Luyện từ và câu: Dấu hai chấm

a) Bài tập 1. Trong mỗi câu in nghiêng, dấu hai chấm có tác dụng gì?

- Giáo viên nêu nhiệm vụ.

- Học viên làm việc cặp đôi: đọc các câu, hỏi đáp để trả lời câu hỏi.

- Một số HV nêu kết quả; HV khác nhận xét.

- Giáo viên chốt đáp án đúng.

Đáp án:

- Câu a: Dấu hai chấm báo hiệu sau đó là phần giải thích.
- Câu b: Dấu hai chấm báo hiệu sau đó là phần liệt kê.

b) Bài tập 2. Cần thêm dấu hai chấm vào vị trí nào trong mỗi câu?

- Giáo viên nêu nhiệm vụ.

- Học viên làm việc cá nhân hoặc cặp đôi.

- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác nhận xét.

- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).

Đáp án:

a) Ngoài cảnh rừng sâu và núi cao, núi Bà Đen còn chứa bao nhiêu là kì quan và di tích: gót chân Phật, suối vàng, hang gió...

b) Sau tiếng chuông của ngôi chùa cổ một lúc lâu, trăng sáng hẳn: trời bây giờ trong vắt, thăm thẳm và cao, mặt trăng nhỏ lại, sáng vàng vạc ở trên không.

c) Bài tập 3. Dựa vào nội dung bài thơ Vàm Cỏ Đông và chú giải từ ngữ, chọn từ ngữ và dấu câu phù hợp với chỗ trống để hoàn thành các câu.

(Tổ chức như với bài tập 2)

Đáp án:

a) Bài thơ thể hiện tình yêu tha thiết của tác giả đối với dòng sông quê hương: *sông Vàm Cỏ Đông*.

b) Sông Vàm Cỏ Đông là một nhánh của sông Vàm Cỏ, chảy qua hai tỉnh miền Nam nước ta: *Tây Ninh, Long An*.

TIẾT 4

4. Tập viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa V, X và câu ứng dụng (*Gió đưa cành trúc la đà/Tiếng chuông Trấn Vũ, Canh gà Thọ Xương*.)

- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa V, X; hướng dẫn cách viết.

- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa V, X.

- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết chữ hoa V, X theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng (*Gió đưa cành trúc la đà/Tiếng chuông Trấn Vũ, Canh gà Thọ Xương*), nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.

- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Viết đoạn, bài: Thực hành Viết thư cho người thân hoặc bạn bè

a) Viết thư cho một người thân hoặc một người bạn để thăm hỏi và chúc mừng năm mới

- Học viên đọc đề bài và các gợi ý.

- Giáo viên nêu yêu cầu: dựa vào gợi ý, viết thư theo yêu cầu.

- Học viên viết thư vào vở.

- Học viên đổi bài cho nhau để góp ý.

- Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến.

- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).

b) Viết phong bì, dán tem rồi chuẩn bị gửi thư

(Tổ chức tương tự như Bài tập 1)

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 27.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
 - + Rà soát lại bức thư và thông tin trên phong bì thư; bỏ thư vào phong bì rồi đem thư đi gửi.
 - + Chuẩn bị bài 28.

Bài 28
SỰ TÍCH HỒ BA BỂ (5 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng, rõ ràng các tiếng, từ, câu trong câu chuyện *Sự tích hồ Ba Bể*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu; biết đọc lời nhân vật. Hiểu nội dung và ý nghĩa câu chuyện: đề cao lòng nhân hậu; giải thích sự ra đời của hồ Ba Bể.

2. Nói và nghe: Kể được câu chuyện *Sự tích hồ Ba Bể*.

3. Viết:

- Viết đúng chính tả 2 khổ đầu của bài *Hoàng hôn trên sông Hương* (trích đoạn) theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng có vần *iu/ưu* hoặc *ong/ông*.

- Viết được đoạn văn thuật việc đã chứng kiến hoặc tham gia.

- Viết được 2 – 3 câu nêu ý kiến về trách nhiệm của mỗi công dân trong việc duy trì an toàn giao thông.

4. Vận dụng: Chuẩn bị được nội dung (ở dạng đề cương) cho một bài giới thiệu cảnh đẹp địa phương.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh phục vụ hoạt động kể chuyện (nếu chuẩn bị được).
- Bảng phụ viết sẵn các nội dung bài tập chính tả 2.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

HV kể tên một số câu chuyện có nội dung giải thích sự ra đời của sự vật hoặc giải thích tên gọi sự vật.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu dài hoặc/và lời nhân vật.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
 - Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
 - Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.
- (1) Mọi người đối xử với bà cụ ăn xin như thế nào? (Mọi người xua đuổi bà cụ. Riêng hai mẹ con bà goá đưa bà cụ về nhà, lấy cơm cho ăn rồi mời nghỉ lại qua đêm).
- (2) Trước khi chia tay mẹ con bà goá, bà cụ ăn xin làm gì? (Bà cụ cho hai mẹ con một gói tro để họ tránh nạn và cho hai mảnh vỏ trấu để họ làm việc thiện).
- (3) Điều gì xảy ra sau khi bà cụ chia tay hai mẹ con bà goá? (HV dựa vào phần cuối câu chuyện - từ “tối hôm đó” đến hết – để trả lời câu hỏi).
- (4) Theo bạn, câu chuyện có ý nghĩa gì? (Câu chuyện ca ngợi lòng nhân hậu; giải thích sự ra đời của hồ Ba Bể).

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm từ ngữ phù hợp nói về lòng tốt của hai mẹ con bà goá
 - + Giáo viên nêu yêu cầu.
 - + Học viên trao đổi cặp đôi.
 - + Một số HV báo cáo kết quả; cả lớp bổ sung. VD: *tốt bụng, nhân hậu, thương người,...*
 - + Giáo viên nhận xét.
- Bài tập 2. Đặt 2 – 3 câu nói về lòng tốt của hai mẹ con bà goá.
 - + Giáo viên nêu yêu cầu.
 - + Học viên làm việc cá nhân: viết câu vào vở.
 - + Một số HV báo cáo kết quả.
 - + Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu (nếu cần).

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Kể chuyện Sự tích hồ Ba Bể

- Giáo viên nêu yêu cầu: Kể lại câu chuyện *Sự tích hồ Ba Bể*.
- Học viên làm việc nhóm: dựa vào tranh, từng thành viên kể chuyện.
- Một số HV kể chuyện trước lớp; cả lớp góp ý, bổ sung.
- Giáo viên nhận xét.

b) Trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện

- Giáo viên giao nhiệm vụ.
- Học viên dựa vào gợi ý, nói suy nghĩ của mình (nói trong cặp/nhóm và nói trước lớp):
- Giáo viên nhận xét, bổ sung thông tin; nhận xét tiết học.

TIẾT 4

4. Chính tả

a) Nghe – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc bài *Hoàng hôn trên sông Hương* (trích đoạn).
- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày các dòng thơ, khổ thơ.
- Học viên nghe GV đọc từng dòng thơ và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.

b) Làm bài tập

- Bài tập 2. Chọn vần thích hợp với ô trống
- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 2.
- + Học viên làm việc cá nhân (chọn ý a hoặc b), sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đối bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp. GV nhận xét, nêu đáp án đúng.

Đáp án:

- Ý a: con cừu, bận tít tít, nâng niu, bưu điện, gió thổi hiu hiu, bảng cửu chương, cây ngải cứu, ỉu xiu, mưu trí, ưu điểm, lưu trữ, hưu trí.
- Ý b: con ong, dòng sông, trông mong, cây song, cánh đồng, lúa lên đồng, cá bống, quả bóng, mong đợi, nước trong veo, rộng mênh mông, cháu yêu ông bà.

- Bài tập 3. Tìm 5 từ ngữ chứa tiếng có vần *ưu/iu* hoặc *ong/ông*
- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 3.
- + Học viên làm việc cá nhân (chọn ý a hoặc b).
- + Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến.
- + Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV chữa bài (nếu cần).

Đáp án:

- Ý a: lưu ý, dịu dặt, trĩu nặng, níu kéo, quân bưu, sưu tầm,...
- Ý b: đóng cửa, ngóng trông, óng ả, cồng chiêng, cái võng,...

TIẾT 5

5. Đọc và viết

a) Đọc bài rồi trả lời câu hỏi

- Học viên đọc yêu cầu của bài tập và các câu tục ngữ.
- Học viên đọc thầm bài *Đi hội chùa Hương* và các câu hỏi.
- Học viên trao đổi theo cặp.
- Một số HV trình bày trước lớp; HV khác bổ sung.
- Giáo viên nhận xét, chốt đáp án đúng:

- Tìm những từ ngữ, hình ảnh cho thấy cảnh chùa Hương rất đẹp và thơ mộng. (HV dựa vào khổ thơ 1 để trả lời.)
- Những từ ngữ, hình ảnh nào bộc lộ cảm xúc của người đi hội:
- Cảm xúc hồ hởi, cởi mở đối với mọi người, mọi vật. (HV dựa vào khổ thơ 2 để trả lời).
- Cảm xúc say mê, tự hào về cảnh đẹp đất nước. (HV dựa vào khổ thơ 3, 4 để trả lời).

b) Viết 2 – 3 câu thể hiện cảm xúc của bạn trước vẻ đẹp của thiên nhiên nước ta

- Giáo viên giao nhiệm vụ.
- Học viên viết các câu vào vở.
- Một số HV báo cáo trước lớp.
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).
- Học viên sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 28.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:

+ Lập đề cương, chuẩn bị giới thiệu cảnh đẹp quê bạn (hoặc cảnh đẹp khác trên đất nước ta) với một người khách từ xa đến.

+ Chuẩn bị Bài 29.

Chủ điểm: VIỆT NAM - ĐẤT NƯỚC - CON NGƯỜI

Bài 29

KHẮP MIỀN ĐẤT NƯỚC (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và rõ ràng các câu ca dao, ngắt nhịp đúng giữa các dòng thơ lục bát. Nội dung: Cảm nhận được vẻ đẹp và sự giàu có của các miền trên đất nước ta, từ đó thêm tự hào về quê hương đất nước.

2. Luyện tập về từ và câu: Nêu được công dụng của dấu hai chấm; Viết được đoạn văn ngắn 4 - 5 câu nói về những cảnh đẹp của Việt Nam, trong đoạn văn có sử dụng dấu hai chấm.

3. Viết

- Viết đúng chữ hoa Y và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.

- Ghi chép được các chi tiết quan sát về đồ vật theo gợi ý.

4. Vận dụng: Viết được vào sổ tay một câu ca dao về cảnh đẹp quê hương.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa/phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa M, N.

- Tranh ảnh hỗ trợ quan sát đồ vật (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Kể tên những cảnh đẹp nổi tiếng trên đất nước ta.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài đọc nói về một số cảnh đẹp nổi tiếng trên đất nước ta.

- Giáo viên đọc toàn bài trước lớp. 2 HV đọc nối tiếp các câu ca dao.

- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp các khổ thơ theo cặp.

- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
- Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1). Câu ca dao đầu nói đến cảnh đẹp gì của Hà Nội? (Chùa Trấn Vũ và Hồ Tây).

(2). Những câu ca dao nào nói đến miền Trung? (Câu 2, 3).

(3). Cảnh ở miền Nam có gì đẹp? (HV nêu cảnh đẹp dựa vào nội dung từng câu ca dao, VD: Cảnh đẹp của Đồng Tháp Mười ở miền Tây Nam Bộ là ruộng thẳng cánh cò bay và rất nhiều tôm cá...).

(4). Theo anh/chị, ai đã giữ gìn tô điểm cho non sông ta ngày càng đẹp hơn? (VD: Cha ông ta từ bao đời nay đã gây dựng nên đất nước này; giữ gìn, tô điểm cho non sông ta ngày càng tươi đẹp hơn).

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc.

- Bài tập 1. Tìm từ ngữ chỉ sản vật của quê hương được nhắc đến trong bài đọc.

+ Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm, ghi từ tìm được vào phiếu (nếu có).

+ Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả (mạch nha, đường phôi, đường phèn, kẹo gương).

- Bài tập 2. Tìm thêm các từ ngữ khác chỉ sản vật trên các vùng miền của đất nước ta.

+ Giáo viên nêu yêu cầu.

+ Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm, ghi từ tìm được vào phiếu (nếu có).

+ Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả (VD: cốm làng Vòng – Hà Nội, bánh đậu xanh – Hải Dương, kẹo dừa – Bến Tre, bánh pía – Sóc Trăng,...).

TIẾT 3

3. Luyện tập: Dấu hai chấm

a) Bài tập 1. Xác định công dụng của dấu hai chấm trong câu văn.

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập hoặc 1 HV đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.

- Học viên làm việc theo nhóm: Đọc kĩ câu văn và đọc kĩ 3 công dụng của dấu hai chấm cho sẵn, lựa chọn công dụng của dấu hai chấm đúng với câu văn.

- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả (Báo hiệu phần giải thích).

b) Bài tập 2. Xác định công dụng của dấu hai chấm trong 3 câu văn.

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 2.

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc cặp).

- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

a. Báo hiệu phần liệt kê

b. Báo hiệu phần giải thích

c. Báo hiệu phần liệt kê

c) Bài tập 3. Viết đoạn văn ngắn (4 - 5 câu) nói về những cảnh đẹp của Việt Nam, trong đoạn văn có sử dụng dấu hai chấm.

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 3.

- Học viên làm việc cá nhân: viết đoạn văn theo yêu cầu.

- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc đoạn văn đã viết, cả nhóm nhận xét, góp ý.

- Một vài HV đọc đoạn văn trước lớp.

- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV chữa bài (nếu cần).

- Giáo viên nhận xét tiết học.

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa Y và câu ứng dụng (*Yêu quê hương, đất nước*).

- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa Y; hướng dẫn cách viết.

- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa Y.

- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết chữ hoa Y theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng *Yêu quê hương, đất nước*, nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.

- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Luyện tập viết đoạn văn tả đồ vật

a) Quan sát một đồ dùng trong nhà, ghi lại những điều đã quan sát được

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập.
- Học viên làm việc cá nhân: quan sát một đồ dùng trong nhà, ghi lại những điều đã quan sát được dựa vào câu hỏi gợi ý.
- Một vài HV trình bày trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

b) Nói về đồ dùng trong nhà mà anh/chị đã quan sát

- Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: nói về đồ dùng trong nhà đã quan sát.
- Một vài HV trình bày trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 28.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà: Viết vào sổ tay một câu ca dao về cảnh đẹp quê hương mà anh/chị thích.
- Chuẩn bị Bài 29.

Bài 30

CÂY VÀ HOA BÊN LĂNG BÁC (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và rõ ràng bài đọc, ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nội dung bài: Cây và hoa đẹp nhất từ khắp miền đất nước tụ hội bên lăng Bác thể hiện niềm tôn kính thiêng liêng của toàn dân với Bác.

2. Luyện tập về từ và câu: Điền đúng dấu gạch ngang hoặc dấu ngoặc kép, dấu hai chấm hoặc dấu phẩy vào chỗ trống trong đoạn văn; viết được một câu về cảnh đẹp của đất nước ta, trong câu có sử dụng dấu hai chấm để báo hiệu phần liệt kê.

3. Viết

- Viết đúng chính tả một đoạn trong bài *Cây và hoa bên lăng Bác* theo hình thức nghe – viết; viết đúng từ ngữ chứa tiếng có vần /n hoặc tiếng có vần ao/au.
- Viết được đoạn văn tả đồ dùng trong nhà.

4. Vận dụng: Viết được một vài suy nghĩ về việc giữ gìn, bảo vệ di sản thiên nhiên trên đất nước ta.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phiếu học tập cho bài tập 1, 2 Luyện từ và câu (nếu có).
- Một số thẻ *l/n* hoặc *ao/au* để HV gắn vào chỗ trống trong câu (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Chia sẻ cảm nhận về cảnh đẹp quanh lăng Bác.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài đọc nói về vẻ đẹp của các loài cây và loài hoa được trồng xung quanh lăng Bác.
- Giáo viên đọc toàn bài trước lớp. 2 HV đọc nối tiếp bài đọc.
- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp bài đọc theo cặp.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/ GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
 - Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
 - Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.
- (1). Lăng Bác được tả bằng những từ ngữ nào? (uy nghi mà gần gũi).
- (2). Hàng cây vạn tuế được trồng ngay thềm lăng tượng trưng cho điều gì? (Hàng mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho một hàng quân danh dự đứng trang nghiêm).
- (3). Những loài hoa nổi tiếng nào được trồng quanh lăng Bác? (Những loài hoa nổi tiếng ở khắp mọi miền đất nước được trồng quanh lăng Bác là: hoa ban, hoa đào Sơn La, hoa sứ đỏ Nam Bộ, hoa dạ hương, hoa nhài, hoa mộc, hoa ngâu).
- (4). Câu văn nào cho thấy cây và hoa cũng mang tình cảm của con người đối với Bác? (Cây và hoa của non sông gắn vóc đang dâng niềm tôn kính thiêng liêng theo đoàn người vào lăng viếng Bác).
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Kể tên một số loài cây, loài hoa nổi tiếng ở khắp miền đất nước.
- + Giáo viên nêu yêu cầu.
- + Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm, ghi từ tìm được vào phiếu (nếu có).
- + Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả (VD: hoa sen, hoa mai, hoa phượng, hoa dã quỳ, ...).
- Bài tập 2. Đặt câu về một loài cây hoặc loài hoa vừa tìm được ở bài tập 1.
- + Học viên làm việc cá nhân: đặt câu theo yêu cầu.
- + Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã đặt, cả nhóm nhận xét, góp ý.
- + Một vài HV đọc câu đã đặt trước lớp.

TIẾT 3

3. Luyện tập: Luyện tập về các dấu câu đã học

a) Bài tập 1. Chọn dấu gạch ngang hoặc dấu ngoặc kép thay cho ô vuông.

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập.
- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Đọc kĩ đoạn văn để chọn dấu gạch ngang hoặc dấu ngoặc kép thay cho ô vuông.
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

a) Đi cùng Loan một vòng quanh làng mới biết Loan được nhiều người yêu mến. Bọn bạn trong làng cứ gọi rối lên: “Loan ơi! Đi đâu đấy?”. Mấy đứa bé đi học về cũng chèo kéo: “Tối nay chị Loan tập cho chúng em một bài hát nữa nhé!”.

(Theo Lã Khắc Hoan)

b) Các em nhỏ tới chỗ ông cụ, lễ phép hỏi:

- Thưa cụ, chúng cháu có thể giúp gì cụ không ạ?

Cụ già thở nặng nhọc, nhưng đôi mắt ánh lên những tia ấm áp:

- Cảm ơn các cháu. Nhưng các cháu không giúp ông được đâu.

(Theo Xu-Khôm-lin-xki)

b) Bài tập 2. Chọn dấu hai chấm hoặc dấu phẩy thay cho ô vuông.

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập.
- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Đọc kĩ đoạn văn để chọn dấu gạch ngang hoặc dấu ngoặc kép thay cho ô vuông.
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

QUẢ SÒI VÀ QUẢ BÍ

Một hôm, bác nông dân ngồi nghỉ dưới tán một cây sồi, bên cạnh là một quả bí. Bác nghĩ:

– Đáng ra quả bí phải ở trên cây sồi. Cây to thì phải có quả lớn chứ nhỉ?

Bác vừa nói xong thì một quả sồi rơi xuống, trúng vào trán bác khiến nó sưng tấy lên. Bác kêu lên:

– Trời ơi, đau quá! May mà đó là quả sồi, chứ nếu là quả bí thì không biết chuyện gì xảy ra nữa. Hoá ra ông trời sắp đặt hợp lí cả rồi.

(Theo La Phong-ten)

c) Bài tập 3. Viết một câu về cảnh đẹp của đất nước ta, trong câu có sử dụng dấu hai chấm để báo hiệu phần liệt kê.

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 3.
- Học viên làm việc cá nhân: đặt câu theo yêu cầu.
- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã đặt, cả nhóm nhận xét, góp ý.
- Một vài HV đọc câu trước lớp.
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV chữa bài (nếu cần).
- Giáo viên nhận xét tiết học.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc đoạn văn đã viết.
- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày đoạn văn.
- Học viên nghe GV đọc từng câu và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.

b) Làm bài tập

- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 2 (a hoặc b).
- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án:

a) / hoặc n

Năm gian nhà cỏ thấp le te

Ngõ tối đêm sâu đóm lập ...òe

Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt

Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.

(Nguyễn Khuyến)

b) au hoặc ao

- Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ.

- Trèo cao ngã đau.

TIẾT 5

5. Luyện tập viết đoạn văn tả đồ vật

- Giáo viên nêu yêu cầu của tiết học:

Yêu cầu: Viết đoạn văn tả một đồ dùng trong nhà.

- Học viên làm việc cá nhân viết đoạn văn theo yêu cầu đã chọn.

- Học viên làm việc nhóm, từng thành viên đọc các câu mình đã viết; cả nhóm góp ý.

- Giáo viên mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 29.

- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà: Viết một vài suy nghĩ của anh/chị về việc giữ gìn, bảo vệ di sản thiên nhiên trên đất nước ta.

+ Chuẩn bị Bài 30.

Bài 31

HAI BÀ TRƯNG (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và rõ ràng bài đọc, ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nội dung truyện: ca ngợi tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm của Hai Bà Trưng và nhân dân ta.

2. Nói và nghe: Kể lại được câu chuyện *Hai Bà Trưng*.

3. Viết: Viết đúng chữ hoa A, Ă, Â, Q (kiểu 2) và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.

4. Vận dụng: Tự đọc hiểu bài thơ *Vàm Cỏ Đông*, viết được 2 – 3 câu nêu cảm nhận về bài thơ.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa/phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa A, Ă, Â, Q (kiểu 2).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Cùng chia sẻ những hiểu biết về Hai Bà Trưng.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc toàn bài trước lớp. 2 HV đọc nối tiếp bài đọc.
- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp bài đọc theo cặp.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
- Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1). Tìm những chi tiết cho thấy tội ác của giặc ngoại xâm (Chúng thẳng tay chém giết dân làng, cướp hết ruộng nương màu mỡ; bắt dân ta lên rừng săn thú lạ, xuống biển mò ngọc trai, khiến bao người chết vì hổ báo, cá sấu, thường luồng...).

(2). Hai Bà Trưng có tài và chí khí lớn như thế nào? (Hai Bà Trưng rất giỏi võ nghệ, nuôi chí giành lại non sông).

(3). Vì sao Hai Bà Trưng khởi nghĩa? (Vì Hai Bà Trưng yêu nước, thương dân, căm thù quân giặc tàn bạo đã giết chết ông Thi Sách và gây bao tội ác với nhân dân).

(4). Hình ảnh Hai Bà Trưng và đoàn quân ra trận được miêu tả hào hùng như thế nào?

(Khí thế của đoàn khởi nghĩa thể hiện qua các chi tiết:

- Hai Bà Trưng mặc giáp phục thật đẹp bước lên bành voi.

- Đoàn quân rùng rùng lên đường. Giáo, lao, cung, nỏ, rìu búa, khiên mộc cuộn cuộn tràn theo bóng voi ẩn hiện của Hai Bà. Tiếng trống đồng dội lên vòm cây, đập vào sườn đồi, theo suốt đường hành quân).

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- **Bài tập 1.** Kể tên những anh hùng chống giặc ngoại xâm trong lịch sử nước ta.

+ Giáo viên nêu yêu cầu.

+ Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Kể tên những anh hùng chống giặc ngoại xâm trong lịch sử nước ta.

+ Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả (VD: Bà Triệu, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn (Trần Hưng Đạo), Lê Lợi, Hồ Chí Minh,...).

- Bài tập 2. Viết 1 - 2 câu giới thiệu về một anh hùng chống giặc ngoại xâm.

+ Học viên làm việc cá nhân: đặt câu theo yêu cầu.

+ Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã đặt, cả nhóm nhận xét, góp ý.

+ Một vài HV đọc câu trước lớp.

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Kể chuyện Hai Bà Trưng

- Giáo viên nêu yêu cầu: kể lại câu chuyện *Hai Bà Trưng*.

- Học viên làm việc cá nhân: dựa vào tranh, tập kể lại câu chuyện.

- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên kể chuyện, cả nhóm góp ý.

- Học viên kể chuyện trước lớp, cả lớp góp ý, nhận xét:

+ Về nội dung.

+ Về cách diễn đạt.

+ Về cử chỉ, điệu bộ...

b) Nêu cảm nghĩ về hai vị anh hùng đầu tiên được lưu danh trong lịch sử nước nhà

- Giáo viên nêu yêu cầu.

- Học viên nêu cảm nghĩ của mình về hai vị anh hùng đầu tiên được lưu danh trong lịch sử nước nhà

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Tập viết.

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa A, Ă, Â, Q (Kiểu 2) và câu ứng dụng (*Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang / Bao nhiêu tác đất, tác vàng bấy nhiêu*).

- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa A, Ă, Â, Q (Kiểu 2); hướng dẫn cách viết.

- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa A, Ă, Â, Q (Kiểu 2). Chú ý điểm giống nhau, khác nhau giữa chữ hoa A, Ă, Â (Kiểu 2).

- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết chữ hoa chữ hoa A, Ă, Â, Q (Kiểu 2) theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng (*Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang/Bao nhiêu tác đất, tác vàng bấy nhiêu*), nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.

- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Đọc và viết

a) Đọc bài thơ và trả lời câu hỏi.

- Học viên đọc yêu cầu của bài tập.

- Học viên làm bài cá nhân: Đọc thầm bài thơ *Một chiều trung du* và các câu hỏi.

- Học viên trao đổi theo cặp, trả lời câu hỏi.

- Một số HV trình bày trước lớp; HV khác bổ sung.

- Giáo viên nhận xét, chốt đáp án đúng.

Đáp án:

a. Cảnh vật trung du được gợi lên qua các hình ảnh: lá cọ, vườn đồi cao thấp, những đồi cọ thẳm, giếng đá ong.

b. Tác giả nghĩ đến đất nước nghìn năm xưa khi đến trung du vì nơi đây có Đền Hùng – ghi dấu công lao 18 đời vua Hùng.

b) Viết 2 – 3 câu nêu cảm nhận của anh/chị về bài thơ

- Giáo viên giao nhiệm vụ.
- Học viên viết các câu vào vở.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 30.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà: Viết vào sổ tay những anh hùng chống giặc ngoại xâm mà anh/chị biết.
- Chuẩn bị cho Bài 31.

Chủ điểm: NGÔI NHÀ CHUNG

Bài 32

MỘT MÁI NHÀ CHUNG (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và rõ ràng bài văn, biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp. Hiểu ý của bài văn: hãy sống yêu thương, san sẻ, đùm bọc lẫn nhau. Cùng nhau bảo vệ mái nhà chung.

2. Luyện từ và câu: Từ có nghĩa giống nhau, từ có nghĩa trái ngược nhau, câu hỏi, câu kể, câu cảm, câu khiến.

3. Viết

- Viết đúng chính tả bài thơ *Một mái nhà chung* theo hình thức nghe – viết; điền đúng từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng *r/d/gi, n/nh*.
- Viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh để làm bài tập gắn với văn bản đọc.
- Bảng phụ ghi các bài tập luyện từ và câu (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Chia sẻ về quang cảnh ngôi nhà của bạn.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài thơ *Một mái nhà chung* nói về mái nhà của chung của tất cả chúng ta.
- Giáo viên đọc toàn bài trước lớp. 2 HV đọc nối tiếp.
- Giáo viên hướng dẫn đọc đúng tiếng/từ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của phát âm địa phương; hướng dẫn ngắt câu dài.
- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp theo cặp.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 và 2:
 - (1). Mái nhà riêng trong bài thơ là của những con vật nào?
 - (2). Những mái nhà riêng đó có đặc điểm gì?
- Học viên đọc thầm hai khổ thơ đầu, chuẩn bị ý kiến trả lời câu hỏi. GV nhắc HV ghi vào vở.

Gợi ý: mái nhà riêng của chim, của cá, của em, của bạn. Mỗi mái nhà có một đặc điểm riêng. Mái nhà của chim: làm bằng lá; mái nhà của cá: sóng xanh rập rờn; mái nhà của em: dưới giàn gấc; mái nhà của bạn: dưới giàn hoa giấy.

- Giáo viên nêu câu hỏi 3: Mái nhà chung của muôn loài là gì?
- Học viên đọc thầm đoạn văn thứ hai, chuẩn bị ý kiến trả lời câu hỏi. GV nhắc HV ghi vào vở.

Gợi ý: Mái nhà chung của muôn loài là bầu trời xanh.

- Giáo viên nêu câu hỏi 4: Nêu cảm nhận về bài thơ?
- Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi theo cảm nghĩ của mình.
- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận các cách giải thích khác nhau.
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm các từ ngữ chỉ đặc điểm trong bài thơ.
- + Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm.
- + Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Gợi ý: lá biếc, sóng xanh, đỏ, hồng, trời xanh, ...

- Bài tập 2. Đặt câu với các từ tìm được ở bài 1.
- + Học viên làm việc cá nhân.
- + Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

TIẾT 3

3. Luyện tập từ có nghĩa giống nhau, từ có nghĩa trái ngược nhau, câu hỏi, câu kể, câu cảm, câu khiến

a) Bài tập 1. Tìm các từ có nghĩa giống nhau với các từ sau.

- HV đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm.
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

- + *Riêng: tách, cắt, ...*
- + *Xanh: xanh biếc, xanh ngắt, ...*
- + *Cao: lênh khênh, khổng lồ, ...*
- + *Cuối cùng: hết, chấm dứt, ...*

b) Bài tập 2. Tìm các cặp từ trái nghĩa trong các câu .

- Giáo viên nêu yêu cầu.
- Học viên làm việc cá nhân.
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

Thấp – cao, mưa – nắng; cao – thấp, rộng – hẹp, dày – mỏng, lớn – bé, sáng – tối

c) Bài tập 3. Sắp xếp các câu sau vào kiểu câu thích hợp.

- Giáo viên nêu yêu cầu.
- Học viên làm việc cá nhân.
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án: 1 – d, 2 – a, 3 – b, 4 – c.

d) Bài tập 4. Đặt câu kể, câu cảm, câu hỏi, câu khiến theo tranh.

- Giáo viên nêu yêu cầu.
- Học viên làm việc cá nhân.
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.
- Giáo viên nhận xét tiết học.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc lại 3 khổ thơ đầu bài thơ Một mái nhà chung.
- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày bài thơ.
- Học viên nghe GV đọc câu và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.

b) Làm bài tập

- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 2. Tìm từ có chứa tiếng bắt đầu bằng *r/d/gi* có nghĩa.
- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án: *ru, giặt, dịu dàng.*

- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 3. Điền *n* hay *nh* vào từ in đậm trong các câu.
- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án:

Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp **hơn**
Cánh cò bay lá rập **rờn**
Mây mờ che **đỉnh** Trường Sơn sớm chiều.

TIẾT 5

5. Viết đoạn, bài: Viết đoạn văn nêu cảm xúc, tình cảm

a) Bài tập 1

- Học viên làm việc nhóm, từng thành viên nói theo tranh; cả nhóm góp ý.

- Giáo viên mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

Gợi ý:

- + Trái đất cây cối xanh tươi.
- + Trái đất bị ô nhiễm do khí thải, nước thải.
- + Trái đất quá đông dân số.

b) Bài tập 2

- Học viên làm việc cá nhân, viết đoạn văn theo các câu hỏi gợi ý trong sách HV.
- Giáo viên mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý (các ý cần tập trung vào nội dung của bức tranh và cảm nghĩ về bức tranh đó).

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 32.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
 - + Tìm đọc trên sách báo những bài viết về trái đất, về môi trường, về dân số,....
 - + Chuẩn bị Bài 33.

BÀI 33

CHUYỆN QUẢ BẦU (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và rõ ràng bài văn, biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp. Hiểu ý của truyện: Giải thích về nguồn gốc các dân tộc trên đất nước ta. Các dân tộc đều là anh em, cùng chung nguồn gốc, vì vậy cần phải đoàn kết, đùm bọc lẫn nhau.

2. Nói và nghe: Kể lại được văn bản *Chuyện quả bầu*.

3. Viết

- Viết đúng chữ hoa N, M, V và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Viết 2 – 3 câu nêu được nêu tình cảm, cảm xúc.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh để làm bài tập gắn với văn bản đọc.
- Mẫu chữ viết hoa/phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa N, M, V.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

HV làm việc cá nhân hoặc theo nhóm: Chia sẻ những câu chuyện lý giải về nguồn gốc của con người mà em biết.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài đọc giải thích về nguồn gốc các dân tộc trên đất nước ta theo truyện cổ của dân tộc Khơ Mú.

- Giáo viên đọc toàn bài trước lớp. 2 HV đọc nối tiếp.

- Giáo viên hướng dẫn đọc đúng tiếng/từ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của phát âm địa phương; hướng dẫn ngắt câu dài.

- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp theo cặp.

- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 và 2:

(1) Con dúm báo với hai vợ chồng điều gì?

(2) Nhờ đâu hai vợ chồng thoát khỏi nạn ngập lụt?

- Học viên đọc thầm hai đoạn đầu tiên, chuẩn bị ý kiến trả lời câu hỏi. GV nhắc HV ghi vào vở.

Gợi ý: Dúm báo sắp có mưa to gió lớn, nhờ chui vào khúc gỗ to theo lời dúm mà hai vợ chồng người đi rừng sống sót.

- Giáo viên nêu câu hỏi 3: Những điều kì lạ gì đã xảy ra với hai vợ chồng sau khi thoát nạn?

- Học viên đọc thầm đoạn thứ ba, chuẩn bị ý kiến trả lời câu hỏi. GV nhắc HV ghi vào vở.

Gợi ý: Người vợ sinh ra một quả bầu, nghe thấy tiếng cười đùa trong quả bầu, họ dúi quả bầu và thấy những con người bé nhỏ nhảy ra.

- Giáo viên nêu câu hỏi 4: Câu chuyện giải thích điều gì?

- Học viên chuẩn bị ý kiến trả lời câu hỏi. GV nhắc HV ghi vào vở.

Gợi ý: Giải thích về nguồn gốc các dân tộc trên đất nước ta. Các dân tộc đều là anh em, cùng chung nguồn gốc,

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm các từ có nghĩa giống với những từ sau.
- + HV đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm.
- + Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

mênh mông	vắng tanh	buồn	nhẹ nhàng
rộng lớn	lạnh lẽo	khổ sở	địu dàng

- Bài tập 2. Đặt câu với từ ngữ tìm được ở bài 1.
- + Học viên làm việc cá nhân.
- + Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Bài tập 1

- Học viên làm việc nhóm, từng thành viên nói sự việc trong từng tranh; cả nhóm góp ý.
- Giáo viên mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

b) Bài tập 2. Kể lại từng đoạn của Chuyện quả bầu theo tranh

- Giáo viên nêu yêu cầu: kể lại câu chuyện *Chuyện quả bầu*.
- Học viên làm việc cá nhân: dựa vào tranh, tập kể lại câu chuyện.
- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên kể chuyện, cả nhóm góp ý.
- Học viên kể chuyện trước lớp, cả lớp góp ý, nhận xét:
- + Về nội dung.
- + Về cách diễn đạt.
- + Về cử chỉ, điệu bộ...

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa N, M, V.
- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa N, M, V; hướng dẫn cách viết.

- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa N, M, V. Chú ý điểm giống nhau, khác nhau giữa N, M, V.

- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết chữ hoa N, M, V theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng (Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa/Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa./Vạn sự như ý), nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.

- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Đọc và viết

a) Đọc bài thơ và trả lời câu hỏi

- Học viên đọc yêu cầu của bài tập.

- Học viên làm bài cá nhân: Đọc thầm bài thơ *Bài ca về Trái đất*; đọc từ ngữ và các câu hỏi.

- Học viên trao đổi theo cặp, trả lời câu hỏi.

- Một số HV trình bày trước lớp; HV khác bổ sung.

- Giáo viên nhận xét, chốt đáp án đúng.

- a. Ở khổ thơ đầu, hình ảnh Trái đất hiện lên như trái bóng xanh giữa trời xanh.
- b. Vì sao tác giả lại nói: *Màu hoa nào cũng quý, cũng thơm!*, vì: trên Trái đất có nhiều dân tộc, nhiều màu da nhưng màu da nào cũng đều được tôn trọng như nhau, yêu quý như nhau, như những bông hoa nhiều màu sắc.
- c. Để Trái đất được bình yên, chúng ta phải đoàn kết, giữ gìn hòa bình.

b) Viết 2 – 3 câu về ý nghĩa của bài thơ *Bài ca về Trái đất*

- Giáo viên giao nhiệm vụ.

- Học viên viết các câu vào vở.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 33.

- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:

+ Trao đổi với người xung quanh về những hành động gìn giữ môi trường sống cho con người và muôn loài.

+ Chuẩn bị Bài 34.

Bài 34

ÔN TẬP - ĐÁNH GIÁ CUỐI NĂM/ CUỐI KÌ 3 (5 tiết)

I. HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH KÌ 2, HV CẦN ĐẠT ĐƯỢC CÁC YÊU CẦU SAU:

1. Đọc

- Đọc đúng các đoạn văn miêu tả, câu chuyện, bài thơ... Tốc độ đọc khoảng 60 – 70 tiếng trong 1 phút. Biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu hay chỗ ngắt nhịp thơ. Biết đọc theo ngữ điệu phù hợp với vai được phân trong một đoạn đối thoại có hai hoặc ba nhân vật.

- Nhận biết được chi tiết và nội dung chính của văn bản. Tìm được ý chính của từng đoạn văn dựa trên các câu hỏi gợi ý. Hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản dựa vào gợi ý. Nhận biết được điệu bộ, hành động của nhân vật qua một số từ ngữ trong văn bản. Nhận biết các chi tiết về thời gian, địa điểm, trình tự các sự việc,... trong văn bản được đọc. Nhận biết được cách sắp xếp thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian. Nêu được tình cảm và suy nghĩ về nhân vật, chi tiết, thông tin trong văn bản đã đọc. Nêu được những điều học được từ văn bản,...

2. Nói và nghe:

- Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích nói và đề tài được nói tới; có thái độ tự tin và có thói quen nhìn vào người nghe, biết tránh dùng từ ngữ kém văn hoá.

- Kể lại được câu chuyện đã đọc, đã nghe; biết trình bày, nêu ý kiến nhận xét hoặc trao đổi về một vấn đề phù hợp lứa tuổi.

3. Viết

- Viết đúng chữ thường và chữ hoa; Biết viết đúng tên người, tên địa lí Việt Nam; nghe – viết chính tả một đoạn văn, đoạn thơ khoảng 65 chữ.

- Viết được đoạn văn ngắn thuật lại sự việc chứng kiến hoặc tham gia; đoạn văn ngắn miêu tả đồ vật, đoạn văn ngắn nêu tình cảm, cảm xúc về con người hoặc cảnh vật; đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân, nêu được những thông tin quan trọng như: họ và tên, ngày sinh, nơi sinh, sở thích, ước mơ của bản thân.

- Viết được thông báo hay bản tin ngắn theo mẫu; điền được thông tin vào một số tờ khai in sẵn; viết được thư cho người thân hay bạn bè.

4. Kiến thức tiếng Việt

- Nhận biết được từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm; phân biệt được câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm (qua dấu câu, qua từ đánh dấu kiểu câu và công dụng của từng kiểu câu).

- Nhận biết câu văn, câu thơ sử dụng biện pháp tu từ so sánh, nêu được đặc điểm và tác dụng của biện pháp so sánh.

- Nhận biết công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật); dấu ngoặc kép (đánh dấu phần trích dẫn trực tiếp hoặc lời đối thoại); dấu hai chấm (báo hiệu phần giải thích, liệt kê).

II. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Giáo viên làm phiếu theo nội dung bài 19 để HV làm.
- Học viên làm bài tập theo phiếu học tập để tự đánh giá kết quả học tập của mình.
- Giáo viên nhận xét, đánh giá bài làm của HV.

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN DẠY HỌC XÓA MÙ CHỮ

TIẾNG VIỆT KỲ 3

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Số 9 - Ngõ 26 - Phố Hoàng Cầu - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

VPGD: Số 278 Tôn Đức Thắng, Q. Đống Đa - TP Hà Nội

ĐT: (024). 66860751 - (024). 66860753

Email: nxbdantri@gmail.com

Website: nxbdantri.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI THỊ HƯƠNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

LÊ QUANG KHÔI

Biên tập:

Võ Thị Kim Thanh

Vẽ bìa:

Vũ Thị Bình Minh

Sửa bản in:

Phạm Kim Ngân

Trình bày sách:

Phạm Thị Lê

Chế bản:

Phạm Thị Lê

LIÊN KẾT XUẤT BẢN: CÔNG TY CP SÁCH ĐẠI HỌC - DẠY NGHỀ

In 1.140 bản, khổ 19 × 26,5cm tại Nhà máy In Bộ Quốc phòng, Địa chỉ: Thôn Lưu Phái, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Số xác nhận đăng ký xuất bản số: 3671-2023/CXBIPH/17-132/DT

Quyết định xuất bản số: 3221/QĐXB-NXBDT do Nhà xuất bản Dân Trí cấp ngày 20 tháng 11 năm 2023.

Mã ISBN: 978-604-40-0239-2

In xong, nộp lưu chiểu quý IV năm 2023